

KHÔNG XUÂN-THU

**TRƯỜNG
VĨNH KÝ**

1837 — 1898

TRONG CHƯƠNG-TRÌNH VIỆT-VĂN
CÁC LỚP ĐỆ-THẤT VÀ ĐỆ-NHỊ TRUNG-HỌC



TỦ SÁCH

**NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TÂN VIỆT**

KHÔNG XUÂN-THU

T R U O N G
V Ì N H K Ý
(1837 — 1898)



TỦ SÁCH
NHỮNG MẢNH GƯƠNG
TRẦN VIỆT

... Chực cửa vàng, châu bệ ngọc
Nực cười hai chữ công-danh !
Nơi thành-thị có danh âu có nhục,
Chốn làm-tuyên càng tục lại càng thanh.

TRƯƠNG VĨNH KÝ
(*Ngư Tiên Trường Điệu*)

KHAI TỬ

Suốt cuộc đời của Trương Vĩnh Kỳ, ta thường nghe tiên-sinh nhắc đến câu cách-ngôn La-tinh sau đây : Sic vos non vobis (Ở với họ mà không theo họ). Trong bức thư thăm-thiết của tiên-sinh gửi cho một người bạn văn-hoà — bác-sĩ Chavanne — đề ngày tháng 10-1887, Trương-công vẫn còn nhắc lại với tất cả ý-niệm chân-thành của mình đối với thời cuộc (1).

Theo dõi cuộc đời của tiên-sinh, nhìn vào những tác-phẩm của tiên-sinh (đủ các loại : khoa-học, ngôn-ngữ, sử-học, thi ca...) chúng ta khó tìm được những khía-cạnh tâm-linh của tiên-sinh. Nhất là từ khi bước chân vào đường lối chính-trị, kẻ khen, người chê, kẻ trọng, người khinh, tiên-sinh cứ mang thứ mặc-cảm tội-lỗi (complexe de culpabilité) đau-đầu trong lòng mãi.

Tiên-sinh giành suốt đoạn đời còn lại để sáng-tác, đề miệt-mài nghiên-cứu. 118 tác-phẩm đã được ấn hành và còn bao nhiêu tác-phẩm biên soạn dở-dang ! Và trước khi lìa đời, tiên-sinh vẫn sống với cảnh nghèo-nàn, cơ-cực, bệnh-hoan mà tâm-tư vẫn khắc-khoải lo âu về công-luận phạm-bình mai sau :

Cuốn sổ hình sanh công với tội
Tìm nơi thăm phán đề thừa khai . . .

(Bài thơ Tuyệt Mệnh)

Có điều đáng cho ta chú-ý là :

— Khắc với Cao bá Quát, Tôn thọ Tường, Phan văn Trị,

(1) Dẫn kỹ ở chương « Châu-nân chính-trị » ở đoạn sau.

Huỳnh mãn Đạt, . . . suốt đời chẳng mấy khi tiên-sinh trần
tình tâm-sự của mình.

Thật dễ hiểu : tiên-sinh chuyên về việc nghiên-cứu và
cảm thấy nhiệm-vụ của mình là xong hữu đột trước trào-
lưu của đất nước nhà . . . to-tát, bao-la quá chừng !

Cũng may ! chúng tôi sưu-tầm được những bức thư
(bằng tiếng La-tinh và tiếng Pháp) gửi cho một vài nhà văn,
nhà bác-học ở Pháp (trong Á-châu-hội). Ở đây có rất nhiều
mẫu tâm-tình thể-hiện được nhân-sinh-quan và nhận-thức-
quan của tiên-sinh. Chúng ta đi từ những khía-cạnh sâu-thẳm
của tiểu vũ-trụ họ Trương mà đặt vấn-đề để phán-đoán
hành-động của tiên-sinh.

Chúng tôi mong rằng những bức thư chưa in (mà
chúng tôi dùng làm tấm kính soi các vấn-đề) hoạ may khai
sáng được một vài nòng-cốt của tư-tưởng tiên-sinh, khỏi
lủi-hỗ người dưới tuổi vàng được chúng ?

Có nên khe-khắt đối với một cá-nhân ở vào một hoàn-
cảnh gay-cấn, xúc bức như Trương vĩnh Kỳ không ?

Có nên đòi-hỏi ở sức người đã cố gắng như thế — sức
người hữu hạn — không ?

Văn-sử-liệu mà chúng tôi trình-bày và phê-phán sau
này hy-vọng giải-đáp điều đó.

Khởi thảo ở Lan-Hương trang tháng 3-1956.
Viết xong tháng 12-1957.

TÁC-GIẢ

NIÊN-BIỂU VỀ TRƯƠNG VINH KÝ

- 1837 : Sinh
 1842 : Học với cụ giáo Học.
 1845 : Học Quốc-ngữ.
 1847 : Học ở Pinhalu.
 1851 : Được học-bằng du-học.
 1852 : Đi học Pinang.
 1858 : Ra trường.
 1859 : Giúp cố Hòa.
 8-6-1861 : Cưới vợ
 1862 : Theo Simon ra Huế bằng tàu Forbin.
 5-6-1862 : Hòa-ước ký.
 1863 : Đi Pháp và châu Âu.
 1864 : Đi Pháp về dạy Quốc-văn các trường
 Trừ Tác Sài-gòn.
 1866 : Ấn hành : « Chuyện đời xưa.... »
 1867 : Ấn hành : « Abrégé de grammaire anna-
 mite »
 1868 : Ấn hành : « Cours pratique de langue
 annamite »
 2-11-1868 : Từ chức giáo-sư.
 1869 : *Gia-định-báo* được cải-tổ.
 1870 : Thông-ngôn cho sứ thần Y-pha-nho Pato-
 cot.
 26-11-1871 : Giáo-sư su-phạm thuộc-dịa.
 11-1872 : Giáo-sư Hậu-bổ, thư-ký ủy-ban quản-trị
 châu-thành Chợ-lớn.

- 3-1874 . : Giúp Đại-sứ Y-pha-nho ở Trung-hoa. Về làm giáo-sư, lại là hội-viên Á-châu hội; công-cán ở Bắc-kỳ.
- 1877 : Vào hội-dồng thành-phố Sài-gòn.
- 1886 : Paul Bert sang.
- 12-4-1886 : Ra Huế giúp cho vua Đồng-khánh.
- 14-10-1886 : Về Sài-gòn dưỡng bệnh.
- 1887 : Giáo-sư thổ-ngữ Đông-phương tại Hậu-hồ và trường Thông-ngôn.
- 18-3-1888 : Đi công-cán ở Vọng-các.
- 1-9-1898 : Chết.

SỰ HỌC-VẤN ĐỒ-DANG CỦA HỒI THƠ-ẤU

Ông (1) quán làng Vĩnh-thành, tổng Minh-lệ, huyện Tân-minh, tỉnh Vĩnh-long (Nam-phần) con thứ 3 của cụ Trương chánh Thi, hiệu là Sĩ Tài.

Người chị gái đầu mất từ năm còn thơ-ấu.

Trương vĩnh Sử là con thứ hai, cũng thông-minh, tài ba, sau này làm đến chức Đốc-phủ sứ. Trương vĩnh Kỳ là con thứ ba.

Khi ông Trương vĩnh Kỳ một hai tuổi, thân-sinh của ông theo mệnh-lệnh cắt-cử của triều-dinh lãnh binh đi đóng một vùng tại Nam-vang là một nơi ma thiêng nước độc vô cùng.

Nhưng nhậm chức đó chẳng được bao lâu thì thụ bệnh mà mất, cảnh nhà lâm bước vào bước bi-thương cơ-cực.

Sự giáo-dục, chăm-nuôi con trẻ trong nhà đều do một tay bà nương-phụ Nguyễn thị Châu.

Năm ông lên 5 thì bắt đầu vào học chữ nho với một cụ giáo tên là Học. Tuy là người có khả-năng, có tài-chi, tuy-nhiên Trương vĩnh Kỳ không thể nào theo đuổi mãi trên đường học-vấn khoa-hoạn mãi mãi được lúc còn bé.

Trương vĩnh Kỳ được từ-mẫu giao cho một vị linh-mục người Nam tên là cụ Tám.

Hơn 10 năm về trước, cụ Tám ở vào tình-trạng vô cùng khốn-đốn vì triều-dinh bắt đầu cấm đạo rất ngặt;

(1) Còn tên là Trương chánh Kỳ.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

may cũng nhờ được Võ-quan Trương chánh Thi che-chở nên mới được thoát thân trong những ngày hoạn-nạn đó.

Năm 1845, Trương vĩnh Ký bắt đầu học chữ Quốc-ngữ.

Nhưng rồi cơ-hội tốt-dẹp đó không còn kéo dài được mãi. Cụ Tám chết đi, để lại cho Trương vĩnh Ký một công-nghiệp dở-dang. Thế là Trương-sinh đành phải trở về sinh sống cùng với mẹ già.

BẮT ĐẦU XUẤT DƯƠNG

Bà sùng-phụ Nguyễn thị Châu thừa hiểu rằng :

Dù mình có ra công dạy-dỗ bao nhiêu chảng đi nữa cũng không tài nào đầy-dủ, chu-dáo cho bằng những nhà giáo-dục chuyên môn. Hơn nữa, ý-chí của bà là cố cách cho Trương-sinh theo đuổi việc học-tập cho đến nơi đến chốn mới được.

Thế là bà cụ liền giao cho cố Long, một nhà truyền-giáo người Pháp vừa đến đóng ở Cái-mang. Cố Long thấy Trương-sinh là một thiếu-niên tuấn-tú ham học, ham biết cho nên ra sức dạy-dỗ cho đến kỳ cùng.

Cố Long chẳng những dạy cho Trương-sinh học chữ quốc-ngữ mà thôi, mà còn dạy cho chữ La-tinh nữa.

Nhưng chuyện đời có lắm chuyện khắt-khe, người có chí học-tập thì luôn luôn gặp nhiều chướng-ngại khó khăn.

Trong nước, lúc bấy giờ những cuộc cấm đạo khắt-nghiệt hơn trước, vả lại, vì ý-chí cương quyết bất khuất của các vị linh-mục, giáo-sĩ, khiến cho những vị quan bảo thủ càng ghét hơn.

Cố Long cùng ba người tùy-tùng — trong đó có cả Trương Vĩnh Kỳ — tìm cách để thoát ra khỏi chốn hiểm-nghèo đó.

Cuộc du-hành mạo-hiểm này vô cùng khổ-sở.

Họ phải trải nhiều bận mới mong thoát thân được. Có khi họ giả làm một nhà tu sĩ, có khi lại bận y-phục đám cưới, rồi cũng cờ, cũng mả, cũng cần-dại, đủ

TRƯƠNG VĨNH KÝ

cách, đủ phương-pháp làm sao cho thoát khỏi sự dòm-ngó của nhà cầm-quyền lúc bấy giờ là được. Trên con đường viễn-hành đó, hễ có khi nào rỗi-rãnh, thuận-tiện thì lại thấy cố Long diu-dắt Trương-sinh học chữ La-tinh.

Có nhiều khi, họ chạy dài trên đường rừng vô cùng đói-khốn, khổ-sở, thế mà đến cuối cùng, Trương Vĩnh Ký đã tinh-thông chữ la-tinh và ngoài ra lại còn biết thêm nhiều ngoại-ngữ khác nữa.

Ý-chí đó khiến cho cố Long càng thương-mến và quyết đưa học cho đến nơi đến chốn.

Cố Long nghĩ đến cách tìm một nơi yên-ổn, đủ phương tiện để Trương-sinh theo học được kết-quả rõ-ràng hơn.

Trường Pinhalu ở Cao-miên đã nhận cậu học-sinh ngoan-ngoãn và thông-minh đó!

(Sau này, trường này được vinh-dự có bậc thành tài ngoại-quốc ấy).

Đây là một dịp tốt để cho Trương-sinh sớm tiếp-xúc với các bạn ngoại-quốc dễ-dàng ở học-đường cũng như trong tình thân-hữu.

Đây cũng là cơ-hội cho Trương-sinh học thêm những thứ tiếng mới như :

- Xiêm
- Diển-diện
- Khmer
- Lào
- Trung-hoa v.v. . .

Càng đi sâu vào ngôn-ngữ các nước, Trương-sinh bắt đầu phát-triển vì phân-tách tinh-vi, nhận-xét kỹ-lưỡng cách phát âm, biến âm để dễ-dàng thấu-nhật.

Có lẽ xu-hướng về từ-ngữ-học của tiên-sinh phát-xuất từ thời-kỳ đó.

HỌC Ở PINANG

Vào năm 1851, nhà trường Pinhalu cấp ba học-bằng cho 3 học-sinh ưu-tú nhất của nhà trường sang học tại trường đạo Pinang (Séminaire général) (1). Trương Vĩnh Ký có trong số đó.

Họ cùng theo cố Long về kinh-đò Cao-miên để yết-kiến nhà vua. Lần đầu tiên bước vào cung-diện, Trương-sinh có vẻ lúng-túng ngượng-ngùng mãi.

Nhưng với đức tự-tin và chỉ mong cho chóng lên đường đi du-học cho nên Trương-sinh vô cùng hăng-hái.

Dưới sự hướng-dẫn của cố Long, họ đối-đáp trôi-chảy những lời chất vấn cùng những câu thăm hỏi, lời khuyên dạy ân-cần của nhà vua. Nhà vua vô cùng bằng lòng, yêu-mến liền cấp cho họ một đôi voi để vận-chuyển, quân-lính hộ-vệ và một số các đồ hành-lý nữa.

Sau mười ngày lăn-lộn rừng, núi, suối, khe, đôi voi cứ đứng ý ra dấy, dù dỗ-dành thế nào chẳng nữa cũng không đi. Đến khi đánh-dập thì nó chạy thẳng vào rừng, mang theo cả đồ hành-lý.

Thầy trò lúc đó gặp nhiều gian-nan. Phần thì sức khoẻ thiếu sút phần thì lương-thực càng ngày càng cạn khô dần.

May cũng nhờ các nhà tu-hành bản-xứ cùng mấy vị linh-mục người Âu giúp-đỡ phương-tiện cho.

(1) Đây là chính-giáo của Hội Truyền-giáo Viên-dòng (theo Nam-kỳ Tuần-báo số đặc biệt).

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Thế là cơn nguy-hiểm được thoát khỏi ! Và họ cùng nhau lên đường về Sài-gòn.

Đã lâu ngày xa vắng gia-đình, mẹ và anh không gặp-gỡ mình được, và lại còn chờ-dợi đủ tiện-nghi là lên đường. Mẹ và anh đành phải lên Thị-nghè để hàn-huyên.

Nhưng phút gặp-gỡ quá nhanh. Chưa đầy 2 tiếng đồng-hồ, họ phải lên đường ngay cho kịp thời giờ.

Ròng-rã 3 tháng trời lênh-dênh trên mặt bể, họ đến Pinang.

. . .

Từ năm 1852 đến 1858, nghĩa là từ 15 cho đến 21 tuổi, Trương vĩnh Ký bắt đầu học tiếng Hy-lạp, trau-dồi tiếng La-tinh cho thêm tài-ba, bác-học hơn nữa.

Trong một kỳ thi văn-chương do một vị quan cai-trị người Anh tổ-chức, Trương vĩnh Ký đỗ đầu. Điều đó cũng đủ chứng-minh cho ta thấy khả-năng văn-học của họ Trương đã lên khá cao rồi.

Nhưng ước-vọng của Trương-sinh là học tiếng Pháp. Người ta kể lại một câu chuyện về lối bắt đầu học tiếng Pháp của ông ở Pinang như sau :

Một hôm, thầy giáo hướng-dẫn anh em bạn học trong lớp dạo chơi ở sân trường. Thình-lình, cậu thấy một mẫu giấy gấp tư viết bằng một thứ chữ lạ (chữ Pháp).

Trương-sinh chú-ý đến những mẫu-tự La-tinh và lấy làm lạ khi thấy hai thứ chữ Pháp và La-tinh gần giống nhau. Thế là Trương vĩnh Ký mò-mẫm dịch bức thư đó ra tiếng La-tinh.

Nội-dung bức thư đó gửi thăm một giáo-sư trong trường. Trương-sinh đưa lá thư và cả bản dịch cho thầy giáo xem. Thầy giáo vô cùng ngạc nhiên khi thấy óc suy-xét của một cậu thiếu-niên mà tinh-tế đến thế. Thế là các thầy giáo ở trường tìm sách-vở, văn-phạm, từ-ngữ để dạy cho Trương vĩnh Ký.

Chẳng mấy chốc mà Trương-sinh thông hiểu văn-chương Pháp khá sâu-xa.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Dần dà, Trương-sinh học thêm :

- Tiếng Anh.
- Tiếng Nhật.
- Tiếng Ấn-độ.

Sau 6 năm trời học-tập, Trương vĩnh Ký được ra trường.

Trước đường đời, Trương-sinh phân vân vô cùng. Nếu quay trở về tìm một nghề cho tự-do thì không đành, vì tâm-tri và tư-tưởng nhất định phụng-sự cho đạo cả. Trương vĩnh Ký quan-niệm rằng :

Dù ở đâu chăng nữa, miễn là giữ trọn giá-trị chân chính của lương-tâm con người, đem tài-năng và đạo-dức ra để hành-dộng có lợi cho nhân-quần xã-hội, cho tổ-quốc là được.

Cần nhất là phải chân-thành.

Chân-thành với mình và với người.

Chân-thành đối với mọi khả-năng hoạt-dộng của con người, trên khắp địa-hạt :

- Tư-tưởng.
- Tình-cảm.
- Hành-dộng.

Còn đang phân vân trên hai ngã đường : nên tu-hành hay nên ra làm nghề tự-do... thì được tin từ-mãn qua đời.

Cụ nhất quyết lên đường về quê nhà. Đó là năm 1858.

TRƯƠNG VĨNH KÝ LẬP GIA-ĐÌNH

Đến năm 25 tuổi, Trương vĩnh Ký bắt đầu lập gia-đình. Theo lời giới-thiệu của cố Đoan, chàng thanh-niên họ Trương đính hôn với cô Vương thị Thọ, ái-nữ của ông Vương Ngun, hương chủ tại làng Nhơn-giang (Chợ-quán).

Hôn-lễ cử-hành vào hôm mồng một tháng năm năm tân dậu (tức là ngày mồng 6 tháng sáu năm 1861)

Tuy sống nồng-thắm với gia-đình, nhưng không vì thế mà chàng thanh-niên họ Trương xao-nhãng bao nhiêu công-việc nước nhà của mình gánh-vác.

Tâm-sự của họ Trương gần giống như tâm-trạng của Phan thanh Giản gặp bước xa-cách :

*Đường mây cười tở ham giọng-ruổi,
Trương liễu thương ai chịu lạnh-lùng.*

hay là :

*Chút nghĩa vương mang phải gặng đi
Tang-bồng dành rõ chi nam-nhĩ.*

Nhưng về sau, khi đã bôn-ba quá nhiều, Trương vĩnh Ký không thể nào không nghĩ đến gia-đình hạnh-phúc được, nhất là đối với vợ, với con.

Trong bức thư gửi cho vua Đồng-khánh đề ngày hai mươi bảy tháng 9 năm 1886, Trương có viết :

« Bước chân ra đi, vợ lịu-địu, nước mắt không ráo tròng, tâm phần luyến chúa, hai phần tư-gia, dùm-dặng

TRƯƠNG VĨNH KÝ

biếng bước, muốn dừng mà cơ-quan khiến như thế, biết sao... (Lược một đoạn dài)...

« Chuyển này tôi ra hầu Hoàng-thượng đã hơn 4 tháng nay rồi. Vợ con cũng ra theo hơn một tháng rồi nay... »

(Trích ở cuốn *Correspondance échangée par S. M. l'Empereur Đồng-khánh avec Pétrus J. B. Trương vĩnh Ký — Erudit Cochinchinois. Textes traduits par M. Nicolas Trương vĩnh Tống et mis en vers français par M. Raphael Barquissau*) (1).

Có điều đáng cho ta chú-ý là Trương vĩnh Ký thích giải-phẫu về tâm-lý và sinh-lý về vấn-đề hôn-nhân.

Ta nên nhớ : Trương là một người am-tường khoa-học và luôn luôn đặt mọi vấn-đề dưới tầm mắt khoa-học. Trương đi vào phạm-vi tâm-sinh-vật-học với hai vai trò : vai trò chủ-quan và vai trò khách-quan ; nói một cách khác — theo danh-từ tâm-lý-học — vai trò quan-sát và đối-tượng quan-sát.

Con người suy-luận của tiên-sinh có khi tràn-lấn cả con người tình-cảm, lợi-dụng tất cả mọi khía-cạnh của cuộc sống để bồi-bổ cho sự học của mình càng ngày càng thêm minh-xác, thấu-thập những kết-quả thiết-thực.

Vi quan-niệm rằng : phải theo đuổi đà tiến-hóa của tất cả mọi vật, tìm hiểu những định-luật chi-phối của nó (nguyên văn của Trương vĩnh Ký bằng tiếng La-tinh : *Cognoscendo rerum humanarum vicissitudinis leges, nihil admiramur : oportet ut eveniat quod cursu rerum advenire debet*) cho nên việc lấy vợ của ông cũng là một dịp để cho ông hiểu thêm vấn-đề hôn-nhân và sinh-sản-học.

Trong bức thư (không thấy đề rõ ngày, tháng, năm nào cả) của ông viết cho bác-sĩ Chavanne có đoạn như sau :

(1) Tại thư-viện Nam-phần chỉ còn 1 bản.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

« ... nhân vì ngài có một địa-vị cao-quí trong học-giới một nước lớn ở Tân thế-giới, ngài cho phép tôi đem trình ngài cái thuyết (...) *con trai hay con gái theo ý muốn*.

Tôi xin vắn-tắt kể lại đầu đuôi sự phát-minh của tôi :
« ... Năm 1861, tôi sắp lập gia-đình.

Tôi có ý tìm-tòi những luật riêng về sự sinh-sản của loài người. Sau khi nghiên-cứu những sách y-học Đông, Tây, tôi thấy rằng các nhà bác-học chỉ mon-men chung quanh một sự thực mà không dám minh-định lại.

Hòa-hợp mọi điều lại một cách có lý, tôi định đi đến kết-quả của những sự tìm-tòi và thí-nghiệm của tôi trước hết bằng cách dựa vào sự tương-phản của hai nguyên-ủy *âm dương*, nguyên-ủy giống đực giống cái « đối nhau »... của đời sống loài người và sự-vật trong hết cái hiện có... rằng mọi sự đều phải có... những định-luật riêng. Và lại, sự sinh-đẻ và giống cái là một trong những nguyên-lý...

Như vậy cốt phải tìm ra... những y-sĩ đều phải công-nhận rằng buồng trứng đàn-bà có thứ trứng đực, thứ trứng (...) sự (...) hai giao-tổ ấy (...) Phải đi đến (...) khởi-diểm và thời-hạn của (...) thay-đổi của hai giao-tổ kia...

Một ngày kia mà tôi đã tìm được khởi-diểm và thời-hạn (điểm x) tôi lấy vợ. Tôi đã thành công mỹ-mãn khi liên-tiếp sinh hạ con trai rồi đến con gái, và tôi đã có một con trai một con gái, một con trai rồi một con gái, rồi mới thêm một con trai.

Một hôm quan Thống-đốc là Thủy-sư Đô-đốc Dupré viết thư mời tôi lên thăm ngài.

Ngài cậy tôi kiểm hột vàng của người Nam cho hai cô con gái.

Tôi hỏi ngài :

— « Thưa Đô-đốc, ngài chỉ sinh có hai con gái mà thôi chứ không có một cậu con trai nào hay sao? »

Ngài đáp :

— « Vàng, buồn thay! »

TRƯƠNG VĨNH KÝ

(...) Ngài không biết chọn giống và (...)

Đồ-dốc liền cười.

Ông Bác-sĩ Lacroix sở Y-tế cùng ông chánh văn-phòng có mặt tại đó cũng cười theo (...)

Tôi lấy làm hài lòng mà đáp lại mọi lời bác bẻ của các ông này (...) vẫn không chịu tin như (...)

Tôi liền hỏi thêm rằng :

Vì (...) và nhân tôi không dả động gì đến (...) một đứa con khai sau đứa con thứ năm nọ (...) tôi sắp gửi giấy (...) các ngài có muốn thế không ?

— Vâng, vâng.

(Họ đồng thanh trả lời tôi).

Tôi nói :

Vậy thì các ông sẽ nhận được.

Quả nhiên, mười tháng sau, các ông ấy nhận được tin báo một đứa con trai ra đời. Thế rồi tôi muốn chỉ toàn là con trai. Chúng nó đã ra đời cả một giầy vậy.

Thỉnh-thoảng tôi đem bí-quyết ấy nói cho (...) họ hỏi tôi và cũng thành công như tôi.

Tôi có thể định được khởi-diêm và nói cho ai muốn biết (...) những lời chỉ-dẫn rất đơn-giản nếu người ta (...) và nếu họ là (...) sự thành công sẽ chắc chắn.

Tôi có ý đem chứng-minh thuyết của tôi ở Ba-lê vào năm 1900 trong những cuộc diễn-thuyết giữa công-chúng, trường Đại-học mà ngài có địa-vị muốn rằng (...) (1)

(Chúng tôi lấy làm tiếc rằng không sưu-tâm cho thật đầy-đủ bức thư này để chứng-minh cho thật rõ-ràng hơn nữa). Cái ý định đem trình-bày ở tại Ba-lê cái đề-án về *sanh sản theo ý muốn* của cụ Trương vào năm 1900 cũng không thành (cụ chết trước 2 năm — ngày 1 tháng 9 năm 1898).

(1) Bức thư này gửi cho bác-sĩ Chavanne ở Bostia. Trái với những bức thư viết trước bằng tiếng La-tinh, bức thư này viết tiếng Pháp. Có chỗ thiếu mất chữ (...) vì là bản chép tay tại nhà thờ Chợ-quán bị dân cắn.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

«... nhân vì ngài có một địa-vị cao-qui trong học-giới một nước lớn ở Tân thế-giới, ngài cho phép tôi đem trình ngài cái thuyết (...) con trai hay con gái theo ý muốn.

Tôi xin vắn-tắt kể lại đầu đuôi sự phát-minh của tôi :
«... Năm 1861, tôi sắp lập gia-đình.

Tôi có ý tìm-tòi những luật riêng về sự sinh-sản của loài người. Sau khi nghiên-cứu những sách y-học Đông, Tây, tôi thấy rằng các nhà bác-học chỉ mon-men chung quanh một sự thực mà không dám minh-định lại.

Hòa-hợp mọi điều lại một cách có lý, tôi định đi đến kết-quả của những sự tìm-tòi và thí-nghiệm của tôi trước hết bằng cách dựa vào sự tương-phản của hai nguyên-ủy âm dương, nguyên-ủy giống đực giống cái «dối nhau»... của đời sống loài người và sự-vật trong hết cái hiện có... rằng mọi sự đều phải có... những định-luật riêng. Và lại, sự sinh-dẻ và giống cái là một trong những nguyên-lý...

Như vậy cốt phải tìm ra... những y-sĩ đều phải công-nhận rằng buồng trứng đàn-bà có thứ trứng đực, thứ trứng (...) sự (...) hai giao-tố ấy (...) Phải đi đến (...) khởi-diểm và thời-hạn của (...) thay-đổi của hai giao-tố kia...

Một ngày kia mà tôi đã tìm được khởi-diểm và thời-hạn (diểm x) tôi lấy vợ. Tôi đã thành công mỹ-mãn khi liên-tiếp sinh hạ con trai rồi đến con gái, và tôi đã có một con trai một con gái, một con trai rồi một con gái, rồi mới thêm một con trai.

Một hôm quan Thống-đốc là Thủy-sư Đô-đốc Dupré viết thư mời tôi lên thăm ngài.

Ngài cậy tôi kiểm hột vàng của người Nam cho hai cô con gái.

Tôi hỏi ngài :

— « Thưa Đô-đốc, ngài chỉ sinh có hai con gái mà thôi chứ không có một cậu con trai nào hay sao? »

Ngài đáp :

— « Vàng, buồn thay! »

TRƯƠNG VĨNH KÝ

(...) Ngài không biết chọn giống và (...)

Đò-dốc liền cười.

Ông Bác-sĩ Lacroix sở Y-tế cùng ông chánh văn-phòng có mặt tại đó cũng cười theo (...)

Tôi lấy làm hài lòng mà đáp lại mọi lời bác bẻ của các ông này (...) vẫn không chịu tin như (...)

Tôi liền hỏi thêm rằng :

Vì (...) và nhân tôi không dả động gì đến (...) một đứa con khai sau đứa con thứ năm nọ (...) tôi sắp gửi giấy (...) các ngài có muốn thế không ?

— Vâng, vâng.

(Họ đồng thanh trả lời tôi).

Tôi nói :

Vậy thì các ông sẽ nhận được.

Quả nhiên, mười tháng sau, các ông ấy nhận được tin báo một đứa con trai ra đời. Thế rồi tôi muốn chỉ toàn là con trai. Chúng nó đã ra đời cả một giầy vậy.

Thỉnh-thoảng tôi đem bi-quyết ấy nói cho (...) họ hỏi tôi và cũng thành công như tôi.

Tôi có thể định được khởi-diêm và nói cho ai muốn biết (...) những lời chỉ-dẫn rất đơn-giản nếu người ta (...) và nếu họ là (...) sự thành công sẽ chắc chắn.

Tôi có ý đem chứng-minh thuyết của tôi ở Ba-lê vào năm 1900 trong những cuộc diễn-thuyết giữa công-chúng, trường Đại-học mà ngài có địa-vị muốn rằng (...) (1)

(Chúng tôi lấy làm tiếc rằng không sưu-tầm cho thật đầy-dủ bức thư này để chứng-minh cho thật rõ-ràng hơn nữa). Cái ý định đem trình-bày ở tại Ba-lê cái đề-án về *sinh sản theo ý muốn* của cụ Trương vào năm 1900 cũng không thành (cụ chết trước 2 năm — ngày 1 tháng 9 năm 1898).

(1) Bức thư này gửi cho bác-sĩ Chavanne ở Bostia. Trái với những bức thư viết trước bằng tiếng La-tinh, bức thư này viết tiếng Pháp. Có chỗ thiếu mất chữ (...) vì là bản chép tay tại nhà thờ Chợ-quán bị dân cắn.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Đành rằng những lẽ-lối chứng-minh của tiên-sinh không dùng đến thì giờ lâu-dài như Jean Rostand, như Charles Morgan, như Lamarck hay như Lyssenko-Mitchourine... (vì Trương Vĩnh Ký chỉ giành một thời-gian, một lãnh-vực nhỏ để đi sâu vào khoa-học) nhưng dựa vào những chứng-minh thực-tế đó, dựa vào phần lý-luận (có tính-chất Đông-phương đạo học — về luật âm-dương) ta cũng đủ rõ tinh-thần ham học, thích thực-tiên, yêu sáng-tạo, phát-minh của tiên-sinh là dương nào. Con người khoa-học, văn-học trước tinh-thế nước nhà như thế, trước muôn vấn-đề bao trùm như thế mà đã làm nên công, kể cũng đáng ca-ngợi thay!

SỰ PHẢN-TỈNH CỦA CÁC NHÀ NHO TRƯỚC VĂN-MINH TÂY-PHƯƠNG TỪ HẬU HÁN THẾ - KỶ THỨ XIX TRỞ ĐI

Bắt đầu từ năm 1858, mũi súng đồng của quân đội Pháp bắt đầu tấn-công vào cửa bể Đà-nẵng dần dà tiến vào Gia-định, Biên-hòa, Định-tường rồi ra Hà-thành . . . Bên cạnh cuộc phát-triển năng-lực quân-sự của quân-đội Pháp còn có sức mạnh về chính-trị, về kinh-tế và cả vấn-đề văn-hóa nữa.

Nền-tảng xã-hội cũ của mấy ngàn năm chìm-dắm trong giấc mơ phong-kiến đã lung-lay đến tận gốc. Dù muốn, dù không, ai ai cũng phải thay-đổi ý-hướng của mình, làm sao cho thích-hợp với trào-lưu mới.

Gương canh-tân của nước Nhật-bản dưới quyền lãnh-đạo khôn-khéo của Minh Trị Thiên-hoàng và Y Đằng Bác Văn đã làm bừng tỉnh tinh-thần tiến-bộ của các giới chính-trị. Và về sau, Nhật thắng Nga ở tại đảo Đồi-mã quả là một thành-công vẻ-vang để cho dân-tộc Á-châu tin-tưởng mạnh-mẽ vào khả-năng chiến-đấu của họ. (Đó là trường-hợp mà các nhà sĩ-phu Việt-nam đã cử cụ Sào Nam Phan Bội Châu lên đường sang Nhật cầu-cứu với Khuyển dưỡng Nghị và Bá-tước Đại Ôi). (1)

Trung-hoa dưới cuộc canh-tân của Lương Khải Siêu và Khang hữu Vi hay tinh-thần cách-mạng của Trung-sơn Tôn Dật Tiên đã dần dà thoát-ly ra khỏi ách thống-trị lỗi-tuoi và cồ-hủ của triều-đình Mãn-Thanh.

(1) Xem « Phan Bội Châu » — Tân Việt xuất-bản.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Ấn-độ dưới quyền lãnh-dạo sáng-suốt của thánh Cam Địa bắt đầu có một chính-sách khôn-khéo đối với quân-đội và các nhà cầm-quyền Anh.

Gương các nước bạn quá rõ-rệt.

Nho-sĩ Việt-nam không thể nào ngồi ngơ trước những sức mạnh quật-cường đó nên dần dà bưng tỉnh dậy, xác-nhận lại giá-trị của mình cho thích-hợp với cuộc-diện.

Trường-hợp của Cao bá Quát phản-tỉnh sau ngày đi sứ ở Tân-gia-ba về cho ta thấy quan-niệm cải-tiến của Chu Thần :

*Nhai vãn, nhá chữ buồn ta,
Con giun còn biết đâu là cao sáu.
Tân-gia từ vượt con tàu,
Mới hay vũ-trụ một bầu bao-la.
Giết mình khi ở xó nhà,
Văn-chương chữ-nghĩa khéo là trò chơi.
Không đi khắp bốn phương trời,
Gục đầu án sách uống đời làm trai.*

Nhưng rồi Cao bá Quát « xây bạch-ốc lại lâu-dài, ném thanh-khâm sang cầm-tú » bằng cách theo giặc Châu-chấu của Lê duy Cự làm quân-sư và bị giết năm 1854 với cái án tru-di tam-tộc.

Thái-dộ của Napoléon về việc thiết-lập bảo-hộ thật rõ rệt. Nhà vua nói : *La France est bienveillante pour toutes les nations et protectrice des faibles, mais ceux qui l'entravent dans sa marche ont à craindre sa vérité.*

(Nước Pháp rất từ-ái với tất cả các dân-tộc và che-chở cho những kẻ yếu, nhưng kẻ nào cản đường tiến-thủ của nước Pháp thì sẽ biết sự nghiêm-khắc của nó. — Bản dịch của Aubaret.)

Câu nói quyết-liệt đó chứng-minh cho ta rõ tham-vọng vô biên của Pháp (hồi bấy giờ) trên đường phát-triển thị-trường ở Á-đông và con đường thực-dân của họ.

TRƯƠNG VINH KÝ

Cụ Phan Thanh Giản cũng đã chột dạ khi thấy binh-lực và khả-năng kỹ-nghệ của Tây-phương: (1)

*Bá ban xảo trá tề thiên-địa,
Duy hữu tử sanh tạo-hóa quyền.*

Có nghĩa là:

*Trăm ngành đều khéo hơn cả trời đất,
Chỉ có việc sống chết là quyền của tạo-hóa.*

Nỗi-niềm đau-dớn của Phan lương Khê chính là hiểu được tình-trạng đồi-xoay, nhưng không có phương-liện gì để cứu chữa:

*Từ ngày đi sứ đến Tây-kinh,
Thấy việc Âu-châu bỗng giạt mình.
Kêu gọi đồng-bang mau tỉnh giấc,
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin!*

Thật vô cùng chua-chát. Lời thơ quả đã chân-thành, đau-dớn.

Cụ Phan Bội Châu sau khi thất bại ở sĩ-tử Cần-vương đội đã nhất quyết bước chân vào đường bôn ba, tìm đồng-chí, tích cực chiến-đấu. (2)

Trước khi lên đường sang Nhật-bản, cụ viết cho các đồng-chí:

*Sanh vi nam tử yếu hy kỳ,
Khảng hứa càn-khôn tự chuyên đi.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Khởi thiên tải hạ oánh vô thù! /
Giang-san tử hỉ sanh đồ nhuế,
Hiền-thánh tiêu nhiên tụng diệc si.
Nguyện trực trường phong đông hải khứ,
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi. . .*

(Trong bài Đồng-du)

(1) (2) Xin xem kỹ ở hai cuốn « Phan Thanh Giản » và « Phan Bội Châu » — Tân Việt xuất-bản.

TRƯƠNG VINH KÝ

Dịch nghĩa :

*Khác thường bay-nhảy mới là trai,
Chẳng chịu vờn-xoay mặc ý trời.
Trong cuộc trăm năm đành có tớ,
Rồi ra muôn thuở há không ai?
Giang-san đã mất mình không sống,
Hiền-thành đâu còn học cũng hoài.
Đông hải xông-pha nưong cánh gió,
Nghìn lán sóng bạc mùa ngoài khơi...*

(Bản dịch của tác-giả)

Phan Chu Trinh không giống như Phan Bội Châu trên đường-lối chiến-dấu và trên chiến-thuật chiến-lược (stratégie), nhưng mục-dịch cao cả vẫn duy nhất!

Bài thơ chí-khi biểu-lộ tinh-thần quật khởi của Phan Tây Hồ như sau :

*Thế sự hồi đầu dĩ nhất không,
Giang-sơn hòa lệ khắp anh hùng.
Vạn dân nô-lệ cường-quyền hạ,
Bác cổ thi-vấn tủy mộng trung.
Trường thử bách niên cung thỏa mạ,
Bất tri hà nhật xuất lao lung.
Chư quân vị tất vô tâm huyết.
Thỉnh bả tư-vấn khán nhất thông.*

Dịch nghĩa :

*Cuộc đời ngoảnh lại vắng không,
Giang-san nào khóc anh hùng được đâu!
Cường quyền giận đập mái đầu,
Vấn-chương tâm vẽ say cầu mơ-màng.
Tháng ngày uất hận đành cam,
Sở lòng, tháo củi biết làm sao đây?
Những ai tâm-huyết với đây,
Dốc lòng vấn đạo thơ này thấu chăng?*

Trên thi-ca cũng như trên hành-dộng, họ đã phát-triển một cuộc canh-tân toàn-diện, hòng cứu-vớt lấy tình-trạng hoãn-xung của đất nước.

TINH-THẦN CẤP-TIẾN CỦA GIỚI TRÍ - THỨC DU - HỌC

Nhiều nhà tri-thức sau khi xuất dương du-học, tìm-hiểu sức tiến-phát của nước người trở về đã đề-nghị cải-cách, như là :

- Nguyễn Hiệp
- Lê Đĩnh
- Phan Liêm
- Đinh văn Điền
- Nguyễn đức Hậu
- Nguyễn trường Tộ
- Nguyễn Điều.

Vào năm Tự-đức thứ 32 (tức là năm kỷ-mão — 1879) Nguyễn Hiệp sau khi đi sứ ở Xiêm về đã tâu lên nhà vua rõ : « Người Anh được người Tiêm-la cho thông thương không có trở-ngại, được đặt lãnh-sự mà không bị áp-chế »

Vào năm Tự-đức thứ 34 (tức là năm tân-ty — 1881) Lê Đĩnh sau khi đi Hương-cảng về đã tâu nhà vua nên noi gương Nhật-bản, Trung-hoa, mở cửa buôn-bán với các nước Thái-tây, vì theo ông : cơ-sở của việc phú-cường các nước đó là buôn-bán và binh-lính.

Vào năm Tự-đức thứ 34 (tức là năm tân-ty — 1881) Phan Liêm dâng sớ mật-tấu mở cửa buôn-bán, chung vốn lập hội, cho người đi học nghề khai mỏ để sau này trở về khai quật những nguồn lợi thiên-nhiên của đất nước, xứ-sở.

Vào năm Tự-đức thứ 21 (tức là năm mậu-thìn 1868)

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Đinh văn Điền người ở tại Ninh-bình dâng bản điều-trần xin nhà vua đề ý cho những việc quan-trọng đối với xứ sở như :

- Điều trần về việc đặt Doanh Điền
- Điều trần về việc khai mỏ vàng
- Điều trần về việc làm tàu hỏa
- Điều trần về việc cho người Tây-phương buôn-bán
- Điều trần về việc luyện sĩ-tốt
- Điều trần về việc thêm lương-thực cho quan-quản.
- Điều trần về việc bớt sưu-dịch cho dân-sự
- Điều trần về việc thưởng cho những kẻ có công.
- Điều trần về việc nuôi-nấng kẻ bị thương
- Điều trần về việc nuôi-nấng kẻ tàn-tật

Nguyễn trường Tộ là một nhà tri-thức có óc canh-tán.

Trong khoảng 9 năm trời (từ năm 1863 cho đến năm 1871 là năm ông mất) ông Nguyễn trường Tộ đã dâng lên nhà vua hoặc các quan đại-thần những bản điều-trần vạch rõ một chương-trình cải-cách do kinh-nghiệm thâu-thập ngoại-quốc. Những bản quan-yếu là :

1. Ngày 11 tháng 2 năm Tự-đức thứ 16 (29-3-1863). Điều-trần về việc tôn-giáo.

2. Ngày 2 tháng 6 năm Tự-đức thứ 19 (12-7—9-8-1866). Điều-trần về việc phái học-sinh đi du-học ngoại-quốc.

3. Ngày 23 tháng 7 năm Tự-đức thứ 19 (1-9-1866). Điều-trần về sáu điều lợi (Lục-lợi từ).

4. Ngày 25 tháng 7 năm Tự-đức thứ 19 (3-9-1866). Điều-trần về việc thời-sự.

5. Ngày 20 tháng 10 năm Tự-đức thứ 20 (15-11-1876). Điều-trần về tám điều cứu gấp (Tế-cấp bát-diều).

6. Ngày 19 tháng 2 năm Tự-đức thứ 21 (12-3-1868). Điều-trần về việc nên giao-thiệp với nước ngoài (Giao-thông-sự nghi-bẩm minh).

7. Ngày 10 tháng 2 năm Tự-đức 24 (30-3-1871). Điều-trần về việc nên thông thương với nước ngoài.

TRƯƠNG VINH KÝ

8. Ngày 2 tháng 5 năm Tự-đức thứ 24 (19-6-1871).
Điều-trần về việc tu-chỉnh võ-bị.

9. Ngày 2 tháng 8 năm Tự-đức thứ 24 (16-9-1871).
Điều-trần về tinh-thế phương Tây.

10. Ngày 20 tháng 8 năm Tự-đức thứ 24 (4-10-1871):
Điều-trần về việc nông-chánh.

11. Ngày ? tháng 9 năm Tự-đức thứ 24 (14-10 — 12-11-1871): Học-tập trữ tài trần-thỉnh tập (tập bài xin về việc học-tập để trữ lấy nhân-tài).

Ngoài ra, còn mấy bản điều-trần sau đây không ghi rõ ngày tháng nào cả. Đó là :

— Điều-trần về đại-thế trong thiên-hạ.

— Điều-trần về ngoại-giao.

— Điều-trần về việc khai mỏ. (1)

Lúc đầu, nhà vua thấy kế-hoạch của ông có nhiều điều hay cũng có ý muốn đem ra thực-hành. Nhưng vì quan-lại ở tại triều-đình lúc ấy nặng óc thủ-cự không ai tán-thành, mà lại còn bài-bác, công-kích kịch-liệt. Vì thế cho nên đành chịu dở-dang vậy.

(1) Xin xem Nguyễn trường Tộ — Tân Việt xuất-bản,

TRƯƠNG VĨNH KÝ BƯỚC CHÂN VÀO ĐƯỜNG CHÍNH-TRỊ

Con đường chính-trị của Trương vĩnh Ký song hành với con đường văn-học nhưng gặp lắm nước é-chề vô cùng.

Tình-trạng nước nhà lúc đó bước vào những lãn-lạ-vực khó xử, gay-cấn càng ngày càng rắc-rối hơn.

Lúc bấy giờ, ông Jauréguiberry sau khi lấy được thành Gia-dịnh (Sài-gòn) nhờ vị giám-mục ở Sài-gòn tìm-kiếm cho một người thông-thạo cả hai thứ tiếng Pháp và Nam để tiện việc điều-dinh giữa hai nước.

Đức giám-mục không thể tìm một ai có đủ khả-năng, tín-nhiệm và tư-cách hơn là Trương vĩnh Ký.

Một ngày chừng vài giờ, Trương vĩnh Ký xuống tàu để làm công-việc thông-ngôn cho quân-đội và các quan viên chỉ-huy Pháp.

Điều này khiến cho các quan-lại Nam-triều nghi-ky mãi và mấy lần toan ngăn Trương vĩnh Ký.

Nhưng chiến-tranh vẫn còn tiếp-diễn. . .

Quán Pháp thẳng đà chiếm lấy toàn cõi Nam-kỳ ; sau Biên-hòa, Gia-dịnh, Định-tường, còn chiếm thêm Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên nữa. Quan-lại Việt-nam tức giận tìm đủ mọi cách để chém giết cổ đạo ở khắp mọi nơi trong nước.

Trước cảnh đó, con người hay suy-tư, dậm tinh-thần triết-học như Trương vĩnh Ký không thể nào ngồi yên được. Ông quyết bảo-vệ lấy tinh-thần tự-do tín-ngưỡng và tìm cách để hòa-dịu bớt sự mâu-thuẫn giữa hai bên.

TRƯƠNG VINH KÝ

Với người Pháp, ông cố gắng tránh những cuộc xung-đột mạnh dù rằng ông cũng thừa hiểu sức tiến-triển của mọi ngành Tây-phương dồn vào châu Á.

Ông cũng đã thành công một vài phương-diện, nhất là khi Paul Bert sang (1886). Với quan-lại ở Nam-triều mới là một vấn-dề vô cùng phức-tạp và quả thật khó-khăn.

Một số tri-thức, nho-sĩ có tinh-thần thức thời, hiểu trào-lưu tiến-hóa của xã-hội Tây-phương khi tiếp-xúc với Đông-phương thì dễ-dàng, đơn-giản, không cần phải minh-chứng hành-động của mình nhiều.

Còn đối với quan-lại bảo-thủ?

Nên thanh-minh bằng phương-tiện nào đây ?

TIẾP-XÚC VỚI TRÍ-THỨC TÂY-PHƯƠNG

Thừa dịp đi sang Pháp làm thông-ngôn (1) cùng với những ông Nguyễn văn Sạn, Tôn thọ Tường và Phan quang Hiệu (hai ông sau này lãnh chức ký-lục) ông đi khắp mọi nơi để phóng tầm mắt rộng-rãi nhìn vào các chân trời xa lạ hơn.

Các thành phố mà Trương vĩnh Ký đã đặt chân đến là :

- Rouen.
- Havre.
- Lorient.
- Tours.
- Lyon.
- Bordeaux.
- Alicante.
- Barcelone.
- Madrid.
- Genève.
- Florence.
- Rome.

Ở Rome, ông được vào yết-kiến đức Giáo-hoàng ; ngài có khuyên ông về công-việc trau-dồi tín-lý và học-vấn rộng-rãi may ra sau này có cơ-hội giúp cho đạo-lý phát-triển bốn phương trời.

(1) Trong chuyến Phan thanh Giản đi sứ sang Pháp (xem *Phan thanh Giản* — Tân Việt xuất-bản).

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Ở Pháp, ông lại được gặp-gỡ các nhà văn có tiếng như :

- Victor Hugo.
- Paul Bert.
- Littré.
- Renan.

Và ông được nhận làm thông-tin hội-viên của hội nhân-chúng-viện. Cuộc gặp-gỡ giữa Trương Vĩnh Ký và Paul Bert trong giai-doạn này chính là sợi dây liên-lạc chặt-chẽ để cho ông Paul Bert trọng-dụng ông khi sang nắm quyền thống-dốc.

Về sau, ông được hai ông Renan và Littré giới-thiệu làm hội-viên vào Á-châu hội (tức là Société Asiatique) vào năm 1876.

Trong một bức thư đề ngày 8 tháng 4 năm 1887 gửi cho bác-sĩ Chavanne, ông Trương Vĩnh Ký viết như sau đây :

... Trong dịp đó (dịp đi sang Pháp vào 1863) tôi trở về với tâm-hồn sung-sướng vô cùng. Thành phố Ba-lê, một đô-thị uy-nghi nhất hoàn-cầu mà tôi có dịp thăm-viếng vào năm 1883 và tôi cũng đã gặp-gỡ nhiều thân-hữu danh tiếng và bác-học, nhất là về văn-học và khoa-học.

Sau khi dôi bỏ buổi học-tập cao-qui đó tôi đã thâu-thập nhiều kinh-nghiệm và nhiều kiến-thức.

(... *Per eam enim cum summâ voluptate hunc mundi augustissimam. Lutetias urbem quam visitare mihi datum fuit anno 1883, et illustrissimis doctissimisque occurram amicis quos nonnisi litterae ac scientiae mihi paruerunt. Istinc redituro ex optimâ scholâ majora experimenta, melioresque cognitiones addentur*).

Một đoạn khác, Trương viết cho bác-sĩ Chavanne rằng : « Một cuộc sống cô-dộc với những sách-vở cũng đủ cho ta vui sướng, biết bao nhiêu điều mới lạ, dù khi đã về già rồi đi nữa » — (*Vita solitaria cum libris maximopere placet cursus rerum spectatori in vespere dierum meorum*).

(Thư viết ngày 8-4-1887)

TRƯƠNG VINH KÝ

Điều đó cũng đủ chứng-minh cho ta thấy tinh-thần hiếu học vô biên của Trương Vĩnh Ký biết là nhường nào! Từ trước đến nay cứ mê-mạn theo lối học cũ-nghiệp, say-sưa theo lối văn bát cồ, cũ-kỹ, « nhai văn, nhá chữ » mà nay được phóng tầm mắt nhìn xa, thấy rộng, cuộc đời hé mở những chân trời sáng, khiến cho Trương-công thích thú vô cùng.

Tâm-trạng giống như tâm-trạng của Cao bá Quát

*... từ vượt con lâu,
Mới hay vũ-trụ một màu bao-la.
Giật mình khi ở xó nhà,
Văn-chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.
Không đi khắp bốn phương trời,
Gục đầu án sách ồng đời làm trai.*

Những xu-hướng văn-học nhân-bản, những đường-lối chính-trị tôn-trọng tự-do, bình-đẳng của Voltaire, Rousseau, Montesquieu, những quan-niệm thực-nghiệm của Pascal, Descartes, Bacon... đã khiến cho con người hiếu học như của Trương Vĩnh Ký phải chột mình dậy, đón muôn luồng ánh-sáng mới.

TỜ BÁO ĐẦU-TIÊN TRÊN ĐẤT VIỆT DO TRƯỞNG VĨNH KÝ QUẢN-NHIỆM

Tờ *Gia-định Báo* ra đời từ ngày 1-4-1865. Trước tiên, ông Ernest Poteau trông coi tất cả bài-vở ở đó. Thật ra thì thoạt tiên đây chỉ là một tờ thông-tin do các tay thông-ngôn chính-phủ Nam-kỳ (của thực-dân) cóp-nhặt tài-liệu.

Tờ báo có hai phần :

1. Phần Công-vụ (toàn in những nghị-định, thông-tư).
2. Phần Tạp-vụ (tin-tức trong xứ).

Có thể bảo rằng :

« *Gia-định Báo* dưới thời quản-nhiệm của Ernest Poteau chỉ là một bản dịch Việt-văn của tờ *Courrier de Saigon* không hơn không kém ». Mãi về sau, cho đến ngày 16 tháng 9 năm 1869, một bản nghị-định của viên Thủy-sư Đơ-đốc Ohier giao cho Trương Vĩnh Ký toàn quyền trông-nom về bài-vở.

Hình-thức của *Gia-định Báo* thì vẫn giữ nguyên như cũ.

Nhưng còn về phần nội-dung thì quả là một việc biến cải toàn vẹn.

Mục-dịch của Trương Vĩnh Ký nhắm vào 3 điểm sau đây:

1. Cổ-động tân-học.
2. Truyền-bá quốc-ngữ.
3. Giáo-dục quốc-âm.

Đó là thời-kỳ quân Pháp bắt đầu dùng chính-trị và văn-hóa để thu-phục lòng dân, nhất là hàng-ngũ sĩ-phu ở đất Nam lúc bấy giờ đã phân-tán vô cùng mãnh-liệt.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Trương vĩnh Ký cũng muốn đem những điều học-vấn của mình thâu-thập ở nước nhà mà bấy lâu nay đang nóng lòng muốn đem ra phổ-biến sâu-xa trong quần-chúng, vì theo ông, chỉ có văn-hóa mới có thể kết-hợp được tình giao-hảo của Pháp-quốc và Việt-nam vào thời bấy giờ; lợi-khi tinh-thần đó đã được Trương vĩnh Ký thể-hiện dần dà trên mặt *Gia-định Báo* sau đó.

Trong một bức thư của Trương vĩnh Ký viết cho Koempfen có đoạn như sau :

Hỡi ôi ! hiền-dịu thay là tình thân-hữu !

Tây-phương và Đông-phương đã kết chặt tâm-hồn và gây thành tình huynh-đệ. Thật vậy, ở lãnh-vực khoa-học, người ta không còn biết gì là biên-giới phân cách nữa ! Nó đã thắt chặt những kẻ đã lia nhau và đã xa nhau dù sông dài bể rộng, núi cao di chằng nữa. Tất cả những người bốn bề cùng nhau gần-gũi vì nhiệm-vụ nặng-nề chung (của toàn-thể nhân-loại). Đó là nhiệm-vụ cần phải duy-trì của những người tham bác, để giúp ích cho xã-hội mà họ là nhân-viên.

(Thư gửi về tại số 10 Godot de Mauroy-Paris do *Raphae Barquissau* dịch ra tiếng Pháp P. S. E. I. Saigon 1934).

Nguyên văn là : *O quam suavis est amicitiae nodus ! de Oriente ad Occidentem corda jungit fratresque efficit ! Scientiarum enim imperium limites non cognoscit, montibus maribusque separatos ac remotos unit, communis laboris socios ex quatuor partibus mundi arcte admovel, societatem nullam aliam quam Humanam (universalem) admittens.*

Hae suntae verae personae ac partes suscipiendae viris eruditionis utiles sese reddere societati cujus membra sunt.

(... Trích thư đề *Illustrissime Dne*).

Trương vĩnh Ký phả-m vào đó để cải-tiến cho tờ báo mình. Lương của ông một năm được 3 000 quan (*Décision du 16-9-1869- B. O. C. 1869 p. 317*).

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Giúp việc cho Trương Vĩnh Ký có các nhà văn lỗi-lạc, sau này chiếm một địa-vị hệ-trọng trên văn-dân :

- Tôn thọ Trường.
- Trương minh Ký.
- Huỳnh tịnh Của.

Một mình *Gia-dịnh Báo* tung-hoành trên chiếu văn-học nước nhà, mở đầu cho phong-trào báo-chi, mãi cho đến hơn 30 năm sau, các tờ báo khác mới tiếp nối theo như :

Nông cổ Min-dâm (1900) do Canavaggio sáng-lập.

Đại-nam Đồng-văn Nhật-báo (1900) do Schneider, Đào nguyên Phổ chủ-trương.

Đại-việt Tân-báo (1902-03) do E. Babut chủ-trương.

Nhật-báo tỉnh (1905) do Georges Garros chủ-trương.

Lục-tỉnh Tân-văn (1906) do Schneider chủ-trương.

Nam-Trung Nhật-báo (1906) do Thọ An, Giác Ngã, Phạm duy Tôn... chủ-trương. Quả là một công-trình đáng kể mà ông Thiệu Sơn (trong cuốn *Phê-bình và Cảo Luận*) đã xem *Gia-dịnh Báo* là nguồn ảnh-hưởng mạnh-mẽ của văn-học đất Nam-kỳ (Nam-phần) về sau này.

VIỆC CẤM ĐẠO VÀ GIẾT GIÁO-SĨ DƯỚI ĐỜI VUA MINH-MẠNG, THIỆU-TRỊ, TỰ-ĐỨC

Các giáo-sĩ người Pháp, người Tây-ban-nha và Bồ đào-nha sang châu Á càng ngày càng đông. Trên đường truyền-bá tín-lý, họ gặp nhiều chướng-ngại khó-khăn.

VUA MINH-MẠNG

Vào năm ất-dậu (1825) nhà vua đã ra một đạo dụ nói về việc cấm truyền-bá công-giáo có đoạn như sau : « Đạo Tây-phương là tả đạo, làm mê-hoặc lòng người và hủy-hoại phong-tục, cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chánh đạo ». Vua lại còn bắt tất cả giáo-sĩ ở trong nước phải tập trung ở tại kinh-dô Huế, nói là để dịch sách tiếng Pháp ra tiếng Việt để phổ-biến và giáo-dục dân-chúng.

Nhưng quả thật chủ ý của nhà vua lại khác.

Nhà vua muốn tập trung lại để cho các giáo-sĩ không thể được tự-do di truyền-giáo như trước nữa.

Đó chỉ là một mục-dịch chính-trị thôi.

Tuy vậy, nhưng vì đức tin ở hành-động mình và đặt nhiệm-vụ của mình lên trên tất cả, cho nên các giáo-sĩ vẫn dốc lòng tìm đủ cách để gieo giáo-lý cho tín-đồ. Chẳng những vua Tự-đức cấm đạo mà thôi, chính ngay các quan-lại ở tại triều-đình cũng không mấy ai chịu để cho tu-tướng công-giáo được hành-trưởng ra khắp dân-gian.

TRƯƠNG VINH KÝ

Càng cấm đạo bao nhiêu thì dân-chúng lại theo chúa Ky-tô bấy nhiêu và ảnh-hưởng càng ngày càng mạnh-mẽ.

Họ chống đối những cuộc bắt-bớ của triều-đình và đoàn kết chặt-chẽ để bảo-vệ lấy đoàn thể và giáo-hữu của mình.

Nhà vua thấy ảnh-hưởng mạnh-mẽ đó liền truyền cho các quan-lại ở khắp các địa-phương phải tìm đủ mọi biện-pháp để ly-gián các giám-mục và dân-chúng; đồng thời dùng thủ đoạn tích-cực hơn là : ai bắt được giáo-sĩ đem nộp thì triều-đình sẽ trọng thưởng.

Cũng vào năm 1825, có một giáo-sĩ bị vua Tự-đức đem giết ở tại Huế, lấy cớ rằng xui-giục dân-chúng theo tà đạo và làm loạn (!)

Dân-chúng ở khắp nơi nổi lên chống lại chính-sách tàn-ác và hẹp-hòi của triều-đình cũng như các quan-lại địa-phương.

Nhưng đó cũng là một cơ-đề nhà vua cho đàn-áp mạnh-mẽ hơn ở khắp mọi địa-phương trong nước. Cuộc mâu-thuẫn giữa chính-quyền và dân-chúng càng ngày càng sâu-sắc, đậm-dà hơn trước nhiều. Từ năm giáp-ngọ (1834) cho đến năm mậu-tuất (1838) có rất nhiều giáo-sĩ và giáo-đồ bị giết. Nhất là khi triều-đình sai quân đi bắt được cố Du (cố Marchand) về rồi thì cuộc tàn-sát càng gắt-gao. Những công-cuộc truyền-giáo công khai, tụ tập tại các giáo-dường... không được tổ-chức nữa.

Có nhiều giáo-sĩ phải đào hầm sâu ở dưới đó hằng ba bốn tháng để giảng đạo cho tín-đồ hiểu rõ tín-lý.

ĐIỀU - ĐÌNH VỚI CHÍNH-PHỦ PHÁP (?)

Đến năm mậu-tuất (1838) vua Minh-mạng cho người sang điều-đình với chính-phủ Pháp (?) để cấm chỉ lại.

Nhưng khi sứ-thần của nhà vua sang đến nơi thì hội ngoại-quốc Truyền-đạo xin Pháp-hoàng (lúc bấy giờ là

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Louis Philippe) dừng tiếp (theo tài-liệu của *Cultra* trong quyển *Histoire de la Cochinchine Française*).

Sứ-thần đành phải trở về không.

Đó cũng là một cơ-hội cho nhà vua chém giết giáo-sĩ hơn nữa. Nhưng vua Minh-mạng chết năm đó.

VUA THIỆU - TRỊ

Đạo dụ của vua Minh-mạng về việc cấm đạo (xem đoạn trên) vẫn được ban-hành, triều-thần vẫn còn những phần-tử bảo-thủ và ngoan cố; hơn nữa, nhà vua không thể nào nhận-dịnh rõ cơ-cấu tiến-triển của toàn bộ xã-hội trước tình-thế mới.

Tư-tưởng hẹp-hòi, phiến-diện và nông-cạn dường đó đã gây nhiều mâu-thuân, nhiều cuộc đụng độ về tư-tưởng và chính-trị xảy ra sau này vậy.

DƯỚI TRIỀU TỰ-ĐỨC

Vua Tự-đức nắm vận-mệnh nước nhà ở vào thời-kỳ hoãn-xung nhất.

Bắt đầu khi mới lên ngôi (Tự-đức nguyên-niên — 1848) nhà vua đã ban đạo dụ về việc cấm đạo ngay.

Điều đó rất dễ hiểu:

Thứ nhất là vì vua Tự-đức là một người trọng Nho-học và đã quên những giá-trị đạo-lý khác (cho đó là những thứ ngoại đạo, tà giáo) và bị cái ám-ảnh tư-tưởng phiến-diện (unilatéral) đó.

Thứ hai là vì nhà vua dựa vào chính-sách cai-trị của các nhà vua trước, mà không chịu phân-tách giá-trị chân-hư của thời-thế mới và những nhu-cầu mới của dân-chúng trước thời-cuộc.

Thứ ba là vì các quan đại-thần ở tại triều-đình vẫn còn mê-man theo những tư-tưởng bảo thủ của mình, sợ tiến-hóa và sợ cải-cách.

TRƯƠNG VĨNH KỶ

Càng ngày, chính-sách càng bóp chẹt hơn trước.

Trong đạo dụ đó có những điều sau đây :

— Những người ngoại-quốc (bất luận là Pháp, Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha...) nào mà vào giảng đạo thì phải tội chết.

— Những vị đạo trưởng mà vẫn trung-thành một niềm với đạo thì sẽ bị khắc chữ vào mặt, để cho dân-chúng thấy đó mà làm gương (!), rồi đày đi những vùng nước độc, chôn thây ở đấy.

— Còn đối với ngu-dân (?) thì quan-lại ở các phủ, các huyện, các châu cho đến các xã... dẫu dẫu cũng phải ngăn cấm, đừng để cho họ theo đạo mà bỏ quên sự thờ cúng, giỗ tế ông bà, nhưng đừng giết hại (có lẽ nhà vua đã sợ những tai-nạn gây ra ở các triều-đại trước).

Đến năm Tự-đức thứ 4 (1851) lại có dụ cấm đạo, nhưng lần này thì kỷ-luật lại chặt-chẽ hơn đạo dụ trước nhiều. Có mấy giáo-sĩ truyền giáo người ngoại-quốc bị đem ra xử trảm.

PHONG-TRÀO CẢN VƯƠNG KHẮP TOÀN QUỐC VÀ VUA ĐỒNG-KHÁNH

(Chính-sách của Thống-Đốc Paul Bert điều động)

Lúc đó, ở Quảng-binh nhóm sĩ-phu do tri-phủ cũ là Nguyễn phan Tuấn điều-khiển nổi lên chống triều-đình cùng với.

- Trương văn Ban
- Nguyễn Trực.
- Nguyễn Chư.
- Lê mô Khải.
- Nguyễn nguyên Thành.
- Phan trọng Mưu.
- Nguyễn xuân Ôn.
- Lê doãn Nha.
- Ngô xuân Quỳnh.

Vua Đồng-khánh hứa rằng : nếu họ chịu trở về tòng-phục dưới triều-đình thì sẽ cho phục chức cũ và được nhậm chức từ Quảng-nam trở vào.

Vào khoảng tháng 7, vua Đồng-khánh có di tuần thú (bắt đầu lên đường vào ngày 16 tháng 7 năm binh-tuất, tức là dương-lịch 1886, mãi đến cuối tháng 7 mới đến Quảng-binh) ở đó. Vị quan thống-đốc Paul Bert cho một tên đại-úy là Henry Billet đi hộ giá. Tên này cũng khá am tường về chính-trị nên Paul Bert sai đi cốt để làm cố-vấn cho nhà vua luôn thể.

Nhưng các quan cựu-thần cũ không chịu tòng-phục,

TRƯƠNG VĨNH KÝ

dù nhà vua đã cho người dùng đủ lời mà khuyến dụ đi chăng nữa. Họ tỏ-chức chống-cự, làm ngăn-cản con đường hành-trình của nhà vua cùng quân-linh Pháp ; cho nên sau 20 ngày khó-nhọc vất-vả quá, nhà vua đành phải trở về. Mà trong chuyến trở về, nhà vua phải đi bằng đường thủy chứ không dám trở lại nẻo cũ của mình, vì sợ phải gặp những sự bất trắc xảy ra cho mình.

Ở Quảng-nam có các thân-hào lập ra Nghĩa-đoàn đứng ra chống lại chế-độ cai-trị. Hơn nữa, lúc đó có quan Sơn-phòng sứ là Trần văn Duệ đứng ra lãnh-đạo, đốc thúc nên phong trào được vững-chắc.

Ở Quảng-trị cũng có cuộc khởi nghĩa, do hai thân-hào có uy-tính lãnh-đạo :

— Trương đình Hội.

— Nguyễn tự Như.

Ở Hà-tĩnh cũng có sự hưởng-ứng mạnh-mẽ. Câu ấm Lê Ninh (con trai của quan Bố-chánh Lê Kiên) hưởng-đạo chiến-dấu cho đến phút cuối-cùng.

Ở Nghệ-an, nơi núi-non hiểm-trở, địa-thế hành quân thuận-lợi cho nên khi đó có ông nghề Nguyễn xuân Ôn và quan Sơn-phòng sứ Lê doãn Nhạ đã tiếp sức cùng các tỉnh lân-cận.

Ở Thanh-hóa là nơi tương-đối kiệt-biệt nhất.

Dưới tài lãnh-đạo vững-chắc và vô cùng khôn-khéo của ông Hà văn Mao, quân Pháp không tài nào thiết lập được chế-độ cai-trị vững chắc được cả !

Ở bãi Sậy, quan Đốc-đốc là Tạ Hiệu và quan Tán-tương Nguyễn thiện Thuật đã gây một cơ-sở vô cùng vững-chắc, ảnh-hưởng vang-đội khắp mọi nơi...

Đó là chúng ta chưa kể đến các toán quân giặc cướp ở biên-giới Hoa-Việt luôn luôn dòm-ngó và sát-hại dân chúng vô cùng khốn-khổ (ở tại vùng mạn ngược).

Vua Đồng-khánh lại sai Hoàng kể Viêm (sau khi cho

TRƯƠNG VINH KÝ

phục hồi lại chức cũ) đi dẫn-dụ vua Hàm-nghi về và hứa nếu chịu qui-thuận thì sẽ phong cho làm tổng-trấn 3 tỉnh :

Thanh-hóa.

Nghê-an.

Hà-tĩnh.

và sẽ cấp bổng-lộc theo tước vương cho.

Còn đối với những phong-trào chống đối mãnh-liệt của các quan :

— Phan đình Phùng.

— Trần xuân Soạn.

— Nguyễn phạm Tuân.

nếu bằng lòng trở về thì sẽ tha tội và sẽ phong cho chức hàm như những kẻ khác.

Nhưng chí-khí của họ đã cương quyết, hơn nữa vây-cánh của nhà vua, của phong-trào cần vương lúc đó đang vững-chắc : ở tại Thanh-thủy, huyện Tuyên-chánh có quan Đê-dốc Lê Trực, ở tại ngàn Hà-tĩnh (ở hai hạt Kỳ-nam và Cẩm-xuyên) thì có Tôn thất Đạm, còn ở huyện Tuyên-hóa thì Tôn thất Thiệp và Nguyễn phạm Tuân phò tá nhà vua. . . nên cuộc chiến-đấu kéo dài mãi cho đến bước đường cùng.

Chúng ta cũng cần nhắc thêm đến phong-trào văn-thân ở tại miền Nam Trung-phần. Nhưng, vì ở đây kề-cận quân-lực của Pháp ở Nam-kỳ (Nam-phần) cho nên đã bị quân Pháp ra binh định ngay, dưới quyền chỉ-huy của :

— Thiếu tá De Larme.

— Công sứ Aymonier.

— Trần bá Lộc.

Trần bá Lộc đã thi hành một chính-sách vô cùng tàn-ác để đàn-áp triệt-đề phong-trào nên nhờ thế mà thành công. Lộc đã bắt được ba tướng lãnh là :

— Mai xuân Thương.

— Bùi Diễm.

— Nguyễn đức Nhuận.

đem chém ngay giữa chợ để trấn-áp dân-chúng.

MỘT BỨC THƯ QUAN-YẾU CỦA TRƯỞNG VĨNH KÝ GỬI LÊN VUA ĐỒNG - KHÁNH

TIÊU DẪN. — Bức thư của Trương Vĩnh Ký sau đây chứng tỏ địa-vị quan-yếu của ông đối với chính quyền Đồng-khánh và Paul Bert. Đoạn cuối cho ta thấy rõ đường-lối chính-trị của họ Trương.

Ngày 27-9-1886

Tâu Hoàng-thượng,

Chuyến này tôi ra châu Hoàng-thượng đã hơn bốn tháng rồi. Vợ con cũng xin ra theo hơn một tháng rồi nay. Nay vì đến lúc phải ăn mặt một hồi cho được việc cho nước nhà, cho Hoàng-thượng. Bây giờ có khi Hoàng-thượng chưa có thấy rõ là cần phải như vậy, rồi sau rồi mới biết là mưu. Bước chân ra đi, vợ liú-dịu, nước mắt không ráo trông, tám phần luyến chúa, hai phần tư gia, dùng-dăng biếng bước muốn dừng, mà cơ-quan khiến như thế biết sao. Lại thấy lòng Hoàng-thượng cao-minh quảng-dại ban đồ trân-bửu, ngự bút-thơ, văn vãn, lại càng hồ trong lòng, vì thời thế chưa cho làm cái gì cho đáng cơ mưu cho Hoàng-thượng nhờ mà Hoàng-thượng hậu-dãi thế ấy thì đêm ngày ngồi đứng chẳng quên dặng, những trông cơ trời xoay lại cho mau, cho àu vàng vững đặt, cho ngôi báu bền yên, nước an, nhà lợi, biển lặng, sông trong, thời mới thỏa chút tấm trung-trình.

Xuống cửa Thuận-an, mặc trời động, xuống tàu không được, cũng là cuộc hay, vì quan toàn-quyền xuống tìm mà bàn-lính các việc quan-trọng cho nước nhà ta, thời hai bên hợp ý nhau đề lịnh chớ nên việc. Lành ý rồi hoặc tôi đi ra

TRƯƠNG VINH KÝ

Bắc bàn việc cho rõ-ràng sự tình, tôi đó có sẵn tàu mà về Nam cho luôn trót thể, cũng là *thiên chi đại chung*.

Việc gấp có mấy điều kể sau này :

1. Làm ra năm, mười khoản ước cho rõ nước mình với nước Đại-pháp bảo-hộ (tôi xin quan toàn-quyền cũng làm một bản dặng nhà nước ta nghị ra một bản) để sau nghị lại mà tình với nhau.

2. Hễ đó ra mà đào cái kinh nhỏ biệt-sở Mang-cá ra, thì xin cho dân đào chớ đong mà làm cho mau, dặng cho mau thông-thả cho Hoàng-thượng cùng triều-dinh.

3. Hễ ra công làm đường về Quảng-nam xin bắt xâu cho nhiều mà làm cho mau, cho tiện đường ra vô chớ-chuyên trong mùa khó này.

Xin nhắc lại Hoàng-thượng học tiếng, học chữ Đại-pháp cho. Xin chúc Hoàng-thượng muôn năm... cùng trông ít lâu nữa tôi lại được thừa Thiên-nhan, vì có chia rồi mới có hiệp. Xin nhớ việc về ông Ân-sĩ, lại cho một ít cấp bằng Hàn-lâm-viện cho một ít người Ân-sĩ xin bên Tây để cho đông vây-cánh mình.

THƯ CỦA VUA ĐỒNG - KHÁNH GỬI CHO
J. B. P. TRƯƠNG VĨNH KÝ
(Bản-dịch của Nicolas Trương Vĩnh Tống)

Trời Nam mở vận thái-hòa,
Châu-kỳ phong vực Lang-sa biên-thùy.
Lên ngôi Hoàng-đế chánh vị,
Cải nguyên Đồng-khánh ứng kỳ trung-hưng.
Hồng dề truyền kế đã ứng,
Quan giai mấy vực đều xung can thành (1).
Núi sông trời khéo khéo danh,
Xui lòng thành tin rạng danh thuận-hòa.
Ông Trương Sĩ-tái vâng ra,
Chánh chung việc nước vốn là người Nam.
Cũng niềm kinh-tế an bang,
Tri đưa tấc lưỡi giúp an kinh-kỳ ;
Ơn trên đức phủ nhân tuy (2)
Dụng tinh cổ kiết làm ghi công người ;
Hoa xuân nhuộm được màu tươi

(1) *Can thành* : Kinh Thi có câu :

*Cụ cụ vô phu,
Công-hầu can thành.*

Nghĩa là :

Kẻ chống đỡ cho vua,
Cũng như giáo, như thành.
(Ý nói người tài giỏi).

(2) *Đức phủ nhân tuy* : đức vô lòng nhân ra yêu bốn phương.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Vinh quang sững mọc (1) thật người thơ đường (2)
 Ân-cần tinh-nghĩa làm gương
 Đã lời chiếu-dụ, lại chương luật Đường.
 Cho người ân-sĩ họ Trương,
 Hàn-lâm thị giảng mông đường văn ban.
 Thỗ-âm các nước loạn bàn,
 Dịch lời tiếng chữ hàng quan triều-thần.
 Lại đồ một phủ báu trân,
 Huỳnh dàng ngự bút cũng nhân một lần.
 Trọng thu tháng ấy vừa cân,
 Ngày hai mươi bảy nhạc quân tiến-hành.
 Rõ-ràng sự ấy đã thanh,
 Nam trung nước biếc, non xanh từng ngày.
 Ổn trên tưởng lại bấy nay,
 Vàng đem ý chỉ diễn bài quốc-âm.
 Ấy ai đứng bậc sĩ-lâm,
 Phải toan nhất đức, nhất tâm (3) cần quyền.
 Lời rằng quân-tử, sĩ hiền,
 Cương-thường là trọng kinh-quyền rất sang.
 Kia xưa Y Doãn ngôi quan,
 Cũng người sẵn đã chi toan học-hành.
 Dường như vui trọn đời mình,
 Một mai Trưng Triệu cũng đành nghĩa tôi.
 Nay Trương Sĩ-tái là người,
 Sinh trong nam-thỗ thật tài lâu thông.
 Âu-A (4) mọi nước núi sông,
 Dấu chơi cũng khắp, chẳng không nước nào.
 Tiếng-tâm chữ nghĩa làm sao?

(1) Vinh-quang sững mọc : gọi nhưần ơn vua mà được vinh-hiền sáng danh.

(2) Thơ đường ân : người học-trò ở chốn thơ đường ở ân mà có tài làm tướng.

(3) Nhất đức nhất tâm : cương quyết một niềm mà thôi.

(4) Âu A :

Âu là âu-ba-la (europa).

A là a-tế-a (asia).

TRƯƠNG VINH KÝ

Người hay khói lạ đều vào mắt tai,
Tiếc thay chưa chút quan giai,
Nước mình cha mẹ để ai trái tình ?
Những toan rảnh việc giấu mình,
Về nhà dạy học làm thình chuyện đời.
Liền nghe kinh báo sự người,
Có lòng vượt bể, vượt vời tới nơi.
Ra tài vì nước đua bơi,
Tư-gia những việc bỏ khơi tấm lòng.
Lấy lời lân hảo lễ công,
Ép niềm thành-tín, gỡ vòng tham-ngoan ;
Đương nay vận nước nhiều nan,
Vì ta giúp-đỡ lo toan những điều.
Việc kia, mới nợ cũng nhiều,
Vừa trong tháng sáu thấy đều đặn an.
Thật tài tế-thể kinh-bang (1)
Bạc người thứ nhất khôn-ngoan ai tày ?
Trong Nam cũng tướng lâu nay,
Quốc-triều, văn-giáo ít hay gọi-nhuần.
Nay người Trương-thị xuất trần,
Tài xem hạc lập kê-quần (2) mới ưng.
E hay non nước không chừng,
Khí linh sớm đức nên lưng anh-hào.
Hay khi công-đức dường sao,
Tiền-triều dành để thể nào mà hay.
Ta mừng gặp đặn ngày nay,
Người Trương nghĩ cũng cảm thay tấm lòng.
Lại tặng thặng chức, gia phong,
Hàn-lâm thị giảng ngồi trong ngự tiền.
Thổ-âm các nước ghi-biên,
Tiếng-tâm chữ-nghĩa trao truyền truyện xưa.

(1) Tế thể kinh bang :

Tế thể là cứu đời,
Kinh bang là trị nước.

(2) Hạc lập kê quần : con hạc đứng giữa bầy gà.

TRƯƠNG VINH KỶ

Đêm ngày tai mắt lòng ưa,
Đường bằng chẳng mỗi vui đưa tháng ngày.
Có lòng trông-cậy một tay,
Hết bài trí-lự đỡ ngày gian-nan.
Mãn vui nghe chuyện luận-bàn,
Không dè từ tạ vợi-vàng hồi hương.
Nghĩ tình khôn xiết phân trương,
Ngày vui chưa mấy dậm đường đã xa
Lòng ta một tấm thật-thà,
Nỗi tình nào xiết lại là có hơn.
Của này gọi chút riêng ơn,
Lại ban cho đó tu nhơn ghi tình.
Một bình như ý ngọc lành,
Vàng điều mười lượng, của giành lâu nav.
Sừng tủy một cái báu này,
Điều thương kim-tự, hai cây sủng rày ;
Ba liềm gấm tốt hàng này,
Hàng tàu, hàng đoạn kê rày tám cây.
Xả-cử tử cần tốt thay,
Cũng là một cái ngày nay lưu tình.
Chân-dung một tấm đồ hình,
Của ta cho đó dấu hình tương thân.
Ngày xưa hoàng khảo tiên-quân
Ban cho ngọc-khánh sanh thần thuở ta.
Đề đời làm báu ấy là,
Nay ta cho đó đề mà gương tin.
Ớn kia, ngài nọ giữ-gìn,
Một niềm ta chọn sĩ hiền bấy nay.
Ngũ-ngôn trường luật thi này,
Bày tình gặp-gỡ những ngày trông mong.
Xiết bao ngàn dậm tắc lòng,
Con người nên cũng như lòng vợi người.
Biết ta có ý vợi người,
Đo lòng mình cũng vắng lời xét coi.
Người xưa lời để rạch-rời,

TRƯƠNG VINH KÝ

Thiên Trường (1) đời Tống là người tôi ngay.
Cũng rằng làm bậc tôi rày,
Nghĩa vua sau trước ngàn ngày lo toan.
Trong ngoài gần dạ keo-sơn,
Trung quân ái quốc chớ sòn ngãi ngay.
Những lời vàng-dã tỏ-bày,
Ta trông mong đó như ngày người xưa.
Chớ quên một hạt ơn mưa,
Nước nguồn cây cội (2) lọc-lừa lòng riêng.
Tắc gan lời nói cũng già,
Năm chầy, tháng lụn cũng xin ghi lòng.
Thủ công báo đức nơi trong,
Thì ta cũng dặng trông mong người hiền.
Một lòng thiết-đãi cần quyền,
Một yêu yêu-chuộng nối biên thi này.
Nhớ ngày sóng biển gió gay,
Kinh-ký một ngọn khói bay, mây tàn.
Thương ta gặp cảnh cháy gan,
Một niềm uất-ức muốn toan thanh-nhàn.
Lấy ai nhờ nổi cơ-quan,
Vì ta tính cuộc giải-khoan tất lòng.
Gặp cơn vận nước long-đông,
Người tài muốn sẵn đề phòng cật tay.
Có chẳng non nước những ngày,
Khí tính sớm đức đã bày người hay.
Gấm ơn công-đức lâu nay,
Thảo lai cũng gặp có ngày mà hay.
Đồng-nai cả đất nước này,
Của tiên liệt-đế những ngày phân cương.

(1) *Thiên Trường* : tức là *Tống Văn Thiên Trường*. Nhà Tống suy rồi, ông vẫn ra bãi tướng, dựng lại cương thường mà yên được hơn 2, 3 mươi năm.

(2) *Nước nguồn, cây cội* : do bốn chữ *mộc bản hỷ nguyên*. Nghĩa là : *Căn cốt chẳng nên quên*.

TRƯƠNG VINH KÝ

Gò mai ai biết thơ đường,
Cũng nhà xử-sĩ Long-cương (1) mà rằng.
Trái bao ngóng gió, ngó trăng,
Phút đâu người đến đã bằng lòng trông.
Vẫn nghe danh-sĩ chẳng không,
Nay xem biết chắc làu thông thật tài.
Siêu-quần (2) nay có mấy ai,
Xa thơ uyên-súc (3) vì người tài xưa.
Phương lạy chót lưỡn tiếng đưa,
Dịch làm chủ-nghĩa đã thừa mấy nơi.
Lại khi các nước chơi-bời,
Dấu giày đã khắp các lời thờ-âm.
Tới nay kết nghĩa đoạn cảm, (4)
Màn sen về chốn cơ tâm giúp hàn.
Đã tình trái mấy niềm đơn,
Trước nơi thêm ngọc thiên-nhan châu gần.
Gặp dây lụa phải mấy lần,
Chờ phân rằng muợn, chờ cần rằng trua.
Hãy xin ngài mển, tình tra,
Hết bày cạn nỗi sau xưa tấm lòng.
Một câu hiếu-đễ, tín-trung,
Lo đền ơn nợ đất trong nước nhà.
Những niềm riêng tưởng vinh-hoa.
Phù-vân nghĩ lại nên chề tắc lòng.

(1) *Long-cương* : chỉ ông Khổng-minh Gia cát Lượng.

(2) *Siêu-quần* : vượt lên tất cả mọi người.

(3) *Xa thơ* do câu : *Học phú ngữ xa thơ*.

Nghĩa là :

Học sách để quá năm xe.

Uyên-súc : là vực sâu nuôi cá (chỗ chứa những kẻ tài-ba, học giỏi).

(4) *Đoạn cảm* : do câu : *Nhân đồng tâm kỳ nghĩa đoạn cảm* (kim).

Hai người đồng lòng thì cái nghĩa nó quý như nén vàng chặt hai, đồng đều nhau.

TRƯƠNG VINH KÝ

Chước chi bạc lãng đồng mông, (1)
Nước giàu binh mạnh cũng trông đó bày ;
Đầu khi cách núi xa vời,
Trương Nghi (2) nói tập đảng lời biểu tiên.
Đời xưa cũng có Trương Khiên, (3)
Cởi bè vãng mạng sứ miền Hung-nô ;
Ấy là vì nước viên đồ.
Cũng mong chi đó Việt Hồ dậm khơi.
Trương Lương (4) xưa cũng là người,
Vua ăn mượn dũa tinh lời thiệt hơn.
Ấy là cạn tấm lòng đơn,
Đó toan mưu chước chờ dòn nghĩa ngay.
Tiếc thay Da Luật những ngày,
Trung thơ chức chưởng nên tay danh hầu.
Cứu dân khen cũng nhiệm-màu,
Khéo bề cơ-biến gâm âu có tài ;
Phải chi ta dụng dặng ai,
Can chi một cuộc lâu dài chẳng nên.
Phải chi đá cũng lòng bền,
Can chi nhà Tấn ra nền thử ly ; (5)
Mắt xanh (6) mấy bạc kỹ-tri,

(1) *Bạc lãng đồng mông* : có câu : *Bi thuyền bạc lãng chiên đồng mông.*

Nghĩa là :

Thuyền da cưỡi sóng có mông xung dờ dạn (kể đánh giặc).

(2) *Trương Nghi* : Người đời Chiến-quốc (hay bày mưu, vẽ chước).

(3) *Trương Khiên* : người đời Hán Võ-đế cởi bè mà đi đánh Hung-nô.

(4) *Trương Lương* : Trương Lương nghe Lịch-tử Cơ bày chước phong vụ quốc... vào khi Hán Cao-tổ đang ngự thiện, bày phải bãi việc ấy đi mời tâu vua : mượn dũa vua ăn... mà tinh lợi-hại cho vua nghe.

(5) *Thử ly* : Kinh Thi có câu ; *Thử tắc ly ly* (nhà Chu thua rồi, suy-vi rồi, nền xã-tác cỏ mọc lúa lên... nên hư đi).

(6) *Mắt xanh* : do chữ *Thanh nhãn* ; có nghĩa là người biết nhau.

TRƯƠNG VINH KÝ

Mấy trang tài-dức mấy khi ai tưởng.
Tiếng thơm danh lạ một đường,
Tài kia có một đê nhường cho ai ?
Tiếng chim hay cũng êm tai,
Mến rùng phải biết mến hoài lòng trông.
Khéo khen con cá giữa sông,
Chắc rằng dựng nước mới mong vẫy-vùng.
Sở xưa Ngô Ngụy bắc dòng,
Đặng ông Gia-cát mới trông vũng-vàng.
Việc chi mà có khó toan,
Khiến ai luống những rộn-ràng lòng lo.
Lẽ kia ta cũng đã dò,
Trời xanh nghĩ cũng in do tắc lòng.
Khiến nên gặp-gỡ đèo bồng,
Tình cờ mà lại một lòng chúa tôi.
Đêm ngày châu-chực bèn ngồi,
Sơn vi (1) người nhớ chỗ ngồi thảo lư.
Vội-vàng lời biểu tạ từ,
Qui-thiếu (2) một gánh đã xa dặm ngàn.
Xiết bao non-nước nam-quan,
Đào Tiềm (3) người nhớ lời làm qui-lai !
Tình ta khôn nổi quan-hoài,
Cũng trông lòng đó lâu-dài niềm son.
Xin cho trời đất vuông tròn,
Bề êm, sóng lặng, mắt mòn ta trông.
Kẻo người chịu những lạnh-lùng.
Gió thu năm tháng chồi dong đêm ngày.
Ngày nay một cánh buồm bay,
Tấm lòng phơi-phới ai tà như người ?
Tình ta khôn nổi vui cười,

(1) Sơn vi : rau vi ở chỗ đất cũ của mình (ý nói : nhớ nhà, nhớ chốn cũ của mình).

(2) Qui thiếu : xe chở đồ mà đi về.

(3) Đào Tiềm : Đào Tiềm làm tri-huyện ở đất Bình-trạch, Quan trên bắt phải mang đai, bận áo ra mà tiếp anh thư-lại đem từ quan trên đến, nên bỏ chức, dâng sớ tâu nhà vua xin về (có câu : *Tổng Đào Tiềm vi xử sĩ*).

TRƯƠNG VINH KÝ

Nhớ ai vôi vôi như người vọng phu?
Người về chốn cũ thảo-lư,
Đất xa nên phải cũng như lòng gần;
Tâm-thần nghĩ cũng tương thân,
Chớ xa tình nọ như gần với nhau.
Tiệc đưa chén cúc ruồi mau,
Dương-quan mấy nổi quặn đau chín chiều.
Chút tình để đó dặt-diều,
Ngò-son, Sở-thủy quạnh-hiu bước đường,
Dần-dừ tình nhớ, nỗi thương,
Ngũ-ngôn trường-luật để trương huỳnh-dàng;
Chữ phê ngự bút cũng rằng:
Lời vàng tiếng ngọc hồ mong sĩ hiền.
Ngay tin cùng lấy kinh quyền (1),
Một niềm trông đó cần quyền sau xưa.
Đêm ngày gìn-giữ lo-lừa,
Danh thơm tiếng tốt mời vừa lòng ta,
Người xưa áu cũng thế mà,
Người nay nên sánh mời ra bậc hiền.
Tiếng khen ngàn thuở lưu-truyền,
Nay ta gặp đó xin duyên để đời.

(1) *Kinh quyền* : (Rút ở trong tư-tưởng sách Trung-dụng của đức Khổng-phu-tử).

Kinh là đạo dùng khi thường.

Quyền là đạo dùng khi biến.

(Cũng như câu : Ngò biến tùng quyền).

Ví dụ câu :

Trong khi biến, phải khác thường.

Đến điều cùng quá lại càng kiên-trinh.

CAO BÁ NHA

Tự tình Khúc

Nói chung là : cần phải biết linh-động trong mọi trường-hợp, miễn là luôn luôn chủ-động trước thời-thế là được.

Tây-phương có câu tương tự : « *La fin justifie les moyens* » (nghĩa rộng của nó là : chỉ cần nhắm vào cứu-cánh là được, còn xử-dụng phương-tiện nào cũng được). Tư-tưởng này bị liệt vào tinh-thần thủ-đoạn và chiến-thuật giai đoạn, cho nên bị công-kích kịch liệt. (Dẫn theo cuốn *Darkness at Noon* của Arthier Koestler).

VIỆC THÔNG-ĐỐC PAUL BERT SANG VIỆT-NAM VÀ VIỆC TRỌNG-DỤNG TRƯỞNG VĨNH KÝ

Ông Freycinet lên làm thủ-tướng của Pháp lúc bấy giờ vì nhận thấy thống-tướng De Courcy không thể nào điều chỉnh được tình-trạng của nước Việt-nam hồi đó nên đã đánh điện sang triệu về, giao binh-quyền lại cho trung-tướng Warnel.

Quan văn Paul Bert sang sung chức thống-dốc để kinh lý mọi nơi ở nước Việt-nam. Ngày mồng 5 tháng 3 năm bình-tuất (1886), viên Thống-dốc Paul Bert ra đến Hà-nội.

CHÍNH-SÁCH CỦA PAUL BERT.

Rút kinh-nghiệm những thất-bại trước và phân-tách những nguyên-nhân đó, nên Paul Bert đã thay-đổi chính-sách cai-trị.

Paul Bert liền đặt :

- Phủ thống-sứ ở Bắc-kỳ.
- Sở kiểm-soát tài-chánh.

MỤC-ĐÍCH PHỦ THỐNG- ĐỐC Ở BẮC-KỲ.

Là chỉnh-đốn lại tất cả phương-pháp nguyên-tắc, chiến-thuật, chiến-lược cai-trị, đi sâu vào mọi ngành hoạt-dộng của xã-hội Việt-nam như là xã-hội, phong-tục, giáo-dục, văn-hóa, pháp-luật, tôn-giáo... tạo thành một nếp sống khác biệt với trước.

MỤC-DÍCH SỞ KIỂM- SOÁT TÀI-CHÁNH.

Thật ra là chính-phủ Pháp có ý định thâu hồi những nguồn-lợi chính về kinh-tế của chính-phủ Nam-triều cũng như tư-gia Việt-nam.

Nắm được cơ-sở kinh-tế tức là nắm được mạch máu của dân-chúng.

MỞ RA PHÁP-VIỆT H Ọ C - Đ Ữ Ở N G

Mục-dịch của Paul Bert là đào tạo một lớp học-sinh theo tinh-thần Âu-tây sau này ra làm việc cho chính-phủ Nam-triều và cho chính quyền thực-dân.

Đó là một âm-mưu thực-dân phát-triển lâu-dài vậy.

Ngoài ra, Paul Bert còn điều-dinh với vua Đồng-khánh cho lập nha Kinh-lược ở tại Bắc-kỳ (Bắc-phần) cho quan Kinh-lược đại-sứ được quyền cùng phủ Thống-sứ tự tiện thi-hành mọi việc.

Paul Bert trình-bày như vậy :

« Đường-sá từ Bắc vào Huế quá xa xuôi, công-việc giao-thông chưa được thuận-tiện, mỗi lần có việc gì phải tàu bằm vào Bộ thì mất quá nhiều thì giờ.

Bởi vậy, cứ xin cho quan Kinh-lược Đại-sứ giải quyết tự tiện rồi mỗi năm vài ba lần làm phúc trình đầy-đủ gửi về cho triều-đình để tổng-kết lại và lấy ý-kiến cũng được ! »

Bản về đoạn này, ông Trần Trọng Kim có viết ở cuốn *Việt-nam Sử Lược* rằng : « Chủ-ý của thống-đốc (tức Paul Bert) là muốn khai-hóa đất Bắc-kỳ cho chóng được thịnh-lợi ».

Cần phải suy-đoán việc này kỹ-càng hơn, chúng ta mới hiểu rõ chính-sách của Paul Bert khi đặt chân qua Việt-nam.

Rút kinh-nghiệm những chính-sách cai-trị cũ, hiểu dần vào nếp suy-luận và sinh-hoạt của dân-tộc Việt-nam (trên

TRƯƠNG VĨNH KÝ

cơ-sở truyền thống) Paul Bert (1) muốn áp-dụng một chính-sách thuộc-dịa khôn-khéo và tinh-vi hơn. Paul Bert dùng Trương-công bên cạnh vua Đồng-khánh.

Paul Bert hiểu Trương vĩnh Ký trong cuộc gặp-gỡ ở Pháp (vào 1863) và hiểu năng-lực của nhà văn-hóa tiền tuyến Việt-nam có chân ở hội Á-châu; tuy-nhiên, khi bước chân vào địa-hạt chính-trị đã thận-trọng và lo-ngại hơn. Phần thì hiểu rõ tinh-thần cấp tiến của Trương vĩnh Ký trước làn sóng văn-minh tiến-bộ của Tây-phương, phần thì sợ tinh-thần phê-phán (*esprit de critique*) mạnh-dạn cho nên đã đặt tâm dòm-ngó từng hành-vi, từng cử-chỉ. Khi Trương vĩnh Ký về thăm quê nhà ở Cái-nhum, Paul Bert rất e-ngại, đề phòng, sợ tiết lộ đường-lối chính-trị của mình.

Nhưng đến ngày 11 tháng 11 năm 1886 thì Paul Bert mất (2).

Nếu Paul Bert còn sống thêm nữa, chính-sách thuộc-dịa của thực-dân sẽ ra sao đây ?

(1) Paul Bert là một nhà văn Pháp bên cạnh Victor Hugo, Renan v. v ..

(2) Theo tài-liệu của Raphael Barquissau trong cuốn *Correspondance inédite en Latin de Pétrus Trương vĩnh Ký* (Publication de la Société des Etudes Indochinoises, Saigon 1934 - trang 1).

CHÂN-NẢN CHÍNH-TRỊ

(Về hưởng nhàn)

Vào ngày 11 tháng 10 năm 1886, ông trở về Sài-gon để dưỡng bệnh, dù rằng vua Đồng-khánh vẫn tìm cách để giữ ông lại.

Nhưng đến ngày 11 tháng 11 năm 1886, sau khi nghe tin Paul Bert tạ thế, thì ông ở mãi Sài-gòn, e rằng có nhiều biến-trạng không hay xảy ra cho mình sau này.

Việc này có nhiều nguyên-nhân và chính Trương vĩnh Ký cảm thấy bất mãn từ trước. Về phía Nam-triều, đa số vẫn quan-niệm rằng ông là tay sai nguy-hiểm của nguy-quyền, mưu-cầu quyền cao, chức trọng cho mình.

Còn chính-phủ Pháp, có lắm người vẫn không tin-trưởng ở con người luôn luôn hoài-nghi phê-phán, chỉ-trích ông.

Khi lành bệnh, ông chỉ xin nhậm lại chức cũ ở Nam-kỳ (Nam-phần) là giáo-sư dạy thờ-ngữ Đông-phương ở trường Hậu-bổ và trường Thông-ngôn (Collège des Administrateurs Stagiaires et Collège des Interprètes).

Ngày 18 tháng 3 năm 1888, ông đi công-cán ở tại Vọng-các (Bang-kok). Ở đây cũng như bao nhiêu cuộc thăm-viếng khác, ông luôn luôn đặt tâm nghiên-cứu tất cả sinh-hoạt trong xứ đó về mọi phương-diện :

- Kinh-tế
- Văn-hóa
- Xã-hội

TRƯƠNG VĨNH KÝ

— Chính-trị

— Tư-tưởng-giới

Trong bức thư đề ngày 12 tháng 5 năm 1888 gửi lên cho viên Thống-đốc Nam-kỳ lúc đó, Trương Vĩnh Ký có nêu rõ quyền-lợi chân-chính và thiết-yếu của nước Việt-nam ở tả ngạn sông Cửu-lông (1)

Tham-vọng của ông là tìm đủ cách để cho ích quốc lợi dân, dù có hy-sinh đến địa-vị, quyền-lợi của mình đi chăng nữa.

Viết thư cho bác-sĩ Chavanne, có đoạn : (2)

Điều duy-nhất và đơn-dộc mà tôi tìm kiếm (về chính-trị) là có ích đúng như câu châm-ngôn La-tinh : *Sic vos non vobis* (Ở với họ mà không theo họ). Đó là định-mệnh của tôi và điều tự-nhủ chính bản thân tôi.

Nguyên-văn : *Unum et unicūm quaero, esse scilicet posse utilem, quamvis dicendum sit : Sic vos non vobis... Hae est mea sors et consolatio.*

Khoảng thời-gian sau cùng của cuộc đời Trương-công đã dành lại để thỏa-mãn sự hiểu-biết và hoàn thành những công-trình trú-tác, biên-thuật của mình.

Người ta còn tìm thấy nhiều tác-phẩm còn dở-dang, những đoạn bình thơ cổ của các triều vua trước chưa dứt nguồn cũng như lăm đoạn khảo-cứu về chim-chóc, cây cối, thú vật... chưa hoàn thành. Quả là một sức làm việc phi thường vậy.

Dường như tiên-sinh tha-thiết với mẫu sống sau cùng của mình lăm lăm ! Đây là một cuộc dự-kiến từ trước và ông ôm-ấp hoài-vọng từ lâu rồi.

Quan-niệm của tiên-sinh thật rõ-ràng trong bức thư

(1) Vấn-đề đó mãi cho đến gần đây (6-12-1957 — 23-12-57) một phái đoàn gồm có nhiều chuyên viên Pháp (Duval) Gia-nã-đại (John W. McCaunon) Hoa-kỳ (V. Darling) Việt (Phạm thị Tân) mới nghiên-cứu lại. P. Ký đã chú ý từ trước.

(2) Thư đề ngày 9-6-1888.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

chân-thành gửi cho bác-sĩ Chavanne (ngày mồng 6 tháng 6 năm 1887) như vậy :

— « Phải chiều theo cuộc sống mà phục-vụ nó. Phải làm sao cho nó có ích-lợi hoặc cho bản thân chúng ta, hoặc cho đồng loại của chúng ta, hoặc cho những sản-vật của thiên-nhiên.

Đó là cứu-cánh quan-trọng đã được hoàn thành.

Nguyên-văn bằng chữ La-tinh là :

Vita enim qualis in se est sumenda est talis.

Tantummodo sit fructuosa sive nobis ipsis, sive nostris simi limbus, sive aliis Naturae entibus (1) ; sicque finem primordiale adimpleret.

Cũng trong khoảng thời-gian này cụ Trương vĩnh Ký nghiên-cứu và tinh nghĩa lại bộ sách Tứ thư, Minh 'âm bửu-giám cũng như tư-tưởng của các danh-nhân Âu-tây, và ở Kinh-thành.

Tiên-sinh lại dành một khoảng thời-gian để viết về văn-học-sử Cao-miền, do những tài-liệu thu-thập trong khi đi công-cán ở Vọng-các để phổ-biến cho người Âu-tây hiểu rõ hơn nữa.

Rồi tiên-sinh yếu dần.

Mẫu đời sau cùng bước vào sự túng-thiếu, kiệt quệ về tiền-tài, vật-chất.

Bệnh-tật phát ra. Tuy vậy mà tiên-sinh vẫn « bần-tiện bất năng di, uy-võ bất năng khuất » cho đến phút cuối-cùng.

Trong tập *Nhật-ký* lưu lại, tiên-sinh viết :

« Bị hai cái khánh-tận, nhà in... nơi nhà... mất hơn năm sáu ngàn đồng bạc. Phần thi sách-vở bán không chạy, mắc nợ nhà in Rey và Curisol, phần thi bị... phải bảo lãnh nợ cho nó hết, hơn... lại thân phát... đau hư khí-huyết... »

Nhưng đó là về phần vật-thể.

Chữ về phần tinh-thần, tiên-sinh vẫn bản-khoản, khắc-

(1) Do động-từ esse. Ngày nay không còn dùng lối này nữa (ở học-đường).

TRƯƠNG VĨNH KÝ

khoái rằng dân-chúng, sĩ-phu vẫn chưa hiểu rõ những công-việc làm vừa qua và hoàn-cảnh vô cùng xúc bức của mình trước thời cuộc rối-rắm của nước nhà.

Công hai tội ?

Tâm-trạng đó vô cùng é-chề đau-dớn chẳng khác Cao bá Nha

*Rời ra ai nghu thương tình,
Ngàn năm công-luận phẩm-bình về sau.*

(Tự tình khúc)

hay của Phan thanh Giản, đau cái đau của Tử Kỳ không còn ai để hiểu rõ ý-định, tình-cảm đau-dáu của mình nữa :

*Tử Kỳ đã mất, đập đàn thôi,
Non nước còn ai ? Những ngậm-ngùi
Gió xuán bốn mặt chung bầu-bạn,
Mà kiếm tri-âm chẳng có người. (1)*

(Toái Cầm)

Trương vĩnh Ký đã dùng những lời thơ tâm-huyết để cho « công-luận phẩm-bình » dễ dàng, may ra còn hiểu mới « băng tâm, trong trắng » của mình hơn nữa :

*Quan-h-quy nh quần-quần lối đường quai,
Xó đầy người vô giữa cuộc đời.
Học-thức giữ tên : con sách nát,
Công-danh rút cục : cái quan-tài.
Dạo hòn lữ kiến men chân bước,
Bò xối con trùng chắc lưỡi hoài.
Cưỡi sỏ binh-sanh công với tội,
Tìm nơi thâm-phán để thừa khai.*

(Bài thơ tuyệt-mệnh)

Ông mất vào ngày 1 tháng 9 năm 1898, hưởng dương 62 tuổi.

(1) Nguyên-văn bài thơ thất-ngôn tuyệt-cú này bằng Hán-văn của Phan thanh Giản là :

*Phá toái dao cầm phụng dĩ hàn,
Tử Kỳ bất tại đối thụ đàn ?
Xuân phong mẫn diện giai bằng-hữn,
Dục mịch tri-âm, nan thượng nan !*

**SỰ - NGHIỆP TRƯỚC-THUẬT CỦA
TRƯƠNG VĨNH KÝ**

1. Năm 1867 : Abrégé de grammaire annamite.
2. Năm 1867 : Contes annamites — Truyện đời xưa.
3. Năm 1868 : Cours pratique de langue annamite à l'usage du Collège des Interprètes.
4. Năm 1872 : Grammaire Française. Mẹo-luật dạy tiếng Lang-sa.
5. Năm 1885 : Petit cours de Géographie de la Basse Cochinchine.
6. Năm 1885 : Kim vân Kiều — Poèmes transcrit pour la première fois en Quốc-ngữ avec des notes explicatives précédé d'un résumé succinct du sujet en prose et suivi de quelques pièces divers relatives à la même histoire.
7. Năm 1885 : Histoire annamite en vers.
Đại-nam Sử-ký diễn ca.
8. Năm 1885 : Cours de Langue annamite.
9. Năm 1885 : Cours de Langue mandarine ou de caractères chinois autographié.
10. Năm 1876 : Sách vần Quốc-ngữ.
11. Năm 1876 : Sử-ký Nam-việt.
12. Năm 1876 : Sử-ký Trung-hoa.
13. Năm 1876 : Tứ Thư bằng chữ Hán và chữ Quốc-ngữ.
14. Năm 1877 : Sơ học vấn tám.
Rertoire pour les nouveaux étudiants en caractères chinois.

TRƯƠNG VINH KỶ

15. Năm 1879 : Cours d'Histoire annamite en 2 volumes.
16. Năm 1881 : Chuyển ra Bắc-kỳ năm Ất-hợi.
17. Năm 1881 : Retraite et apothéose de Trương Lương.
18. Năm 1882 : Trương-lưu Hầu-phú.
19. Năm 1882 : Saigon d'Autrefois.
20. Năm 1882 : Saigon d'Aujourd'hui.
21. Năm 1882 : Chuyện khôi-hải.
22. Năm 1882 : Kiếp Phong Trần.
23. Năm 1882 : Fais ce que dois, advienne que pourra.
24. Năm 1882 : Nữ-tắc (in lần thứ 2).
25. Năm 1882 : Thơ dạy làm dâu.
26. Năm 1882 : Défauts et qualités des filles et des femmes.
27. Năm 1882 : Les convenances et les civilités annamites.
28. Năm 1883 : Guide de conversations annamite français.
29. Năm 1883 : Maître et élève sur la grammaire française.
30. Năm 1883 : Ecole modeste ou un père à ses enfants.
31. Năm 1883 : Bài hịch con quạ.
32. Năm 1883 : Thành suy bĩ thái phú.
33. Năm 1883 : Hàn nho phong vị phú.
34. Năm 1884 : Grammaire de la langue annamite.
35. Năm 1884 : Tam tự kinh.
36. Năm 1884 : Sơ-học vấn tâm.
37. Năm 1884 : Mắc cúm từ — La dingue.
38. Năm 1884 : Jeux et opium.
39. Năm 1884 : Ngư-tiêu Trương diệu.
40. Năm 1884 : Huấn mộng ca.
Transcription et traduction en annamite
et en français.
41. Năm 1886 : Conférences sur le souvenir historique de
Saigon et ses environs.
42. Năm 1886 : Cours de Langue annamite aux Européens.
Phraséologie, Thèmes, Versions.
43. Năm 1886 : Cours d'Annamite aux Élèves européens.
Explication du Lục vân Tiên.

TRƯƠNG VINH KÝ

41. Năm 1886 : Prosodie et versification annamite.
Cours d'Annamite aux élèves annamites.
45. Năm 1886 : Cours d'Annamite aux élèves annamites.
Converti et commenté en langue vulgaire pour les élèves annamites.
46. Năm 1886 : Kim vân Kiêu en prose.
Converti et commenté en langue vulgaire pour les élèves annamites.
47. Năm 1886 : Théâtres, Comédies, Chansons annamites.
Cours aux élèves annamites.
48. Năm 1887 : Cours en caractères chinois, 2e année.
Explications du Mencius.
Thèmes, Versions et Explications les pièces officielles.
49. Năm 1887 : Vocabulaire des mots usuels.
Noms et termes techniques scientifiques et administratifs.
50. Năm 1887 : Tam thiên tự giải-nghĩa.
51. Năm 1887 : Résumé de la chronologie de l'Histoire et la production de l'Annam en tableaux synoptiques.
52. Năm 1887 : Précis de géographie.
53. Năm 1887 : Lục súc.
54. Năm 1887 : Lục súc tranh công.
55. Năm 1887 : Alphabet français pour les annamites.
56. Năm 1888 : Miscellanées ou lectures instructives pour les Elèves des Ecoles et les Familles.
Publications mensuelles brochées en 2 volumes.
57. Năm 1888 : Đại-nam Tam thập nhất tỉnh thành đồ.
58. Năm 1889 : Đại-học — Trung-dung.
59. Năm 1889 : Lục vân Tiên.
60. Năm 1889 : Phan Trần.
61. Năm 1889 : Cours de Siamois.
62. Năm 1889 : Grand Dictionnaire Français - annamite.

TRƯƠNG VINH KÝ

63. Năm 1889 : Đại-nam Tam thập nhất tỉnh bản đồ.
64. Năm 1890 : Cours de Cambodgiens Ecritures et langue.
65. Năm 1890 : Vocabulaire du cours annamite.
66. Năm 1890 ; Vocabulaire du cours de caractères chinois.
67. Năm 1891 : Cours de littérature chinoise.
68. Năm 1891 : Cours de littérature annamite.
69. Năm 1891 : Programme général d'Etude dans les Ecoles annamites.
70. Năm 1891 : Modèle des pièces officielles et administratives en caractères.
71. Năm 1891 : Généalogie de la Famille de P. Ký.
72. Năm 1891 : Sĩ viên gia thảo.
73. Năm 1893 : Cours de langue malaise.
74. Năm 1894 : Cours d'Annamite parlé.
75. Năm 1894 : Grand Dictionnaire Français Annamite.
76. Năm 1894 : Vocabulaire de langue chinoise.
77. Năm 1894 : Mẹo tiếng Annam.
78. Năm 1894 : Langage de la Cour en Extrême Orient.
79. Năm 1884 : Vocabulaire Français Malais.
80. Năm 1894 : Guide de conversation malaise française.
81. Năm 1894 : Vocabuaire Français Cambodgien.
82. Năm 1894 : Guide conversation Cambodgienne - française.
83. Năm 1894 : Vocabulaire Français-Siamois.
84. Năm 1894 : Guide de conversation Siamoise-Française.
85. Năm 1894 : Cours de langue birmane.
86. Năm 1894 : Vocabulaire Birman-Français.
87. Năm 1894 : Guide de conversation birmane française.
88. Năm 1894 : Cours de Ciampoï.
89. Năm 1894 : Vocabulaire Français Ciampoï.
90. Năm 1894 : Guide de conversation Ciampoï Française.
91. Năm 1894 : Cours de langue laotienne.
92. Năm 1894 : Vocabulaire Laotien - Français.
93. Năm 1894 : Guide de conversation laotien-français.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

94. Năm 1894 : Cours de langue tamoule.
95. Năm 1894 : Vocabulaire Tamoule-Français.
96. Năm 1894 : Guide de conversation tamoul-français.
97. Năm 1894 : Cours de langue indoustane.
98. Năm 1894 : Vocabulaire Indoustan-français.
99. Năm 1894 : Guide de conversation indoustane-français.
100. Năm 1894 : Minh Tâm.
Le précieux miroir du Coeur (2 volumes).
101. Năm 1891 : Cours de Géographie générale de l'Indochine avec cartes générales et particulières en 6 parties.
a) La Cochinchine française.
b) L'Annam central.
c) Le Tonkin.
d) Le Cambodge.
e) Le Siam.
if) La Birmanie.
102. : Cours d'Annamite écrit (mandarin ou caractères chinois).
103. : Mạnh-tử.
104. : Luận-ngữ.
105. : Dictionnaire Chinois-Français-Annamite.
106. : Annam politique et social.
107. : Dictionnaire biographique annamite ou de viris illustribus regni annamitici.
108. : Flore annamite.
109. : Produits de l'Annam.
110. : Dictionnaire géographique annamite.
111. : Les droits de l'Annam dans la vallée du Mékong (Mémoire sur...).
112. : Recueil des chansons populaires annamites.
113. : Recueil d'oraisons funèbres annamites.
114. : Recueil de pièces de théâtres annamites.

TRƯƠNG VINH KÝ

- 115· : Etude comparée sur des langues écritures croyances et religions des peuples de l'Indochine.
- 116· : Sujets historiques des poèmes annamites.
- 117· : Combinaisons des systèmes d'écriture géographique, hiéroglyphique, phonétique, alphabétique.
- 118· : Etude comparée des langues et les écritures des trois branches linguistiques.

SÁCH CHƯA IN VÀ ĐANG SOẠN

- *Luật làm thơ.*
 - a) Lời nói đầu (4 từ).
 - b) Phép đối (5 từ).
 - c) Làm văn làm thơ (13 từ).
 - d) Thơ văn làm trong các kỳ thi.
(Bản thảo do tác-giả chép tay).
- *Văn-tế.*
(Chép ra chữ Quốc-ngữ và dẫn-giải).
(Bản thảo do tác-giả chép tay.)
- *Khảo về Bích-câu kỳ-ngộ.*
 - a) Nói về tập Bích-câu.
 - b) Tập Bích-câu.
(Bản thảo do tác-giả chép tay).
- *Nguyễn Đạt, Nguyễn Sanh truyện.*
(Gồm có 262 câu lục-bát và 1 câu mới 2 chữ còn bỏ dở).
- *Làm thơ chữa dở.*
(Đời vua Thiệu-trị) 49 câu.
(Bản thảo do tác-giả chép tay).
- *Notes sur l'appréciation de la civilisation européenne par les lettrés orientaux.*
(Bản thảo do tác-giả chép tay).
- *Mémoire sur les droits de l'Annam dans la vallée du Mékong.*
(Bản thảo chưa viết xong).

TRƯƠNG VINH KÝ

- *Etude sans titre sur « les langues de la Péninsule indochinoise »*
(Bản thảo do tác-giả chép tay).
(Hiện còn trữ ở tại nhà thờ Chợ-quán, khu-vực Chợ-lớn, nguyên-dạng bằng)
- *Khảo-cứu về trái cây.*
(Bản thảo do tác-giả chép tay).
(Hiện còn trữ ở tại nhà thờ Chợ-quán, khu-vực Chợ-lớn, nguyên-dạng bằng)
- *Nhật-trình :*
 - a) Gia-định thất thủ thơ (96 câu lục-bát).
 - b) Đồng tranh thơ (146 câu lục-bát).
 - c) Thơ một người kia đi tây (52 câu lục-bát).
 - d) Cư-sĩ gia-thế ngâm (74 câu song-thất lục-bát).
 - đ) Lễ trào hoàng-hậu văn (164 câu song-thất lục-bát).
 - e) Vợ gửi thư cho chồng đi lính (76 câu song-thất lục-bát).(Bản thảo do tác-giả chép tay).
- *Loài chim.*
(Khảo-cứu chưa đầu đề về loài chim).
(Quốc-ngữ)
(Hiện còn trữ ở tại nhà thờ Chợ-quán, khu-vực Chợ-lớn, nguyên-dạng bằng, có những hệ-thống phân chia các bộ, các loại, các giống cùng với những bản vẽ cần-thận).
- *Etude sans titre sur le mariage en Annam.*
(Chữ Pháp)
(Hiện còn trữ ở tại nhà thờ Chợ-quán, khu-vực Chợ-lớn, nguyên-dạng bằng, có bản dịch Việt-văn và phụ-lục I và II rất tỉ-mỉ)
- *Khảo-cứu về « Muông ».*
(Bản thảo do tác-giả chép tay).
- *Dạng bằng một nghiên-cứu về canh-nông ở Annam.*
(Bản thảo do tác-giả chép tay).

GHI ƠN TRƯỞNG VĨNH KÝ

Một cuộc đời sinh-hoạt như thế, gạt phần chính-trị (1) của ông ra ngoài, dù sao ông vẫn là một nhà văn-hóa có công với nước nhà trong thời-kỳ phục-hưng.

Ngày 18-12-1927, một số thân-hào nhớ đến công-lao của ông nên đã dựng tấm bia ở Norodom (đại-lộ Thống-nhất ngày nay).

Cuộc lễ khánh thành dưới quyền chủ-tọa của Blanchard de la Brosse.

Ngày 6-12-1937 đã làm lễ khánh thành nhà thờ và ngôi mộ của ông được tu-bổ lại. Cuộc lễ long-trọng được đặt dưới quyền chủ-tọa của Pagès.

Một ngôi trường Trung-học ở châu-thành Sài-gòn Chợ-lớn mang tên nhà văn-hóa đáng kính đó. Trong bài diên-văn của ông Rousset đọc nhân ngày phát phần thưởng cuối niên khóa 1929-1930 có đoạn ca tụng như sau đây :

... « Đứa con yêu-quí của đất Nam-kỳ (tức là Nam-phần ngày nay) ấy, người đã hiến cả cuộc đời cho sự giáo-dục của thanh-niên đáng được cả thanh-niên truy-niệm và tìm ở công-việc của ông một bài học qui giá »...

Nguyên văn chữ Pháp :

« Cet illustre enfant de la Cochinchine abine mérité que la jeunesse à l'éducation de laquelle il a consacré sa vie

(1) Quan-điểm về chính-trị của Trương Vĩnh Ký, các nhà phê-bình ít đề-cập đến. Trường-hợp của Khuông Việt của Nguyễn sĩ Đạo (xem đoạn dẫn ở sau).

Dẫn theo Palmarès 1 29-1930 du Lycée Pétrus Ký. Discours d'usage prononcé par M. Rousset.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

conserve son souvenir et y trouve le meilleur des enseignements »

Ngày 22-8-1943 một lớp huấn-luyện thanh-niên ở tại tỉnh Bến-tre lấy tên của nhà văn-hóa đó để kích-thích thanh-niên nên noi gương học-tập đến kỳ cùng, hoạt-dộng tích cực về mọi phương-diện và trau-dồi ý-chí vững-chắc của mình.

Người ta đã ghi tên tuổi Trương vĩnh Ký vào sổ vàng trong số 18 nhà bác học của toàn cầu (*Toàn cầu bác-học thập-bát quân-tử*).

Ngoài ra cũng cần đề-cập đến :

Khải-định ban cho Lê-bộ Tham-trì.

Bảo-đại ban Lê-bộ Thượng-thư.

Pháp ban Bắc-đầu bội tinh.

Y-pha-nho ban Hàn-lâm bội tinh.

BÀI CHẾ CỦA VUA KHẢI-ĐỊNH NHƯ SAU : (1)

Thừa-thiên hưng vận Hoàng-dế

Giảng lời chế rằng :

Trẫm nghĩ :

Phận chức trông lên,

Lòng vì nước vẹn tròn chung-thĩ,

Lượng trên xét xuống,

Án trước mưa thấm khắp âm dương.

Dịp tốt vừa may,

Chiếu thom ban lối.

Đoái nhớ lại :

Nam-trung Ân-sĩ xưa.

Nguyên chức :

Hàn-lâm-viện thị giảng Học-sĩ.

Trương vĩnh Ký,

(1) Theo bản dịch của Huyền Mặc đạo-nhân (báo Đồng-nai 23-24 ra ngày 15-1 — 1-2-1933).

TRƯƠNG VINH KÝ

Nam-kỳ tốt giấy,
Văn-học tài cao,
Ngân thời đời, như muốn điếc, muốn cảm,
Vàng mạng nước, vậy phải nghe, phải nói.
Có công mài sắc,
Học tinh-ba là gã Nam Phương.
Gặp buổi trao vàng,
Tài từ-mạng úy chàng Đông Lý.
Nghĩ lời nết trâm-hài trèo trước,
Sức tàn thành nên hội áo-xiêm.
Huống chi nên bờ-bến người xưa,
Công trước-thuật truyền văn tế tảo.
Người kia đâu tá ?
Khuất nẻo ngàn trùng mây nước,
Những báng-khuâng lá lác, bông lau.
Nết cũ còn đây,
Trải thân mây độ tuyết sương
Vân tro-tráo cây tùng, cây bá. (1)
Lũ dương liệp cả,
Nhơn trước, ơn sau.
Nay chuẩn gia tặng hàm :
« Trung Phụng Đại Phu »
« Lễ-bộ Tham tri »
Trung tứ thị hiệu :
« Trang Khải »
Váy ban lời cáo mạng ;
Than ôi !

(1) Có chỗ dịch như sau :

Khôn thiêng khuất nẻo,
Ngàn trùng sáu-xa mây nước,
Báng-khuâng ôi ! ngàn lác, rừng lau.
Vết cũ dầu đây,
Trải qua mây độ tuyết sương,
Tro tro đó : cây tùng, cây bá.

TRƯƠNG VINH KÝ

*Hồn thiêng có biết,
Lòng kính dài nghi.
Đề vẻ-vang mãi dưới suối vàng,
Vinh một chũ cũng đội hoa, mặc gấm.
Nên báo đáp lại trên bệ ngọc,
Kính ba sanh còn kết cỏ ngậm vành.
Kính thay!
Khải-dịnh cứu niên
Bát nguyệt, sơ nhất nhật.*

VIẾNG HƯƠNG-HỒN TRƯƠNG SĨ TÁI (1)

*Sĩ-phu mô-phạm phổ Tây Đông,
Tài bút du truyền nhứt cự công.
Trương mục triêm tiền-nhân tỵ ngọc,
Ký tâm thùy hậu, tượng vi đồng.
Minh minh duy hệ nhơn tâm lý,
Vĩnh vĩnh thao thừa quốc điển long.
Thanh cảnh hứa đa tâm học xư,
Tân dung tằng phủ thiện hình-dung (2).*

Dịch nghĩa là :

*Cái khuôn văn-học khắp Tây Đông,
Bút chép còn truyền một tiếng ông.
Nhuớng mắt trông lên người tỵ ngọc,
Ghi tin để lại tượng bằng đồng.
Lòng người ràng-buộc coi vào đó,
Ơn nước vinh-hoa mãi chẳng cùng.*

(1) Có chỗ chép là Sĩ Tái.

(2) Đề ý bài thơ này có những chữ :

- Sĩ Tái.
- Trương vĩnh Ký.
- Vĩnh-long.
- Tân-minh.
- Minh-lý.
- Vĩnh-thanh.

(tùy cách ghép lại với nhau).

TRƯƠNG VĨNH KÝ

*Thanh cảnh bao nhiêu nơi đạo-lý,
Hình này tác được đúng hay không? (1)*

Huyền Mặc đạo-nhân

(1) Phê-bình bài thơ của Huyền Mặc đạo-nhân trên đây, ông Nguyễn sĩ Đạo cho rằng : « Tuy rằng có ý-thức cảm-mến công-nghiệp của người ngày xưa, tuy-nhiên bút-pháp còn gò-bó, chuộng hình-thức (formalisme) và chưa đi sâu vào những nỗi ân-khuất tâm-lõn và hoài-bão của ông Sĩ Tải họ Trương sau mấy mươi năm ra sức hoạt-động ». (Dẫn theo « Bàn ại những bài thơ vịnh sử »).

Ý-KIẾN CÁC NHÀ PHÊ-BÌNH VỀ TRƯƠNG VĨNH KÝ

CỦA NAM-KỶ TUẦN BÁO

Làm sao nói cho hết thân-thể và sự-nghiệp trứ tác của Trương Vĩnh Ký cùng ảnh-hưởng của cụ và của sự-nghiệp cụ đối với người văn-hóa Việt-nam. Làm sao biết rõ tư-tưởng và tâm-trí của Trương Vĩnh Ký trong khi còn nhiều tài-liệu chưa được đưa ra ánh-sáng.

Vả lại, cụ Trương Vĩnh Ký vừa là một nhà bác-học, vừa là một nhà chính-trị, mặc dầu là nhà chính-trị bất đắc dĩ...

Nam-kỷ Tuần Báo số 50 ra ngày 2-9-1943
số đặc-biệt về Sĩ Tái Trương Vĩnh Ký

CỦA JEAN BOUCHOT

Ta phải xem đời của cụ Trương Vĩnh Ký là một bài học và một gương tốt cho ta.

Một bài học, vì ta thấy người dân hoàn toàn Nam-kỳ (Nam-phần) ấy sánh kịp với các nhà thông-thái xừng danh nhất của Âu-châu trong đủ ngành khoa-học.

(sách Pétrus Ký)

CỦA ỪNG-HOÈ NGUYỄN VĂN TỐ

Sự-nghiệp ấy, thân-thể ấy, có thể tóm lại làm ba tiếng :

1. Bác-học.
2. Tâm-thuật,
3. Khiêm-tốn.

(Kỷ yếu hội *Tri Tri Bắc-kỳ* số 1-2 năm 1937)
(Rút theo tài-liệu của ông N. X.)

TRƯƠNG VĨNH KÝ

... Và bây giờ, nếu ta được nhìn giở lại và để rút cái đời Trương tiên-sinh một bài học thì trước hết là một bài qui-giá về lòng tin-tưởng ở sức mạnh của lòng cương quyết.

Sự tin-tưởng đã thắng hết thấy những sự cản-trở, miễn là sự tin-tưởng ấy bền-bĩ và quả-quyết.

Thật là đẹp-đẽ cái đời cần-lao của tiên-sinh! Đời ấy đã làm vinh-dự và cho cái làng đã dân-sinh ra tiên-sinh và cả nước Việt-nam đã được tiên-sinh để lại cho cái kết-quả của sự nỗ-lực lớn lao của tiên-sinh.

(... Maintenant, s'il est permis de jeter un regard en arrière et de tirer une leçon de cette vie, c'est d'abord une belle leçon de confiance dans la force de la volonté; elle triomphe de tous les obstacles, pourvu qu'elle soit persévérante et obstinée.

Sa vie laborieuse a été vraiment une belle vie. Elle a honoré et le village qui lui a donné naissance et l'Indochine annamite (?) tout entière à qui il lègue le profit de son immense labeur...)

CỦA THIẾU SƠN

Cũng thời đó (thời-kỳ 1917 trở đi) Nam-kỳ chịu ba cái ảnh-hưởng:

1. Ảnh-hưởng ở tiểu-thuyết Tàu.
2. Ảnh-hưởng ở tiểu-thuyết Tây.
3. Ảnh-hưởng ở cái sự-nghiệp văn-chương của ông Paulus Của và của tiên hiền *Trương vĩnh Ký*.

Phê-bình và Cáo-luận

Edition Nam Kỳ 1933 — In lần thứ nhất

CỦA NGUYỄN SĨ ĐẠO

Ông trứ thuật rất nhiều mà chưa xuất-bản hết. Ông là người đầu tiên đã dịch những sách nôm ra quốc-ngữ như:

TRƯƠNG VĨNH KÝ

- Kim Vân Kiều.
- Đại-nam Quốc-sử diễn ca.
- Nữ Tắc.
- Lục vân Tiên.
- Phan Trần v. v. . .

Ông làm nhiều sách học bằng chữ quốc-ngữ, chữ Pháp và Hán-tự về đủ mọi khoa-học, như địa-lý, lịch-sử, cách-trí v.v... mà giá-trị nhất là bộ Việt-nam lịch-sử (1879) và Pháp-Việt tự-diễn. Ông còn làm nhiều sách dạy tiếng ngoại-quốc như Xiêm-la, Diến-điện, Mã-lai, Quảng-dông, Quang-thoại v.v...

Ngoài những công-trình trước-thuật, sự biết nhiều ngoại ngữ và học-thức cao rộng nó đặt ông vào hàng các nhà bác-học bậc nhất ở thế-giới, cuộc đời riêng của ông cũng đủ cho mọi người chú-ý...

Ông là người giỏi tiếng Pháp đầu tiên và sinh vào thời buổi ấy và ông cũng chỉ suốt đời cặm-cui vào công-việc học-vấn, văn-chương, trong khi mà những kẻ tầm-thường khác đã nhảy lên những địa-vị quan sang chức trọng.

(Đại-Việt văn-học-sử — Tân Hóa xuất-bản in lần thứ nhất 1941 — Trang 108)

CỦA J. THOMSON

Trong cuốn «*Mười năm du-lịch ở Tàu và ở Đông-dương*» tác-giả là một nhà du-lịch người Anh-cát-lợi, J. Thomson có viết về cuộc hội-kiến giữa ông và Trương Vĩnh Ký tại cảnh nhà gián-dị của cụ ở Chợ-quán như sau đây :

« Tôi không bao giờ quên sự ngạc-nhiên của tôi khi người ta giới-thiệu tôi cùng với cụ.

Cụ nói chuyện với tôi bằng tiếng Anh-cát-lợi rất suông-sẻ, có hơi lai giọng Pháp ; và chữ Pháp, cụ cũng nói không kém vẻ đẹp-dẽ, khéo-léo.

Tiếng Y-pha-nho, tiếng Bồ-đào-nha, tiếng Ý-đại-lợi đối với cụ cũng quen-thuộc như các tiếng Á-dông.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Ngày kia đến thăm cụ, tôi thấy cụ đang soạn bộ *Phân-loại, so-sánh những tiếng chính trên thế-giới* (Analyse comparée des principales langues du monde) tác-phẩm ấy đã làm tốn công cụ trót mười năm rồi.

Chung-quanh cụ, có đủ loại sách hiếm và quý mà cụ thâu-thập được một phần ở Âu-châu, một phần ở Á-châu.

Buổi chiều ấy, một người giáo-sĩ đến chơi và khi tôi kiếu từ, hai người còn bàn cãi nhau bằng tiếng La-tinh vài vấn-đề trong đạo.

Ông là bậc kỳ-cụ trong phái Pháp-học và đã có công trong việc truyền-bá chữ quốc-ngữ...

Ông lại còn am hiểu nhiều thứ tiếng ngoại-quốc : có dịch bộ Tứ-thư, mấy quyển sách chữ nho dịch ra quốc-ngữ.

Quốc-văn trích diễm

(In lần thứ hai — Trang 272)

CỦA TRƯỜNG-SƠN CHÍ

Nếu quan-niệm về ý-nghĩa đời người là giúp ích và lưu lại một sự-nghiệp thì cụ Trương vĩnh Ký là một người đã sống, tiếng SỐNG hiểu đúng theo nghĩa của nó.

Tay hãy để một bên đời chính-trị của cụ — vì có lẽ đó không là chi-hướng của cụ — mà chỉ nhớ đến phần « hương hoả » gần một trăm (?) tác-phẩm đủ loại của cụ để lại cho chúng ta.

Những tác-phẩm ấy há chẳng giúp ích ta và chẳng là sự-nghiệp bất tử của cụ sao ?

.
Đời của cụ là :

« học và làm việc ! ».

Kể từ năm tuổi thọ-giáo với một ông đồ Nho, rồi chín tuổi dời sang Tây-học, cho đến 62 tuổi từ-giã cõi trần, không mấy khi cụ sống những giờ nhàn-rãnh.

Trong mấy năm chót của đời cụ, cụ vẫn hăng-hái phụng-sự văn-học.

(Trích ở Nam-kỳ tuần báo số 50 ra ngày 2 Septembre 1943 (kỷ-niệm Trương sĩ Tài và Đệ-nhất chu-niên của N. K. T. B.)

TRƯƠNG VĨNH KÝ

CỦA KHUÔNG VIỆT

Cái công lớn của Trương đóng góp vào lâu-dài văn-học Việt-nam bằng một số sách vừa xuất bản, vừa trứ thuật mà từ xưa tới nay chưa có ai theo kịp, cái công lớn đó ta không quên.

Đừng về phương-diện quốc-gia thì tên tuổi Trương vĩnh Ký bay khắp đông tây đã làm rạng vẻ cho non sông Nam-Việt.

Xét về tư-tưởng và tâm-chí của Trương, thử hỏi ai dám cho rằng hiểu rõ. Trương mắt chưa đầy năm chục năm trời thì đời công cũng như đời tư của Trương chưa thuộc về phạm-vi lịch-sử, đã vậy còn biết bao nhiêu tài-liệu về Trương đang nằm trong bóng tối.

Vậy ta nên thận-trọng trong việc xét đoán là hơn.

KHUÔNG VIỆT

(Báo Nam Kỳ tuần báo số 50 ngày 2-9-1943
Số đặc biệt về Sĩ Tài Trương vĩnh Ký)

CỦA ĐÔNG-DƯƠNG TẠP-CHÍ

... Đọc hết những trang sự-nghiệp văn-học, nghiên-cứu, biên-thuật, giáo-khoa phong-phú của ông Sĩ Tài Trương vĩnh Ký không ai là không khỏi ngạc-nhiên vì công-lao khó-nhọc và tận tâm tận lực của một nhà văn đứng mũi chịu sào như thế.

Tục-ngữ ta có câu rằng :

« Có cứng mới đứng đầu gió ».

Lại cũng có câu :

*« Dù ai nói đông nói tây,
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng !
Dù ai nói ngã, nói nghiêng,
Thì ta cũng vững như kiềng ba chân !*

(Ca-đạo anh-hùng)

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Có thể dựa vào đó để trình-bày về sự-nghiệp văn-học hiên-hách của nhà văn Nam-kỳ (Nam-phần) ấy. Tôi không muốn bảo :

« Trương vĩnh Ký là người anh-hùng », vì kỳ thật ra ông cũng không đánh đồng giệp tây gì cho lắm. Đã thế mà dư-luận cũng có lắm điều không hay về ông ta. Cuối cùng ông vẫn còn hoang-mang lo-lắng như sự lo-lắng của cụ Nguyễn Du rằng : « *Bất tri tam bách dư niên hậu, thiên hạ hà nhân khấp Tố Như* », của Phan bội Châu rằng : « *Trăm năm tính cuộc vuông tròn ; phải dò cho đến ngọn-nguồn lạch sóng... Muốn đội ơn lòng* » hay là của Cao bá Nhạ :

*Trăm năm ai có thương tình,
Rời ra công-luận phẩm-bình về sau.*

Hỡi ôi ! những tâm-hồn cô-đơn, lẻ-loi và những mặc cảm (complexe) đau-thương nhường ấy !

Nhưng dù sao đi chăng nữa, dù trên đường chính-trị ông có thất-bại chăng đi nữa, thì trên sự-nghiệp văn-hóa nói chung (vì sách biên-soạn, trước tác của ông đủ mọi ngành văn-hóa) và trên sự-nghiệp văn-học nói riêng, ông đã thành công.

Và, đã thành công rạng-rỡ.

Những vần thơ đầy vẻ khắc-khoải của ông :

*Cuốn sớ binh-sanh công với tội,
Chờ nơi thăm-phán để thừa khai.*

cũng đã có kẻ cời nói cho ngay !

Làm gì có kẻ đầy đủ. Nhân vô thập toàn mà.

Có một quan-điểm nhận-xét cho thật kỹ-càng, suy hơn tính thiệt như thế mới dễ đi sâu vào con người của ông Sĩ Tái Trương vĩnh Ký. Chúng ta cũng chỉ mong mỗi có điều như thế ấy mà thôi.

NGUYỄN LÊ NHÂN

(Trong bài : Nhớ công ơn một nhà văn, nhà báo đất Nam-kỳ thời-kỳ cận-đại của nước nhà).

TRƯƠNG VĨNH KÝ

CỦA GIA-ĐÌNH BÁO

Thầy Ký (tức là Sĩ Tái Trương vĩnh Ký) dạy học, có làm sách mẹo tiếng Lang-sa, có làm ra chữ Quốc-ngữ (?) để người ta dễ học, những người ký-lục giỏi cùng siêng-năng sẽ lo mà học chữ Quốc-ngữ vì có hai mươi bốn chữ mà viết dặng muôn ngàn chuyện, chữ chi mắc rẻ cũng viết dặng, không phải như chữ ta (?), học già dời mà cũng có chữ lạ viết không ra.

... Ở đây phủ Tường (tức là Đốc-phủ sứ Tôn thọ Tường) đã học dặng chữ Quốc-ngữ, viết dặng, học dặng.

Chữ ấy chẳng khó đâu, ra công học một đôi tháng thì thuộc hết...

(Số báo xuất-bản vào ngày 15 tháng 4 năm 1867. Thời-kỳ còn do ông Ernest Poteau ra lãnh quản - nhiệm)

CỦA NAM-KỶ TUẦN BÁO

Tài dực của cụ Trương vĩnh Ký còn được những nhà cầm bút nêu cao trên sách báo.

Kể ra thì người ta nói đến cũng đã nhiều. Từ người Pháp đến người Nam, từ văn vần đến văn xuôi, liễn-sử và công-nghiệp của cụ đã truyền-bá cùng khắp các lớp người trong xã-hội Việt-nam và cả một vài đô-thị lớn trong hoàn-cầu.

Những nhà thông-thái của các hội học, những người Việt-nam biết đọc chữ Quốc-ngữ, không ai lạ gì với tên Pétrus Trương vĩnh Ký

Tuy nhiên, nói hoài cũng chưa hết, viết nhiều cũng chưa đủ.

Làm sao nói cho hết thân-thế và sự-nghiệp trước tác của Trương vĩnh Ký cùng ảnh-hưởng của cụ và của sự-nghiệp cụ đối với người và văn-hóa Việt-nam.

Làm sao biết rõ tư-tưởng và tâm-chí của Trương vĩnh Ký trong khi còn nhiều tài-liệu chưa đưa ra ánh-sáng.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Và lại, cụ Trương vĩnh Ký vừa là một nhà bác-học và một nhà chính-trị, mặc dầu nhà chính-trị bất đắc dĩ.

Tóm lại, cụ Trương vĩnh Ký là một nhân-vật lịch-sử mà các lớp người sau không quên lãng-quên được.

(Số đặc-biệt Đệ-nhất chu-niên và
kỷ-niệm ngày tạ thế của Trương
vĩnh Ký — ngày 1 tháng 9 năm 1898)

**MỘT VÀI TÁC-PHẨM ĐIỀN-HÌNH
CỦA TRƯỞNG VĨNH KÝ**

NGŨ TIÊU TRƯỜNG ĐIỀU

*Non vôi vôi
Nước mênh mênh
Non nước dầu ta dưỡng tánh-tình !
Sương mắt trắm trùng biếc biếc,
Trái tai một dãi xanh xanh.
Chẳng có tiên cũng có rồng,
Khi thiêng, đất cấu,
Đã không quê, lại không vức,
Chốn lạ trời dành.
Hi-di lánh dầu xuôi chiếc lá, (1)
Gia-cát nằm dễ luống lều xanh. (2)
Đáy cũng là động
Đó cũng là nguyên
Đời sao vắng chân nhân?
Đời sao không xử sĩ ?
Kìa thời ấy non,
Nọ thời ấy nước.
Ai đã thôi lễ-tướng
Ai đã cất tiên-sinh.
Chia tục, lựa khăn ba triệu ?
Ngăn trần, miễn áo hai manh. (3)*

(1) *Hi di* : là Trần Đoàn về đời Tống Thái-tổ không chịu ra làm quan ở ẩn trên núi.

(2) *Gia-cát* : tức là Khổng Minh, đời Hậu-Hán.

(3) *Ngăn trần... manh* : làm cho khác thể-tục, lựa là phải bịt khăn, còn che thân cho khỏi bẩn, khỏi lạnh có cái áo hai manh thì cũng vừa đủ.

TRƯƠNG VINH KÝ

Sớm bãi hạc,
Tối doi le.
Thú ngư-ông mặc thích.
Rày đường chim
Mai dẫu thỏ,
Nghiep tiều-lão ai tranh?
Gió nặng, buồm bay phất phời,
Trăng dầy, thuyền nhẹ thanh thanh.
Hễ đâu lối là nhà
Phải mượn ai hỏi bến?
Hễ đâu nhân úy thú
Lọ chi chỗ tìm gành?
Ướm hỏi ngâm câu thoát lý? (1)
Vỗ tay, ca chữ trạc anh (2)
Gạo Bành Trạch dề bao lăm (3)
Có bao chùa vẻ lừng Đào Lịnh
Ngôi gián nghị đã mấy lớn,
Họa là trời cải chi Nghiêm Khanh.
Nét mềm thù cũng rưng cỏ,
Xốn xang khôn chịu sỏi-sành.
Cuộc Hán Sở liếc con người,
Chi đến nổi riu tra cán mực?
Truyện Tấn Tần nhân cái lưới,

(1) *Thoạt lý*: cởi giày. Xích tưng Tử tiên-ông giả đánh rơi chiếc giày bảo Trương Lương nhặt lên và xô vào chân cho mình.

(2) *Trạc anh*: giặt giải mũ.

Từ Thư có câu: *Thương lang chi thủy thanh hề khê dĩ trạc ngũ anh.*

(3) *Gạo, Bành Trạch*: đời Ngũ-Đại có Đào Tiềm làm quan ở nước Tấn giữ chức quan lệnh huyện Bành-trạch. Sau khi Tấn mất về Tống, có một viên chức nhỏ đến tại huyện lý. Bọn ty-thuộc vào bầm với Đào Tiềm rằng: Đào phải mặc lễ-phục ra tiếp đón. Đào Tiềm than rằng: « Ta há vì năm dẫu gạo mà phải lườn cúi thẳng bé con ấu ru! » Nói rồi ông treo ấn từ quan, đi ẩn.

TRƯƠNG VINH KÝ

Đầu cho thuyền tờ chèo quanh. (1)
Vẽ chân rún khéo, nhưng mù vụng,
Vin tuổi hùm dữ ắt chẳng lành.
Ghi khoán thiếc
Chép thơ son,
Chờ nói ngàn năm sự-nghiệp.
Chực cửa vàng,
Chầu bệ ngọc,
Nực cười hai chữ công-danh. (2)
Nơi thành-thị có vinh âu có nhục,
Chốn lâm-tuyền càng tục lại càng thanh.
Đất cấp của tự nhiên,
Xả xơi (xươi) cá tươi, gỏi tốt,
Trời ban khố (kho) vô tận,
È-hề gió mát, trăng thanh.
Thưởng cảnh, tả thơ tựa gấm,
Đánh sấu, điếm rượu làm bình.
Say lại tỉnh
Tỉnh lại say,
Một ngày cũng thần-tiên vô sự.
Uống nhân ăn
Ăn nhân uống,
Muôn năm ơn Thiên tử thái-bình.
Đầu chẳng dân trời, đất chúa,
Đẽ dám phân rằng khách giang-hồ.
Rằng : sĩ nham huyết
Rằng : kẻ thị thành.
Tạm chép một ca ngô tường đôi thú.

(1) *Chuyện Tấn, Tần nhân cái lưới.* Đầu cho thuyền tờ chèo quanh : Tần đem họ Lã đổi họ Đinh. Tấn đem họ Ngưu đổi thành họ Mã. Nói đến ai cũng chặc lưỡi ; bởi bắt cần nên kẻ dưới mới làm như thế được.

(2) *Chực cửa vàng, chầu bệ ngọc.* Nực cười hai chữ công-danh : vua Hán Cao-tổ ghi lời thề với các công-thần vào khoán sắt, thư son, cho được keo son mãi mãi, không ngờ sau vẫn giết Hàn Tín, Bành Việt, như vậy thì khoán sắt, thư son có chắc gì được mãi mãi.

TAM TỰ KINH QUỐC-NGŨ DIỄN CA

*Kinh dạy ba chữ rõ-ràng,
Dạy khuyên con nít biết phương học-hành.*

. . .

*Người sanh xưa,
Tánh vốn lành.
Tánh cùng gần tận,
Tập-tành xa khơi.
Nếu chẳng dạy,
Tánh bèn đời.
Qui chừng đạo dạy,
Chớ lười phải chuyén.
Xưa Mạnh Mâu,
Chọn láng-giếng,
Giận con chẳng học,
Giữt liền cử đi.
Nghĩa phương Đậu,
Có thành qui.
Dạy năm con học,
Đồng thi đấng khoa.
Nuôi chẳng dạy,
Lỗi vì cha.
Dạy không nghiêm,
Ấy trẻ ra bởi thầy.
Con chẳng học,
Ấy không hay.
Trẻ mà chẳng học,*

TRƯƠNG VINH KÝ

Nửa ngày giũ sao ?
Ngọc chẳng giũa,
Nền giống gì ?
Người mà chẳng học,
Lẽ sao biết gì ?
Làm người vira,
Thuở thiếu là.
Gần thầy gần bạn,
Lẽ nghi tập dần.
Chàng Hương ẩm chiếu,
Thờ thân.
Hiếu tâm nên biết,
Nhơn-luân thường lễ.
Dong bốn tuổi,
Biết nhường lễ.
Kính anh trước biết,
Mọi bề là sau.
Thảo-thuận nghe,
Thấy gồm bao.
Số này phải biết,
Tên nào phải chăm.
Một mà mười,
Mười mà trăm.
Mà ngàn, mà vạn,
Phải nhằm cho thông.
Thái cực (cực) một,
Khi phù không.
Âm dương hắc bạch,
Đôi vòng rõ phân.
Tam tài là,
Thiên, địa, nhân,
Tam quan :
Nhật Nguyệt Tinh, văn-chuyền soi.
Tam cương,

TRƯƠNG VĨNH KÝ

*Trước nghĩa vua tôi,
Thần trong phụ-tử,
Thuận đôi vợ chồng.*

• • • • •

Trích đoạn đầu cuốn *Le Tam Tự Kinh* transcrit
et traduit en prose et en vers annamites P. J. P.
Trương Vĩnh Ký. Saigon. Imprimerie C. Guillaud
et Martinon — 1884.

(*Tam Tự Kinh Quốc-ngữ diễn ca*)

**DẪN-GIẢI TÍNH-CHẤT VÀ XUẤT XỨ VỀ HAI CUỐN:
TAM TỰ KINH VÀ ĐẠI-HỌC
TRONG LOẠI SÁCH GIÁO-KHOA HÁN-VĂN**

TAM TỰ KINH

Tam Tự Kinh có nghĩa là *sách ba chữ*, vì tất cả những câu trong cuốn đó đều có ba chữ. Các chữ cuối của câu chẵn đều có vần, và cứ hai câu vần trắc lại đổi sang hai vần bằng.

Nội-dung cả tập sách gồm tất cả là 358 câu, chia ra làm bảy đoạn như sau đây :

Đoạn thứ nhất

Đoạn này nói về bản-tính của con người ở trong xã-hội từ khi trẻ-thơ cho đến khi khôn-lớn và tính-chất của sự giáo-dục.

Đoạn thứ hai

Đoạn này nói về bổn-phận của trẻ em hư là lễ-nghi, hiếu-đễ cần phải được tu-tập mãi mãi không thôi.

Đoạn thứ ba

Đoạn này nói về các điều thường-thức cần phải thông hiểu như là : tam tài, tam quang, tam cang, tứ thời, tứ phương, ngũ hành, ngũ thường, lục cốc, lục súc, thất tinh, bát âm, cửu tộ, thập nghĩa.

Đoạn thứ tư

Đoạn này nói về giá-trị của các cuốn sách học như là hiếu kinh, tứ thư, ngũ kinh, ngũ tử... giảng dạy về sách

TRƯƠNG VĨNH KÝ

đạo hiếu-tử, về nhận-thức-quan, nhân-sinh-quan, vũ-trụ-quan của đạo Nho.

Đoạn thứ năm

Đoạn này nói về các triều-dại lịch-sử của Trung-hoa từ đầu đời Nam - Bắc-Triều trở về sau (chỉ phác-họa những nét đại-cương theo lối biên-niên-sử mà thôi).

Đoạn thứ sáu

Đoạn này nói về những gương sáng chăm học của những người xưa, cốt để khuyến-khích, thúc-dẩy học-sinh nên noi theo mà thực-hành trong đời sống hằng ngày của mình.

Đoạn thứ bảy

Đoạn này nói về những điều khuyên-răn cần-thiết đối với con trẻ trong công-việc dùi-mài kinh-sử để chờ kịp khoa, có công mài sắc, lâu ngày nên kim, ngày vinh-hiến sẽ vui-sướng vô cùng, chẳng những làm rạng vẻ cho bản-thân mà còn ảnh-hưởng đến dòng-họ, gia-dình nội-ngoại, làng nước, xã-hội nữa.

(Dựa theo tài-liệu của Vương tấn Thăng trong cuốn sách : Livre des phrases de trois caractères. Texte, transcription Vietnamienne et Chinoise. Explication littérale et traduction complète par Abel Des Michels. Publications de l'Ecole des langues orientales vivantes — Paris — Ernest Leroux 1882)

Tác-giả của Tam Tự Kinh là Vương ứng Lâu (tự là Bá Hậu) người đời nhà Tống, hiệu Khánh Nguyên (1105-1201). Xét theo tài-liệu của nhà nghiên-cứu văn-học tên là Vương tấn Thanh viết ở cuốn « Tam Tự Kinh huấn hõ » ra công giải-thích kỹ-càng bộ Tam Tự Kinh và chính trong bài Đề Từ ghi năm Bình-ngọ, niên hiệu Khang-hi nhà Mãn-Thanh (1666) cho rằng : Tam Tự Kinh cũng do ông Vương bá Hậu soạn ra cho con em để học lễ-nghĩa, sử-sách Trung-hoa.

TRƯƠNG VĨNH KÝ

Nhưng có một số tài-liệu sau này thì lại nêu lên một giả-thuyết hoàn toàn khác hẳn về vấn-dề tác-giả mà cho rằng chính là của nhà văn hữu danh vào cuối đời nhà Tống tên là Khu thích Tử làm ra. Trong cuốn Trung-quốc văn-học-sử của bác-sĩ Hồ Thích cũng có nêu ra những tài-liệu còn nghi-ngờ đó.

(Theo Hải Lượng và Phan kế Bình)

ĐẠI-HỌC

Đại-học là một trong những cuốn sách gốc của đạo Nho (Tứ-thư và Ngũ-kinh).

Đại-học là một tác-phẩm bàn về cái học cao rộng của người quân-tử.

Cuốn sách này chia ra làm hai phần chính :

Phần thứ nhất : gọi tên là Kinh, chép những lời giảng-dạy của đức Khổng Phu Tử (chỉ có một chương mà thôi).

Phần thứ hai : gọi tên là Truyện.

Đây là những lời giảng-dạy của thầy Tăng Tử (tên là Tăng Sâm, hiệu là Tử-dư) một môn-dệ chân-thành của đức Khổng-tử, có tác-phẩm Hiếu Kinh là quan-trọng-nhất.

Phần Truyện này có tất cả là 10 chương.

Mở đầu cuốn Đại-học, có ngay đoạn nói rõ mục-đích của cuốn sách như sau :

- Đại-học chi đạo,
- Tại minh minh đức.
- Tại tân dân.
- Tại chỉ ư chi thiện.

có nghĩa là :

- Cái đạo của con người theo đòi bậc đạo học,
- Cốt nhất là phải khai sáng cái đức tốt-đẹp của mình.

TRƯƠNG VINH KÝ

minh cho trong-sạch, có được thể thì mới trị được nhà, được nước và được thiên-hạ, nghĩa là luân-lý và chính-trị đều bởi cái gốc ở thân mình mà ra hết cả.

Cũng vì thế, cho nên việc gì cũng phải lấy sự tu thân làm gốc (dặng thị giai dĩ tu thân vi bản).

Minh có tốt có hay thì mọi sự mới tốt mới hay được.

Bộ *Đại-học* từ đầu đến cuối, một ý liên-lạc với nhau, thật là cái lý-thuyết rất có thứ-tự và dễ hiểu.

... Mà ngày trước, ai học kinh-truyện thì thường hay khởi đầu học bộ sách này trước cả (diễn-thuyết ở tại hội-quán của Việt-nam thanh-niên hội tại Hà-nội vào ngày chủ-nhật 22 tháng mười năm 1922 — tức là ngày mồng ba tháng chín âm-lịch dặng tải ở Nam-phong Tạp-chí hai số 65 và 66 tháng 11 và 12 năm 1922).

ĐẠI-HỌC TIÊU-DẪN ĐOAN CA

Người đời trăm việc chi đầu,
Việc chi có học mới hầu đặng nên.
Nhất là học đạo thành-hiền,
Nên người và lại nghề trên mọi bề.
Có văn có chất nhiều bề,
Nước nhà mọi lẽ nào hề ở đâu?
Vậy nên nghề học phải cầu,
Cầu chững ở sách mới hầu làm xong.
Ta nay gặp chút thông-dong,
Mượn trong văn-học để lòng yêu chung.
Dịch làm các thứ người dùng
Giữ-gìn tánh đạo mới mong tìm đời.
Có mình chớ lấy làm chơi,
Phải toan học lấy làm người như xưa.
Tiêu-học sách ấy cũng vừa
Còn công Đại-học phải lựa àu lo.
Này ta chủ-nghĩa dẫn cho,
Tư-thơ lẽ nhiệm cũng lo cho rành.
Đại-học một sách thiên danh,
Mười chương là truyện thầy Tăng thuật lời.
Thánh-môn trao chịu đạo người,
Dạy mình rồi mới dạy đời đặng hay.
Bực nào cũng phải học thay
Lấy mình làm gốc nước hay trăm lành.
Ba điều cương lĩnh ở mình .
Minh, tâm, chí thiện là tình người ta.

TRƯƠNG VINH KÝ

Sao cho tại chỉ như là,
Cửa nền vào đức, hóa ra gương lành.
Gia công cũng ở tri-năng,
Vật kia vật nọ đạo hằng gần thay.
Tám câu điều mục thể này,
Công trong thuận-nghịch lo hay cho mình.
Học cho tỏ rõ phân minh,
Mới hay gốc ngọn ở mình mà ra.
Dầu chẳng hậu bạc úy là,
Ai ai theo việc coi mà chung thân.
Ấy kinh thời thánh dạy răn,
Truyện sau theo đó rõ phân các lời.
Dẫn kinh làm chứng lời người,
Rằng người rằng của phải chơi đầu là !
Việc chẳng nước cũng như nhà,
Có người thì mới có ra trăm dùng.
Cho nên có ý dạy chung,
Những điều tâm-pháp để trong nhiệm-màu.
Nghĩa lời biện-bạch để sau,
Cũng là có ý tỏ đầu tánh gương.
Học xem mọi truyện mọi chương,
Ghi lòng, để dạ cho tường đục trong.
Còn như Luận-ngữ, Trung-dụng,
Chẳng qua ý dạy cũng trong gương lành.
Xét-xem trong lẽ học-hành,
Hay suy, hay nghĩ, mới thành thân-danh.
Học thì nghĩa-lý cho mình.
Lời ta cũng muốn đình-ninh với người.
Nên chẳng có ý tìm-tòi,
Hết lòng, ra sức, với đời dạy nhau.
Nên ra ơn đội cao sâu,
Trăm năm chẳng phải làm đầu một ta.
Xin ai có chí gắng là,
Cũng nuôi tinh-nết dạy mà gương sau.

Văn xuôi của Trương Vĩnh Ký

BỤNG LÀM DẠ CHỊU

Có một anh bắt tài chẳng biết làm gì mà ăn, mới đi học làm thầy bói. Bói nhiều quẻ cũng khá đúng, nên thiên-hạ tin đua nhau đem tiền đến xin bói. . .

Bữa kia, trong đền vua có mất con rùa vàng, kiếm thời đã cùng, đã khắp, mà không ra.

Người ta mới tâu :

Có anh thầy bói kia có danh, xin cho rước vào tới mà dạy gieo quẻ bói thử, họa có được chẳng. Vậy vua giáng chỉ dạy sắm võng giá, quân gia dù lọng cho đi rước cho được anh ta về.

Thấy quân gia rần-rộ về nhà, trong bụng đã có lo có sợ, không biết lánh dữ đường nào, chẳng ngờ nghe nói vua đòi đến bói mà kiếm con rùa vàng của vua mất đi, trong lòng đã bấn-bịu, sợ e bói chẳng nhằm mà có khi bay đầu đi, mà phải vâng phải đi, đánh liều mặc may, mặc rủi. Bật khăn bện áo, bước lên võng ra đi, nằm những thở ra thở vô, không biết liệu phương nào, mới than rằng : *bụng làm dạ chịu*, chớ khá than-van.

Chẳng ngờ may dẫu hai thằng khiêng võng một dĩa tên là *Bụng*, một dĩa tên là *Dạ* là hai dĩa đã đồng tình ăn-cắp con rùa vàng của nhà vua, nghe thấy nói làm vậy thì ngờ là thầy thông thiên, dặt dĩa (1) đã biết mình rồi, sợ

(1) *Thông thiên* : hiểu thấu cả trời.

Dặt dĩa : Cùng khắp cả đất. Ý nói là : hiểu khắp tất cả.

TRƯƠNG VINH KÝ

thầy tôi nói tên mình ra, vua chém đi, cho nèn dẽ vông xuống, lại lạy thầy, xin thương-xót đến mình vì đã dại sanh lòng tham, mới ăn-cắp con rùa ấy mà giấu trên máng rồi. Xin thầy làm phúc đừng có nói tên ra mà chúng tôi phải chết tội nghiệp.

Anh thầy nghe nói mới hở hơi được, đem bụng mừng thì mới nói : thôi tao làm phúc, tao không nói đầu mà hông sợ. Tôi nơi anh ta bói xong, kiếm được rùa, vua trọng thưởng lại phong cho chức sắc về vinh-quang.

Mà vốn thiệt là việc may đầu mà nèn làm thôi, chẳng phải là tại va (1) có tài-nghề chi đâu. Ở đời có nhiều người nhờ vận may mà thôi chớ chẳng phải tài tinh chi.

(1) Va : cũng như chữ nó ở Bắc-phần hay nói,

P H Ụ - L Ụ C

Những bức thư

TÂM-TÌNH CỦA TRƯỞNG VINH KÝ

DẶC - TÍNH NHỮNG BỨC THƯ TÂM-TÌNH CỦA TRƯƠNG VĨNH KÝ

Trong khi nghiên-cứu về công-nghiệp, tâm-trạng, chí-hướng của Sĩ Tái Trương vĩnh Ký, chúng ta thường hay thắc-mắc về nỗi-niềm tiên-sinh trong lúc về già :

*Cuốn sỏ bình sanh công với tội,
Tìm nơi thâm-phán để thừa khai.*

(Bài thơ tuyệt mệnh).

Trên 118 tác-phẩm (cả những tác-phẩm nghiên-cứu chưa được xuất-bản) chúng ta chưa hề thấy một nét bức-rức, khắc-khoải của tiên-sinh cả. Điều đó thật cũng vô cùng dễ hiểu, vì tiên-sinh chuyên-chú về địa-hạt nghiên-cứu (đủ các lãnh-vực văn-học, khoa-học, ngôn-ngữ, luân-lý v. v...).

Tình-cờ chúng tôi được đọc những bức thư của Trương tiên-sinh gửi cho hai người bạn văn-học ở Pháp là bác-sĩ Chavanne và nhà văn-học Kaempfen, viết khi tiên-sinh trở về già. Tất cả nỗi-niềm u-ẩn đều chứa ở đấy. Ông Raphael Barquissau cho đó là những nỗi chán-chường, hy-vọng quan-diểm tôn-giáo và tư-tưởng triết-học hòa chung với nhau (đoạn bản về : *A quelle période de la vie de Trương vĩnh Ký se place cette correspondance — Publication de la Société des Etudes Indochinoises—Saigon 1934*).

Nhưng chúng tôi cho rằng đó là tất cả *nhân-sinh-quan* của họ Trương!

Đọc suốt những bức tâm-thư này ta có thể hiểu rõ

PHỤ - LỤC

những khía-cạnh tâm-lý, hoài-vọng, ý-hướng của tiên-sinh. Nhờ thế mà chúng tôi có thể thoả-mãn khi trình-bày cuộc đời của họ Trương.

Những bức thư này viết bằng tiếng La-tinh. Tiên-sinh trả lời theo thư của Bác-sĩ Chavanne (vì bác-sĩ có thói quen như thế). Trong lối dịch-thuật còn có nhiều khiếm-khuyết, nhất là những câu chàm-ngôn, tục-ngữ của Tây-phương (La-tinh, Anh-cát-lợi v. v...). Chúng tôi cho in bên cạnh phần chữ La - tinh cũng chỉ mong các bậc thông-thạo về ngôn-ngữ ngoại-quốc chỉ-dẫn những sự sai-lầm đó cho (1).

Lại nữa, vì có nhiều chữ Hy-lạp viết theo chính-ngữ của địa-phương không tiện cho công-việc ấn-loát, chúng tôi tiếc rằng không thể nào trình-bày cho hoàn toàn như ý muốn của mình và để khỏi sai hấn dụng ý của tác-giả. Quả là một khuyết-diểm đáng tiếc!

Dựa vào những tài-liệu rải-rác ở *Gia-định Báo*, *Courrier de Saigon* và những tập *Correspondances*, chúng ta còn biết nhiều tài-liệu qui-báu về đời tư của Trương tiên-sinh chưa được khai quật hết. Những bức thư, những tài-liệu trao đổi đó chưa hề in và còn nằm ở thư-viện một vài tư gia ở Pháp (trong hội Á-châu văn-hóa). Chúng tôi chờ đợi sự hỗ-túc của các nhà sưu-tầm, khảo-cứu dầy công hơn.

Đó cũng là nguyện-vọng chân-thành của chúng tôi.

Tác-giả

(1) Chúng tôi cũng xin cảm ơn các vị linh-mục đã hỗ-cứ phiên-dịch và dẫn-giải.

Dẫn-giải :
**CÁC NHÂN-VẬT TRONG NHỮNG BỨC THƯ
CỦA PÉTRUS KÝ**

Trong những bức thư sau đây, Trương Vĩnh Ký có đề cập đến :

- Bác-sĩ Chavanne.
- Albert Kaempfer.
- Pène Siefert (có chỗ Trương Vĩnh Ký chỉ viết tắt lại là P. S. mà thôi, ở những bức thư sau).

I. — BÁC-SĨ CHAVANNE

Alexis Chavanne một nhà chính-trị Pháp, sinh tại Lyon ngày 11 tháng 10 năm 1824. Ông nhận bằng cấp Bác-sĩ y-khoa vào năm 1851 và nhận chức tại bệnh-viện Dieu ở thành-phố Lyon. Ông được bầu cử vào hội-đồng đô-thị ngày 29-9-1878 và sau lại được tái cử vào ngày 21 tháng 8 năm 1881 và lần sau vào tháng 10 năm 1885. Ông ta là phần-tử khuynh hữu của Hội-đồng chính-phủ. Được sung vào Nghị-viện năm 1890.

Chavanne lớn tuổi hơn Trương Vĩnh Ký (họ Trương sinh vào năm 1837). Qua những bức thư trao gửi giữa hai ông, ta thấy ông là người danh-sĩ. Ông đã xem Trương Vĩnh Ký như là một triết-gia của Trung-hoa (1).

(Theo *Bách-khoa Đại từ điển*, tập thứ 10; do nhà văn Louis Lucipia biên-tập).

(1) Lúc đó, *Tây-phương* chỉ nhìn đến *Trung-hoa*, cho đó là một nước văn-minh, đại-diện cho văn-hóa của toàn thể Á-đông.

PHỤ - LỤC

II. — ALBERT KAEMPFER

Albert Kaempfer là một nhà văn-học nước Pháp, sinh ở tại Versailles vào năm 1826 và mất tại Pháp năm 1907. Ông là người Thụy-sĩ và nhập tịch vào dân Pháp vào năm 1849.

Ông là một trạng-sur có tiếng, đã từng cộng-tác đặc lực với nhiều tờ báo hữu danh trên đất Pháp và làm chủ-bút tờ *Journal Officiel* (từ năm 1871 cho đến năm 1874).

Ông làm thanh-tra trường *Cao-dẳng mỹ-thuật* vào năm 1879, làm hiệu-trưởng trường *Cao-dẳng mỹ-thuật* vào năm 1882, và làm hiệu-trưởng những Tàng-cổ-viện Quốc-gia và trường Louvre vào năm 1887.

Những tác-phẩm danh tiếng nhất của Albert Kaempfer là :

1. *La Tasse de Café* (tiểu-thuyết) (1866) Edition Texier.
2. *Paris, capitale du monde* (1876) Edition Texier.

(Theo *Larousse du 20e siècle* và tài-liệu của Raphael Barquissau)

III. — PÈNE SIEFERT

Chưa có những tài-liệu nào xác-thực nói về Pène Siefert cả. Người ta chỉ biết Siefert qua người chị tên là Louisa Pène Siefert, một thi-sĩ hữu danh cận-dại của nước Pháp (thi-phẩm của bà đáng được mọi người lưu ý nhất là cuốn *Année Républicaine*. Cũng trong sách đó có dẫn rằng : người em của bà có viết cuốn *La question Tonkinoise avant et après le traité avec la Chine* (*Paris Lemerre — 54 trang*).

Theo tài-liệu của Chailley Bert trong cuốn sách *Paul Bert au Tonkin* (do nhà xuất-bản Challamel aîné — 1880) thì Pène Siefert có đi theo Paul Bert sang Việt-nam và là một người thông hiểu nhiều vấn-đề về Việt-nam.

Trong một bức thư đề vào năm 1886, thì Pène Siefert trở về Pháp vào năm 1886 và ông Trương vĩnh Ký cũng có ý định qua Pháp vào năm đó, nếu được lệnh của nhà vua.

(Rút theo tài-liệu của Raphael Barquissau — Publication de la *Société des Etudes Indochinoises* — Saigon — 1934)

PHỤ-LỤC

Trong cuốn sách đáng giá của nhà văn Piènc Siefert (tức là cuốn Année Républicaine), ông ta có viết một đoạn bàn về giá-trị và địa-vị của Sĩ Tái Trương vĩnh Ký sau đây :

« ... Trương vĩnh Ký là một hạng người tinh-hoa của hàng nho-sĩ An-nam (Việt-nam), quả là một nhà sử-học, một nhà triết-học, một nhà thông-thái về ngôn-ngữ-học mà cảm-tình chân-thành của ông đối với nước Pháp không bao giờ nặng-trĩu xuống được, dù rằng vua Tự-đức đã ký-hết hòa-ước nhận cuộc bảo-hộ cùng nước Pháp hoặc là những chính-kiến bất đồng về nền chính-trị của hai bên... » (lời phê-bình này viết trước khi toàn quyền Paul Bert được biệt phái sang đất Việt-nam cùng cộng-tác với vua Đồng-khánh và đề dân-xếp những khuynh-hướng chính-trị chống đối các viên-chức cai-trị người Pháp ở các vùng Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình và Quảng-trị). Pène Siefert cũng là người đã gây tình thân-hữu của Trương vĩnh Ký với toàn-quyền Paul Bert càng thêm khăng-khít, tin-cần nhau hơn trong những hoạt-động chính-trị ở tại triều-đình Huế cũng như ở tại Hà-nội. Họ Trương đã tỏ bày nhiều tâm-tình của mình cho Pène Siefert nghe.

1. — LETTRE DE PÉTRUS KY AU Dr CHAVANNE

A M. Le Dr Chavanne, Député à Paris
Février 1887

Illustrissime Dnc.

Tuo nomine abutor forsitan pro missivis meis ad meum amicum P. Sief.

Sed tali animatus confidentiâ in te sperabo, non confundar in aeternum. Haec est amicitiae lex. Quid tibi hinc narrandum non video; bene valemus ego et mei, corpore tamen sed non animo. Fortunae rotae cursui assistendo me hunc contemplatorem vicissitudinis rerum taedet vitae, quae praeter suam cadutitatem magis poanae homini est quam laetitiae. Militia vita homines super terram, vere dixit Job. Invidiae fluctibus undequaque agor, haec simplicitatis cymba. Sperandum tamen est, invitis Syrenis Aeneas Italiam apulit ubi suum imperium constituit: rosa non est sine spinâ. Nec omnis sine onere honos. Sed solatio mihi adest tua amicitia, meae spei fulcimentum, in fluctibus anchora. Nuntia bona malave exspecto do nostro usque ad aras amico P. S. Novus nobis momento apparuit Phaebus, sed non diu sistitit, Hongkong adiit, deinde Haiphong et Hanoi. Quid ego hic fiam mescio, hoc unum sciô quod adhuc vivo.

Vale iterumque vale honoratissime ac carissime amice.

Totus tibi (T. t).

Pétrus TRƯƠNG VĨNH KỶ

Dịch :

Kính Ngài,

Quả tôi đã quá lạm-dùng tên ngài khi tôi viết thư gửi cho bạn tôi là ông P. Sief. Nhưng tôi vẫn tin cần ở ngài,

PHỤ - LỤC

tôi sẽ không nhầm lẫn như trước nữa. Đó cũng là luật bằng-hữu. Tôi không bao giờ trình-bày cùng ngài trên mặt thư này, chúng tôi được sức khoẻ luôn, sức khoẻ về vật-chất **chứ** không phải về linh-hồn. Trong khi chạy đua trên con đường tiền-tài, tôi đã thấy rõ những bước thăng-trầm của vạn vật, tôi đã chán-ngán cuộc đời, hơn nữa cũng vì trong người đã suy-yếu cho tôi nên đã nhọc-mệt hơn là vui-thú.

Job đã nói rất đúng :

Đời sống của con người trên quả đất là một cuộc chiến-dấu về quân-sự. Những đợt sóng tị hiềm vô khắp bốn bề, tôi chỉ là con thuyền nhỏ-bé quá. Nhưng còn phải tin-trởng, dù phải gặp những cuộc dấn-tàu chẳng đi nữa. Enée bị dấn ở Ý-dại-lợi, nhưng đã lập được sự-nghiệp. Hoa hường nào mà chẳng có gai, hạnh-phúc nào mà chẳng nhọc-nhàn. Nhưng nhờ tình bằng-hữu đã khuyên-dỗ tôi, nâng-dỡ cho tôi càng thêm hy-vọng, là neo thuyền giữa cơn sóng cả.

Tôi chờ đợi những tin lành hay dữ của P. Sief, người bạn mà tôi sùng kính. Ông đó đã xuất-hiện ở đây một thời-gian ngắn-ngủi nào có khác Phoebus nhưng nào có được lâu-dài đâu. Tôi không hiểu rồi mình sẽ ra sao, cả những điều mình đã hiểu rõ, vì rằng đời tôi còn kéo dài.

Kính tạm biệt người bạn đáng kính và đáng yêu.

Thân-ái,
Pêtrus TRƯỜNG VINH KÝ

2. — LETTRE DU Dr CHAVANNE À PÉTRUS KY

Chambre des Députés Paris
le 1er Mars 1887

Carissime amice,

Tantum amabilitatis praedita dat mihi epistola tua facultatem hoc tibi dulce nomen imponendi. Toto corde gratias ago.

Jam diu, longe, illustrissimi docti auctoritas multum apud me valebat ; jam diu in mente it sensu fraterno faedere conjunctus eram. Imperiorum fines haud cognescunt scientiae.

Rerum Tonkinarum facies apud administratores illic, amico Pène edjuvante et suadente, fauste commutata est. Quaedam post mortem Pauli Bert caeco impetu commissae injustitiae remissae erunt...

Tredecim februarii mensis noster amicus Pène ad plenissima vela se praeparat. Per Saigon iter facturus, in Annam se confert, ad regem in Galliam ducendum, auctoritate peacliare munitus.

Hic quisque te cum rege venturum esse sperat. Sie regi et nobis simul honorem facies. Haec spes magnam mihi delectationem affert. Jam consilia jucunda mente agito.

Tu, more fratris dignissimi et delecti, apud doctos Gallicos, acceptus eris pressertim apud me totum tibi et nunc et semper devotissimum.

PHỤ - LỤC

ALEXIS CHAVANNE

Ad amicum Pène de manu ad manum espistolas tuas tradidi. Tibis grates habet.

Epistolae istae viscera in totum accipe; sed vitiosae formae veniam humiliter peto, consuetudine linguae latinae a me amissâ.

Dịch :

Hiền hữu,

Bức thư khả-ái khiến cho tôi phải dùng danh-từ này để báo đáp lại. Tôi vô cùng cảm ơn hiền hữu.

Bấy lâu nay, xa xuôi nhau, hiền hữu, một nhà bác-học danh tiếng, muốn gấn-gửi thư-từ cùng tôi, bấy lâu nay trong tâm-hồn, trong tình-cảm của tôi vẫn thắt chặt tinh huỳnh-đệ đó. Khoa-học không biết gì là biên-giới các dân-tộc.

Cuộc điện ở tại Bắc-kỳ đã thay-đổi khả quan, nhờ sự giúp-dỡ và những lời khuyên-răn của thân-hữu Pène bên cạnh các nhà cầm quyền địa-phương. Một vài điều bất công xảy ra sau cái chết của toàn quyền Paul Bert cũng đã được sửa-dổi rồi.

Thân-hữu Pène đã sửa-soạn lên đường từ hôm 13 tháng 2 rồi. Đến Sài-gòn, ông ta sẽ phò-tả đức vua sang Pháp, và lãnh nhiều nhiệm-vụ hệ-trọng khác.

Ở đây, ai ai cũng tin-tưởng rằng hiền hữu sẽ trở lại giúp-dỡ cho nhà vua. Như vậy là hiền hữu vừa phụng-sự cho nhà vua và giúp cho chúng tôi. Niềm tin đó khiến cho chúng tôi vui-sướng vô cùng. Tôi cũng đã suy-ngẫm nhiều dự-định tốt đẹp.

Hiền hữu sẽ là một người đáng kính-trọng, rất đáng trọng-vọng của những nhà bác-học nước Pháp, nhất là đối với tôi. Luôn luôn tôi xin gửi những cảm-tình chân thành.

ALEXIS CHAVANNE

Tôi đã chuyển tay những bức thư của hiền hữu gửi cho ông Pène. Ông ta rất cảm ơn hiền hữu.

Bức thư này chỉ chú-trọng đến nội-dung, tôi xin phép hiền hữu tha thứ cho lối viết thư rắc-rối (bằng chữ la-tinh này) vì đó là thói quen của tôi.

3. — LETTRE DE PÉTRUS KÝ AU Dr CHAVANNE

A. M. Chavanne Député Paris
8 Avril 1887

Doctissime Dne,

Me maxime gaudis afficiunt tuae litterae utpote quae ex abundantia cordis sinceri procedant. Eo magis mihi proetiosae sunt quo minus dignum adeunt. Per illas bonum nuntium de nostro amico accipio proesertim de suo itinere ad nos redituri salutem regno annamitico afferentis. Utinam ratem omnem servet. Regi nostro homo homini Deus erit.

Mihi autem si amidente fortunam acciderit ut regem comiter in Galliam, maximae laetitiae erit occasio.

Per eam enim cum summam voluptatem hunc mundi augustissimam Lutetiam urbem quam videri mihi datum fuit anno 1883 et illustrissimis doctissimisque occurram amicis quos non nisi litterarum ac scientiarum mihi paruerunt.

Istinc redituro ex optima schola majorem experientia melioresque cognitiones addentur. Me nunc leonem annis defectum viribusque desertum non amplius timent honores. Vita solitariae am libris maximopere placet cursus rerum spectatori in verperere dierum mensuram.

Homo quidem proponit, Deus autem disponit: Many things chance between the cup and the lip. Inter os atque offam multa interveniunt. Nemini omnia prospere cedunt nec quadrata currunt. Nichil tamen est impossibile. Sicque cum dulci spe tibi occurrendi uno die, vale atque iterum vale, mementoque tui toti

Petrus TRƯƠNG VĨNH KÝ

PHU - LỤC

Dịch :

Kính Ngài,

Thư của ngài khiến cho tôi vui-sướng vô cùng vì nội-dung chứa đựng nỗi-niềm của một con tim thành thật. Không còn gì quý giá bằng như thế nữa. Nhờ lá thư mà tôi hiểu rõ được tin-tức mới về bạn tôi, nhất là về cuộc hành-trình trở lại đất nước này để mang lại nhiều ơn-phước cho chính-phủ Nam-triều. Có như thế họa chẳng cứu vãn được con thuyền dân-tộc. Ai cũng tin rằng đó là ân-phước của vua nước tôi. Riêng về phần tôi, điều đáng quý-báu nhất là được tháp tùng nhà vua sang Pháp, cơ hội này đã mang lại cho tôi nhiều niềm vui-sướng vô cùng tận.

Vi trong dịp đó, tôi đã thấy lại thành phố Ba-lê với nguồn sung-sướng bất tận, thành phố uy-nghi nhất thế-giới mà vào năm 1883 tôi đã tiếp-xúc với nhiều nhà bác-học, danh-sĩ về văn-chương và khoa-học.

Sau khi trở ra khỏi trường học quý-báu đó, tôi đã thâu nhận được nhiều kinh-nghiệm và nhiều kiến-thức tốt-đẹp. Còn về danh-vọng, bây giờ nó không còn cảm-dỗ con su-tử đã già-dạn và mất hết sức mạnh.

Một cuộc đời cô-đơn chỉ sống với sách-vở là điều thích-thú nhất của tôi để thưởng ngoạn vạn vật khi tuổi đã già-nua.

Nhưng, người dự định mà trời quyết định « người mong thế này, trời định thế khác » (dẫn theo Trung-hoa trong sách *Minh Tâm bảo giám* (ở tại thiên bản về Thiên-mệnh) : *Nhân nguyện như thử, như thử... Thiên-lý vị nhiên, vị nhiên...* hoặc dựa theo câu ở Luận-ngữ : « Bất vụ thiên, bất oán nhân, cư dị dĩ sĩ mệnh... Thiên hành kiện, quân-tử dĩ tư cường bất tức... nghĩa cũng như câu : Hãy dành lòng chờ chút oán (thiên) vụ (nhân) ; Thời chí hỉ ngư long biến hóa. Thời cũng biết cùng thông là mệnh cả. Cũng đừng đem hình dịch lại câu chi...) Từ cốc rượu đến môi còn xa (dẫn theo tiếng Anh)

PHỤ - LỤC

(1). Còn có khoảng cách ở giữa miệng và miếng ăn. Không ai có thể thịnh-vượng, giàu-sang mãi và... những hình vuông không thể nào xoay di xoay lại được. Thành thử không có việc gì là không làm được ! Cho nên tôi vẫn tin-tưởng sẽ gặp lại ngài một ngày gần đây. Xin giã-từ ngài và gửi cả lòng chân-thành.

Pétrus TRƯƠNG VINH KỶ

(1) Từ *hy-vọng* cho đến *thực-hiện* còn xa nhau lắm. (Chúng tôi dẫn theo câu : il y a loin de la coupe aux lèvres và câu Many things chance between the cup and the lip).

4. — LETTRE DU Dr CHAVANNE À PÉTRUS KÝ

Chambre des Députés Paris
20 quintili mense 1887

Ad doctissimum sodalem T. v. Ký,

Quamprimum amicitiae amplexum accipias et simul gratulationes mens de novâ dignitate quam tuae probatae virtuti. Gallica Respublica nuper tri buit. Id multum gaudeo et Respublicae non minus congratulor.

Ex quo egregia in te administratorum nostrorum mens apparet.

Res presentes de regno Annamatico non eâdem laetitiâ me afficunt. Quaedam intermissiones videntur. Hoc non capio, sed hanc nubem brevi dispulsuram esse spero.

Præter hæc, illic recens administratorum mutatio nova impedimenta affert. Sine dubio amiaes. Pène Siefert te de istis rebus per partes certiore jam feât.

Quidquid est, nostra consilia in aliud tempus reservata sunt.

Hunc rerum statum vere molestum puto. Sic tu quoque censes? Attamen adjutorio tuo confidimus.

Cerse vita solitaria cum libris et suis eximia est. Hoc ego persuasum habeo et consuetudinem; ipse Ovidii poetae preceptum sequor:

«... bene qui latuit bone vixit et intra.

Fortunam debet quisque manere suam...»

Sed, si forte publica res in consilium et auxilium vocaret, sursum tunc, sursum corda. Patria et humanitas

PHỤ - LỤC

presertim omnibus praestant ! Deinde, justo officio defunctus, sapiens ad solitudinem et pristina studia redire properat. Utinam id sit !

Utinam haec morae intempestivae cito amotae sint.
Gratum sit tibi me benignissimum salutem impertire.
Toto corde.

AL CHAVANNE

Dịch :

Kính gửi ông Trương Vĩnh Ký,

Nhà bác-học thân-mến của tôi.

Trước hết, xin ông nhận nơi đây tình bạn khăng-khit và đồng thời những lời chúc mừng của tôi đối với phẩm-hạnh, tư-cách của ngài mà chính-phủ Pháp đã ca-ngợi. Tôi rất vui mừng và nguồn hy-vọng của tôi nào có kém thái-độ của chính-phủ !

Điều đó đủ chứng-minh những thái-độ thiện hảo của chính-phủ tôi đối với ông.

Tình-trạng hiện-tại của chính-phủ Nam-triều không thể đem lại cho tôi niềm vui như thế được. Có nhiều sự gián-đoạn trong tình bang-giao mà tôi chẳng hiểu được, nhưng tôi vẫn hy-vọng rằng tình-trạng đó sẽ biến mất một ngày gần đây. Lại nữa, sự thay-đổi những viên-chức cai-trị hiện nay chắc là còn mang lại nhiều chướng-ngại mới khác nữa. Chẳng ngờ rằng ông Pène Siefert đã trình-bày minh-xác từng vấn-đề cho ông hay rồi. Chuyện đã lỡ thì thôi, dự-định của chúng ta cứ đợi một thời-gian khác vậy.

Tôi rất bực mình trước tình-trạng đó vô cùng. Không hiểu ông có nghĩ như thế không ? Nhưng dù sao đi chăng nữa tôi vẫn tin-tưởng vào sự giúp-đỡ của ông.

Quả thế, một cuộc đời sống với sách-vở là một việc hay vô cùng. Tôi cũng tin như thế và cũng có thói quen ấy ; nhà thơ Ovide đã có câu châm ngôn như sau đây :

« Ai sống ần-dật là biết sống,
Và mỗi người phải ở vào số-phận của mình »

PHỤ - LỤC

Nhưng, nếu nguyên-nhân chung đã cần nhờ đến những lời khuyên-bảo và sự giúp-đỡ của ông lại vượt cao hơn, vượt ra khỏi địa-hạt tình-cảm, Tổ-quốc và nhất là nhân-loại phải di trước tất cả. Rồi khi đã làm xong nhiệm-vụ đó rồi, kẻ tri-thức mới quay trở về với cuộc sống ần-dật và học-tập.

Đó là điều đáng lo. Những quan-niệm không hợp thời đó xin xóa bỏ ngay đi !

Kính chúc ông thành đạt.

Với tất cả tâm-hồn chân-thành.

AL. CHAVANNE

5. — LETTRE DE PÉTRUS KÝ AU DR CHAVANNE

Dr Chavanne Alexis, 6 Aout 1887

Doctissime Doctor,

Tuas recentes mellifluâ consolatione conditas cum maximo gaudio recipio litteras, tibi gratias sinceriter ago, paucisque tuae eximiae respondeo. Reipublice non minus gratum me exhibere dices utpote quae me suum adoptionis lilium non solum esse recognoverit, imo honore in primis confidentiâ suâ mē cumulatum reddiderit.

Honoris patentissimus campus in hâc peninsulâ Indosinicâ Gallilae offertur. Sed videtur quod nondum bene scit nec quid nec quomodo sibi faciendum ibi sit. Porro honorabilissimae partes agenda Gubernio Gallico sunt consilliorum quam maximè possit gratuitum, protectorem magistrumque esse in rebus infelicis regni Annamitici, cujus tutelam geret hic et nunc providentiali eventu vocatum. Cito tuum collegam D. de Lanessan : « ... Aussi serait-il tout disposé à nous tendre la main, s'il était certain de trouver en nous des protecteurs décidés à sauvegarder son indépendance. Si nous savions borner notre ambition au rôle de conseillers et de protecteurs désintéressés, nous trouverions dans ce simple rôle des avantages considérables... »

Cognoscendo rerum humanarum vicissitudinis leges, nihil admiramur : oportet ut eveniat quod cursu rerum advenire debet. Haec enim est lex. Spe vivimus. Amicorum in primis auctorum et ingenio praestantissimorum (tui ac aliorum) adjutorio et consilio nostrarum rerum sors fulsita quam optima Annamitis vestris pupillis refulgebit :

PHỤ - LỤC

many hands maketh light work. Sic spero et certe non in vanum : Splendet post nubila Phaebus. Haec est amicitiae inestimabilis valor : a friend in need is a friend indeed (certus amicus in re incertâ cernitur). Utcunque ceciderit (fall back fall edge) duobus (pluribus) nitor anchoris.

De vitâ solitanâ tibi scripsi non nisi prae taedio vitae socialis hujus regionis, ut tibi expertissimo «un vote de Zeus» extorquam. Vita enim qualis in se est sumenda est talis ; tantummodo sit fructuosa sive nobis ipsis, sive nostris similibus, sive aliis Naturae entibus ; sicque finem primordiale adimpleret.

Te autem sanum incolumemque Deus conservet ut amicis tuis, societati humanae, Reipublicae Gallicae et tandem tibi ipsi prosis in quantum potes ac vales et ut cum gloriosas partes a te susceptas peractus habueris nomen aeternae memoriae numdo universo relinuas.

Memento tui addictissimi consorti et amici.

Dịch :

Kính Bác-sĩ,

Nhận được thư của ngài vừa rồi, với những lời khuyên hiền-dụ, tôi rất vui mừng và xin chân-thành cảm tạ, tôi xin gửi ít chữ để đáp tình bằng-hữu cao-qui đó.

Tôi không thể nào quên được lòng biết ơn với chính-phủ chẳng những đã chiếu cố đến đưa con dưỡng-tử, mà lại đem đến nguồn hạnh-phúc tràn-trề, nhất là lòng tin-cần. Người Pháp đã đem lại rất nhiều hạnh-phúc cho bán đảo Đông-dương này. Nhưng dường như họ không rõ là đã hưởng điều gì và như thế nào nữa.

Nhiệm-vụ đáng quý-trọng nhất của chính-phủ Pháp là phải có một cơ-quan làm việc hy-sinh về việc giáo-dục và che-chở trong những công-việc của chính-phủ Nam-triều cho đúng với danh-nghĩa «Bảo-hộ», hay nói một cách khác là theo Thiên-mệnh (1).

(1) Không giống như quan-niệm *Đế-mệnh* của đức Khổng trình bày ở hai sách *Trung-dung* và *Luận-ngữ*. Xin hiểu là ơn *Thiên Triệu*. (Lời của dịch-giả).

PHỤ - LỤC

D. de Lanessan có nói :

«... Phải cùng dắt tay nhau, phải thật tâm che-chở đê bảo-vệ nền độc-lập cho Việt-nam. Nếu chúng ta biết cách hạn định phạm-vi của mình về nhiệm-vụ của kẻ giữ vai trò cố-vấn và bảo-hộ thật sự, chúng ta sẽ tìm thấy nhiều kết-quả tốt-đẹp trong công-việc của mình làm...» *Nguyên-văn chữ Pháp* là : «... Aussi serai-il tout disposé à nous tendre la main, s'il était certain de trouver en nous des protecteurs décidés à sauvegarder son indépendance. Si nous savions borner notre ambition au rôle de conseillers et de protecteurs désintéressés, nous trouverions dans ce simple rôle des avantages considérables...»

Nếu biết những định-luật về sự thăng-trầm của cuộc sống con người thì thật chẳng có gì đáng ngạc-nhiên cả. Phải theo chiều hướng của vạn vật mà theo. Đó là định-luật nhất thiết. Chúng ta sống đầy tin-tưởng. Nhờ sự giúp-đỡ và lời khuyên-răn của bạn-hữu, nhất là các nhà văn-hóa, và với một tinh-thần cao-thượng (của ngài và của kẻ khác), số-phận những công-việc làm của chúng tôi sẽ xán-lạn lên trong tương-lai, đúng như câu . «Nhiều tay võ nên bộp» (dẫn theo Anh-văn ở bức thư).

Tôi tin-tưởng thế và thật ra chẳng có gì là hảo-huyền cả. Ra khỏi mây che thì sẽ sáng rõ.

Giá-trị vô giá của tình bằng-hữu là : « Trong lúc túng-quần mới rõ tình nhau » (dẫn theo tiếng Anh). Dù trong một hành-động sáu-xa vẫn thấy rõ là người bạn tốt. Dù đến nơi đến chốn, ta cũng còn rơi xuống nữa (dẫn theo tục-ngữ Anh là « A friend in need is a friend indeed » đồng nghĩa với câu tục-ngữ Việt-nam nói về tình giao-kết với nhau là : *Đi lâu mới biết đường dài ; Ở lâu mới biết con ngài phải chững...*) Thả neo thì đứng vững.

Tôi chỉ nói về cuộc đời ần-dật của tôi cho ngài hay vì tôi chán ghét cuộc đời sống bên ngoài ở xã-hội này ; để gạt bỏ lời tiên đoán trong kinh-nghiệm giàu-có của ngài.

PHỤ - LỤC

Phải sống theo cuộc đời đã vạch sẵn. Chỉ nên giúp ích cho chúng ta, cho đồng-bào, cho mọi vật trong Thiên-nhiên. Phải làm trọn cái cứu-cánh đầu tiên.

Đối với ngài, tôi cầu xin Thượng-đế ban ân cho được sức khoẻ và vò sự đối với bạn-bè và xã-hội nhân-quần. Phải giúp ích trong phạm-vi quyền-hành và năng-lực của mình đối với chính-phủ Pháp và sau cùng đối với ngài, để khi nào ngài đã làm tròn nhiệm-vụ vinh-quang đã đảm-đang thì ngài đã lưu lại cho nhân-loại một danh tiếng theo ý-tưởng của mình.

Kính gửi ngài, tình khăng-khít của người bạn đường.

6. — LETTRE DE PÉTRUS KY AU Dr. CHAVANNE

A M. Al. Député, Xbre 1887

Excellentissime Doctor.

Ad opus tandem redis ; otia tus es ut melius laborares.

Utinam tuo tuorumque collegarum concursu Respublica proficiat de melius ad melius ut nos quoque de longinquo pace ac securitate fruamur. Ego quidem meâ sorte contentus ex toto corde opto quoque ut et nostrates etiam suâ meliori potiantur. Qui enim solum gaudet non tam gaudet quam cum simul aliis gaudet.

Amicum nostrum P. S. vitae rerum cursus instabilis ratione tantum taedebat ut in Hispaniam proficisceretur et apud suum amicum D. Castelar tempus dulciter perageret. Illinc mihi scripsit. Per eum recipies aliquid ex me in amicitiae pignus.

De rebus politicis ad me non pertinet tibi dicere quidquam.

Utinam propriis oculis viderint visimet gubernatores statum respectivum harum regionum ! *Les absents ont toujours tort.* Sperandum est tamen quod quadam die lux fiat. Felicem me existimo esse dum inter vos potentes aliquot invenio amicos qui meae personae protectioni ac fulcimento fuerint in casu adversitatis. Unum et unicum quaero, esse scilicet posse utilem quamvis dicendum sit : Sic vos non vobis... Haec est mea sors et consolatio.

Tex ergo Deus conservet in potestate tibi, tuis amicis et societati diu ac semper prosis, et Gubernio utiliter ac

PHỤ - LỤC

efficaciter servias ut tandem tibi ipsi possis quodam die dicere : meas partes bene egi, officium meum adimplevi.

Te sanum ac beatum inveniat ista brevis epistola tui addietissimi amici.

Dịch :

Kính Bác-sĩ,

Được tin ngài lại bắt tay với công-việc : ngài đã có nhiều hứng thú để làm việc nhiều hơn. Vì cũng nhờ công-việc của ngài và của những người học trò của ngài mà chính-phủ đã tiến-bộ thêm mãi và chúng tôi dù ở xa xăm chẳng nữa cũng được chung hưởng nền hòa-bình và an-ninh đó. Riêng tôi bây giờ đã an phận mình, tôi xin đem tất cả tâm-hồn cầu chúc cho các bạn tôi được nhận-định rõ sự cải-thiện đó. Vì rằng kẻ nào hưởng-thụ một mình sẽ không thấy thích thú khi cùng hưởng-thụ với những kẻ khác.

Sách Minh-tâm có câu :

« Học một mình không bằng làm việc với kẻ khác ».

Bạn tôi, ông P. S. có lẽ không muốn sự bất dịch của cuộc đời cho nên đã đi sang Tân-gia-ba và đã sống chuỗi ngày êm-dềm bên cạnh ông D. Castchar. Trong thư ông P. S. có nói rõ cho tôi điều đó. Tôi tin lời nói chân-thật của ông ta là hoàn toàn đúng.

Về phương diện chính-trị tôi không có thể nói điều gì hơn nữa cho ngài rõ được. Cầu trông cho những viên cai-trị của chúng tôi sẽ phóng tầm mắt riêng của họ để nhìn rõ phạm-vi đáng quý-trọng đó. Tục-ngữ Pháp có câu « Những kẻ văng mắt thường lầm-lẫn ». Nên tin-tưởng rằng một ngày kia, ánh-sáng sẽ chiếu rõ.

Tôi lấy làm sung-sướng khi thấy có nhiều người Pháp cường-cường. Điều độc nhất mà tôi tiến đến là làm sao giúp ích, làm sao để thực-hành câu « theo họ, nhưng không lệ-thuộc họ » (*Sic vos non vobis*). Đó là số-phận của tôi, là điều an-ủi cho tôi.

PHỤ - LỤC

Cầu Thượng-đế cho ngài luôn luôn bảo-tồn quyền-hạn mà ngài sẽ luôn luôn giúp ích cho bản thân, cho bằng-hữu, cho xã-hội và ngài sẽ giúp ích và có hiệu-quả cho chính-phủ mà một ngày kia, ngài sẽ tự hào : « Tôi đã làm tròn nhiệm-vụ của mình ».

Cầu chúc ngài sức khỏe và hưởng hạnh-phúc đề ca bài chiến-thắng.

7.— LETTRE DE PÉTRUS KÝ AU Dr. CHAVANNE

M. Chavanne Dr Député
9 Juin 1888

Illustrissime et Doctissime Doctor.

Tibi scripsi anni praecedentis Xbris mense. Usque nunc nullum de te nuntium recepi; itaque nescio utrum mea epistola tibi pervenisset. Hujus anni in Aprilis mense missus fui in Bangkok unde reversus hic et nunc linguam ac litteraturam Sinicam Cambodicamque Europaeas doceo.

Hae est mea in praesenti occupatio unica. De rebus politicis administrativisque nullam curam amplius adhibeo, illis enim os ac aures meas interdico. Nec gloria nec honor me adhuc tintat: taedet me illarum rerum magis nomine quam re attractivarum; non plus sapit quam sus mactata. Sicque in meam vitam heremiticam intrare mihi propositum est ut sic procul a Jove sim etiam procul a fulmine.

Te autem qui in tuo honorabili munere Reipublicae prodesse omni modo vales, sanum praesertim animo fortem Deus conservet; sicque simul eris utilis et tuis amicis in quorum numero esse me congratulor tuum semper fidelem...

Dich:

Kính gửi Bác-sĩ đáng kính và đáng trọng.

Tháng mười một vừa qua cho đến nay tôi chưa nhận thêm được một lá thư nào cả; tôi cũng không hiểu rằng bức thư của tôi có đến tận tay của Bác-sĩ không.

PHỤ - LỤC

Tháng tư vừa qua tôi có qua thăm Vọng-các, bây giờ đã trở về rồi và hiện nay tôi dạy ngôn-ngữ và văn-học Trung-hoa, Cao-miên cho người Tây-phương. Hiện nay tôi chỉ có đảm nhận một nhiệm-vụ duy-nhất đó mà thôi. Tôi đã ngậm miệng và bưng tai trước những vấn-đề đó. Không một chút danh-vọng hiên-hách gì có thể lôi kéo tôi được nữa. Tôi đã chán ghét những thứ đó dù rằng nó lôi kéo mạnh-mẽ vô cùng, nó không có mùi-vị của con heo đã làm thịt.

Và tôi đã dự-định vào cuộc đời ẩn-dật cũng chẳng khác nào là xa lánh sao Mộc-tinh cùng các vì sao lân-cận.

Đối với tôi thì với nhiệm-vụ cao-đẹp của ngài có thể giúp ích cho chính-phủ rất tích-cực mà Thượng-bế đã ban sức khoẻ và may-mắn cho ngài. Đồng thời, ngài cũng đã giúp ích cho các bạn-bè trong số đó có cả tôi nữa.

Xin luôn luôn giữ tinh chân-thành.

8. — LETTRE DE PÉTRUS KY A M. KAEMPFEN

M. Kaempfer Dr des Beaux Arts
10 Godot. de Mauroy Paris.

Illustrissime Dne.

Ex amico meo D. P. S. didici te mihi favori fuisse ac de me amici causâ laborâsse. Id mihi pergratum est. Idcirco mihi sumo ut paucis te adeam quibus tibi attester meam gratitudinem pro omnibus quae pro me fecisti.

O quam suavis est amicitiae nodus! de Oriente ad Occidentem corda conjungit fratresque efficit! Scientiarum enim imperium limites non cognoscit, montibus maribusque sparatose ac remotos unit communis laboris socios ex quator partibus mundi arcte admovet, societatem nullam aliam quam Humanam (universalem) admittens. Hae sunt verae personae ac partes suscipiendâe viris eruditionis utiles sese reddere societati cujus membra sunt.

Quae autem spectant has regiones Exti Oritis te certe non talent silentio ergo transeo. Hic quum in omnibus secessu ac solitudine inveterescunt, eas regenerandi ac reformandi tempus venit. Cui autem hoc nobile munus ac mandatum injunctum est? Galliae, quod me vehementer delectat, Providentia commisit. Quaenam vèro partes ab eâ personâ pacificâ gerendae sint ad me non pertinet dicere. Suam gloriam augeri in hoc nobilissimo munere et mandato toto cordè opto expètoque.

Vale et memento tui addictissimi, quem inter tuos numerari voluisti.

Pétrus TRƯƠNG VĨNH KÝ

PHỤ - LỤC

Dịch :

Tôi được bạn P. S. cho biết rằng ngài hết lòng giúp-dỡ tôi và làm việc cho tôi với chân tình bằng-hữu. Điều đó khiến tôi vui sướng vô cùng. Vì vậy tôi xin có mấy lời sau đây để tỏ lòng biết ơn những việc mà ngài đã giúp-dỡ cho tôi.

Ồi ! êm-dịu thay giây liên-lạc bạn-bè ! Nó đã nối tâm-hồn người ở Đông-phương với Tây-phương và kết thành tình huynh-dệ. Lãnh-vực khoa-học thật không còn biết đâu là giới-hạn cả dù cách trở núi cao, biển rộng đến ngàn nào đi nữa cũng vẫn gặp-gỡ nhau được cả ; ở bốn phương trời, khoa-học đã kết trên những người cùng chung một nhiệm-vụ lao-nhọc đó, chỉ công-nhận một xã-hội : xã-hội cộng-đồng mà thôi. Đó là nhiệm-vụ chân-chính cần-thiết của những người tham bác, phải giúp ích cho các xã-hội khác nữa.

Đối với những ai muốn hướng về những nước ở Viễn-đông, điều đó không có gì đáng lo-ngại cả, tôi đã im-lặng trở về đó.

Nếu các nước đã trở nên cằn-cỗi vì ở xa quá và cô-đơn quá, thời-gian này cần phải tái-tạo và canh-tân lại.

Nhưng đối với ân-huệ đó, ai đã trao cho nó ?

Nước Pháp đã giúp-dỡ (1) và tôi vui mừng vì Thượng-đế đã ban ân-đức cho. Nhưng nếu hỏi đến động-lực nào để giúp cho nền hòa-bình đó, tôi không đủ thẩm-quyền đề bàn đến. Nếu sự thành-công được thâu-hoạch được nhờ đường-lối chính-trị chân-chính, tôi xin chúc mừng và trông đợi.

Xin chào vĩnh-biệt và xin gửi ngài tất cả tình quyến-luyến mà ngài đã quan-niệm như đối với bản-thân ngài.

PétruS TRUÔNG VĨNH KÝ

(1) Ở đây, chúng tôi xin theo đúng nguyên-văn để làm tài-liệu văn-học, chứ không phê-phán gì cả. Xin độc-giả hiểu rõ cho (Dịch-giả).

**TRƯƠNG VĨNH KÝ QUAN-NIỆM
VỀ VĂN-ĐỀ VĂN-HÓA ĐÔNG-PHƯƠNG GIAO-TIẾP
VỚI VĂN-HÓA TÂY-PHƯƠNG**

*(Rút theo tài-liệu của Bác-sĩ Léon Gautier
ban thân của Victor Hugo, hiện giữ tại
Tồng-thư-viện Pháp tại kinh-dô Ba-lê).*

(Những lời chú-thích sau này đều là của soạn-giả, cốt để khai
sáng quan-điểm của Trương tiên-sinh và để dễ-dàng hệ-thống-hóa
sân-đề).

*LỜI SOẠN-GIẢ. — Tài-liệu mà chúng tôi sưu-tầm ở
tại Tổng-thư-viện Pháp càng làm sáng rõ những chi-tiết
sâu-sắc về cuộc tiếp-xúc văn-hóa Tây-phương của Trương
vĩnh Ký trong dịp sang Pháp cùng với phái bộ Phan thanh
Giản. Ông đã gặp-gỡ và trao đổi văn-hóa. Ông đã gia nhập
vào các hội văn-hóa. Ông đã được văn-học-giới Tây-
phương ca tụng ! Chuyển đi đó, ông Trương vĩnh Ký cho
rằng : thật là một cơ hội tốt để ông trình-bày những ưu-
điểm của nền văn-hóa Đông-phương (đặc-biệt chú-trọng
đến văn-hóa Trung-hoa và Việt-nam. Còn về Ấn-độ, Nhật-
bản... có lẽ những cuộc tiếp-xúc văn-hóa của trí-thức Việt-
nam lúc đó chưa có gì là chặt-chẽ cả).*

*Cũng như những ông Nguyễn trường Tộ, Đinh văn
Điền, Lê Đình, Bùi Viện... (mà chúng tôi đã trình-bày ở
đoạn trên để cho các bạn đọc có một khái-niệm tổng-quát
về năng-lực giác ngộ của trí-thức Việt-nam) ông Trương
vĩnh Ký đã thay-đổi quan-niệm của mình khi trở về quê nhà.*

Điều đó chẳng có gì là lạ-lùng cả.

PHỤ - LỤC

Ta đã từng thấy thái-độ của Phan Chu Trinh, của Phan Thanh Giản bắt đầu phản-tĩnh rõ-rệt. Cao Bá Quát cũng thế, cũng phản-lĩnh, khi tiếp-xúc sâu-dặm với những nguồn sống mới lạ (kể cả ưu-điểm cùng với khuyết-điểm). Trương Vĩnh Ký với năng-lực học-vấn sâu-rộng như thế không thể nào ngồi yên được một khi đã đứng mũi chịu sào trước cuộc-diện ngã nghiêng toàn diện xã-hội như thế.

Tâm-trạng quẫn-quại của ông trước công-luận phẩm-bình nào có khác gì tâm-trạng của Sào Nam Phan Bội Châu ở trạng-hướng mình

Vì chẳng xét tâm tình si,
Thiệt ta mà chẳng ích gì đến ai !
Vội chi liễu ếp, hoa nài,
Còn thân ắt hủn đến-bồi có khi.
Sinh rằng : từ thuở tương tri,
Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non.
Trăm năm tình cuộc vương-tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn, lạch sông.
Muôn đời ơn lòng...

(Tập Kiều)

I. — MỘT CUỘC TIẾP - XÚC
HÀO - HỨNG VÀ CHÂN
THÀNH GIỮA CHÚNG TÔI

Bấy lâu nay, tôi thường thường hướng về phương Đông để xem xét những biến-chuyển văn-hóa trong cuộc giao-thoa đã xảy ra như thế nào.

« Trương Vĩnh Ký đã qua đời rồi ! »

Tiếc thương thay mối tình văn-hữu, mối tình quảng-dại và chân-thành hơn hết !

Viết bài này, mục-dịch của tôi là trình-bày những mẩu chuyện gặp-gỡ có tính-chất hoàn-toàn về văn-hóa. Và chúng tôi cũng chỉ muốn thế mà thôi. Tiếc rằng thời-gian đó quá ngắn.

PHỤ - LỤC

Thật ra thì từ trước đến nay, ít có những nhà giáo-dục, văn-hóa Đông-phương đặt chân lên đất Pháp và gieo tư-tưởng Đông-phương. Quả là một điều đáng tiếc nhất là đối với công-cuộc tìm-tòi, tham-khảo của chúng tôi. Nhưng chúng tôi đã thoả-mãn ngay : một dịp may, tôi đã gặp ông Trương Vĩnh Ký, một nhà bác-học Việt-nam (trong tài-liệu Pháp-văn chép là an-nam).

Con người ấy, phong-độ ấy thật đã thu hút được chúng tôi ngay sau khi gặp-gỡ trò-chuyện ban đầu. Ông Trương nói tiếng Pháp đã khéo và lại am-tường sâu-rộng văn-hóa của Tây-phương. Ông nhớ từng nhân-danh một, địa-danh và nhớ đúng vô cùng.

Lời nói của nhà văn-hào Rudyard Kipling rằng :

« Đông-phương là Đông-phương

« Tây-phương là Tây-phương.

« Đông-phương và Tây-phương không bao giờ gặp nhau. » (1)

Điều này trước kia tôi cũng vẫn cho là một chân-lý bất biến. Vì rằng trong khi nghiên-cứu kỹ-càng tất cả những điều-kiện sai-biệt về

— Nhận-thức-quan.

— Nhân-sinh-quan.

— Vũ-trụ-quan.

— Xã-hội-quan.

tôi vẫn thấy dường như có một bức tường cao lều

(1) Chúng ta cũng nên liên-tưởng đến trường-hợp của nhà văn-hào Ấn-độ là ông Rabindranath Thakur Tagore (được giải thưởng NOBEL nhờ những thi-phẩm : Tịch-dương ca, Bình-minh ca, Tụng-thần ca, Nhân-tính v. v. . .). Trong một bài diễn-thuyết nhan đề là : lời tuyên-cáo của Đông-phương nói với Tây-phương, ông đã nói rõ rằng : Đông-phương hướng nội mà Tây-phương thì hướng ngoại. Đông-phương là tinh-túy mà Tây-phương là trang-trải bên ngoài. Như vậy, Tây-phương cần phải quay về với nguồn đạo hạnh của Đông-phương. Romain Rolland, René Grousset cũng thế.

PHỤ - LỤC

ngheêu phân-cách không thể nào thần-thấu qua nhau được. Chẳng riêng gì tôi, một số đồng văn-hữu ở đây cũng thấy thế. Mấy cuộc tiếp-xúc với Trương vĩnh Ký đã mang lại cho chúng tôi nhiều ý-kiến mới lạ. Thi ra lúc đó tôi mới hay rằng:

*Kia kia lữ trước, giòng sau. . .
Trăm sóng rồi cũng chung đầu đại dương !*

(Tạm dẫn theo hai câu thơ của Thâm Tâm)

Tôi bắt đầu quen biết Trương vĩnh Ký nhân trong một cuộc họp mặt hứng-thú và nhiều hảo-ý của các nhà văn-hóa qui-tụ tại kinh-thành Ba-lê phong-phú này. Trước kia một vài bạn-bè cũng có trình-bày qua cho tôi được hiểu cá-tính của con người đó. Tôi chờ đợi.

Thi quả sau nhiều lời bàn qua, tiếng lại, tôi đã gần-gũi được và bắt đầu từ đó chúng tôi giao-kết cùng nhau. Càng chiêm-nghiệm, tôi càng thấy rõ rằng trên địa-hạt văn-hóa mọi người ở tại muôn phương đều dễ-dàng trở về gặp-gỡ và hòa chung nhịp sống với nhau.

Họ Trương quả là một nhà văn-hóa Đông-phương với tất cả những cốt-cách, phong-thái của tiên-sinh.

Ưu-điểm đầu tiên mà chúng tôi nhận thấy là Trương vĩnh Ký biết nhận những sự sút-kém của mình, rồi thẳng-thắn tìm học, không một chút ngại-ngùng, e-lệ, bần-khoãn gì cả.

Con đường tiến-thủ trường-cửu nào cũng đòi-hỏi ở mỗi chúng ta đức-tính đó cả. Vì vậy cho nên tôi cũng tin-tưởng ở vai trò văn-hóa của tiên-sinh rất nhiều triển-vọng.

II. — CON NGƯỜI ẤY THẬT HAM HỌC, HAM BIẾT, TƯỢNG - TRUNG CHO ĐỨC - TÍNH CẦN-MÃN, YÊU-CHUỘNG VĂN-HÓA CỦA NGƯỜI ĐÔNG - PHƯƠNG

Đó là một thái-độ cần-thiết của con người tri-thức, nhất là đối với Trương vĩnh Ký, vì tiên-sinh đã tự gán cho

minh một trọng-trách vĩ-dại là thâu-thập văn-hóa ngoại-bang!

Tôi thường nghe tiên-sinh nhắc lại lời nói quý-hóa (gần như châm-ngôn) của Mạnh-tử : « Đọc tất cả sách-vở, không bằng không có sách-vở » (ý nói là cần phải thực-hành đã). Bất cứ thấy một sự kiện gì, một tài-liệu nào mới lạ, tiên-sinh cũng dò hỏi cho đến ngọn, đến nguồn, không hời-hợt và cũng không bao giờ hà-tiện thi giờ về những công-việc đó.

Mỗi lần hiểu được, nhận rõ, nghe tinh thì Trương tiên-sinh gật gù, đắc ý như vừa khám-phá ra một công-trình mới lạ. Một hôm, tiên-sinh đùa với chúng tôi, bắt chước nhà bác-học Tây-phương quá cổ :

« Eureka! » (đã thấy rồi!).

« Eureka! » (đã thấy rồi!).

Rồi cứ thế mà dần-dà đi sâu vào mãi, phân-tách mãi, gặp chương-ngại gì thì thận-trọng kiểm-soát, điều-tra, nghiên-cứu lại cho đến khi nào nhận-định được mới thôi.

III. — BÀN VỀ ĐƯỜNG-LỐI GIÁO-DỤC VÀ GIÁO-HUẤN-PHẨM CỦA ĐÔNG - PHƯƠNG

Một hôm, trong một thư-viện, chúng tôi, một số lớn nhân-viên ở tại Á-châu hội đã đàm-luận sôi-nổi cùng với Trương tiên-sinh về vấn-đề giáo-dục hai chân trời để tìm những giải-pháp dung-hòa làm sao để cho 2 phương-pháp được thích-ứng. Cuộc họp mặt đó, Trương tiên-sinh đã tỏ rõ tài bác-học của mình.

Tôi hỏi :

— Tôi vẫn nghe rằng suốt trong lịch - sử Đông-phương có nhiều thiên truyện bàn về giáo-dục rất thâm-thúy và cao sâu. Ngài có thể trình-bày cho tôi rõ phương-pháp và tài-liệu giáo-huấn như thế nào?

PHỤ - LỤC

Ông tươi cười, mắt đầy tin-tưởng và hứng-khởi mà
đáp lại lời ấy rằng :

— Đúng thế ! đúng thế đấy !

Trong phương-pháp giáo-dục thiếu-nhi của Đông-
phương luôn luôn chú-trọng đến *hứng-khởi*.

Chẳng hạn như những đoạn thơ ngắn sau đây của ông
Bá-thần Trinh Hiệu (1) trong tập *Minh-đạo gia-huấn* đã
được phổ-thông trong các trường học ở Trung-hoa và
Việt-nam từ xưa, thì cũng đủ rõ :

*Bần nhi vô xiêm
Phú nhi vô kiêu !*

.
*Nhan tham tài-lử,
Điều tham thực-vong.*

*Cơ-hàn thiết-thân,
Bất cố liêm-sĩ.*

*Tự tiên trách kỷ,
Nhi hậu trách nhân.
Hàm huyết phùn nhân,
Tiên ó ngã khẩu.*

.
*Tích thiện phùng thiện,
Tích ác phùng ác.*

.
*Cận châu giả xích,
Cận mặc giả hắc.*

.

(1) *Trinh Hiệu* là anh của *Trinh Di*, học-trò của ông *Chu đôn Hi*, đỗ tiến-sĩ, làm quan về đời Tống Thần-tôn (1068-1086). Ông là tác-giả những bộ sách bàn về đạo-đức, luân-lý và nhất là sách *Định Tinh*, *Thái-cực Đồ-thuyết*. Đến khi ông đã mất rồi, ông Văn ngạn Bác đề ở tại mộ ông là *Minh-đạo Tiên-sinh*, cho nên từ đó về sau người ta cứ lấy tên đó để gọi ông. *Minh-đạo gia-huấn* gồm có 500 câu tứ-ngôn, nói về tu thân, xử thế.

PHỤ - LỤC

*Đản hoặc vô tài,
Bất hoạn vô dụng (1).*

Dịch nghĩa như sau :

*Nghèo mà không nịnh,
Giàu mà không kiêu.*

*Người tham thì của chết,
Chim tham ăn thì mất.
Đòi rét thiết đến nhau
Không đoái lời liêm-sĩ
Trước trách mình
Rồi sau trách người
Ngậm máu phun người
Trước bản miệng ta*

*Trữ thiện gặp thiện
Trữ ác gặp ác*

*Gần sơn thì đỏ
Gần mực thì đen*

*Chỉ lo không có tài
Chẳng lo không được dùng (2)*

(1) Lời giáo-dục nhi-dòng bằng lối vận-ngữ đề cho thiếu-niên nhi-dòng dễ học, dễ hiểu ta còn thấy ở những tác-phẩm giáo-huấn sau đây :

- *Nam quốc-dân lu tri* (Phan bội Châu).
- *Nữ quốc-dân tu tri* (Phan bội Châu).
- *Gia-huấn-ca* (Nguyễn Trãi).

(2) Chúng tôi tạm dùng bản dịch của ông Hải Lượng Dương quảng Hàm vì bản này được phổ-thông ở trong các học-đường và ở tài-liệu kê-cứu... hơn hết.

PHỤ - LỤC

Những câu văn đối đáp nhau chặt-chẽ, vận-dụng âm-diệu và nhất là nhờ cú-pháp ngắn cho nên ai ai cũng ham đọc, ham hiểu. Tuy rằng nó không hoàn toàn giống như những lối thơ của La Fontaine (*Fables de La Fontaine*) nhưng nó vẫn giữ được những tính-chất khéo-léo và độc-đáo (original) của nó.

Mỗi loại có một tính-chất riêng-biệt :

— Thơ ngụ-ngôn của thi-hào La Fontaine thì nhắm về lối hứng-thú hoạt-kê (farce), dùng những mẫu sinh-hoạt của loài vật để nhân-cách-hóa (personnifier) lên.

— Còn như tập *Minh Đạo gia-huấn* của ông Bá-thuần Trình Hiệu thì có tính-chất cách-ngôn (maxime) và cơ-tri (esprit) hơn (1), dù khô-khan nguyên-tắc thật đấy, nhưng vẫn được con em học-sinh thích-thú vô cùng vì âm-diệu, bút-pháp đẹp-dẽ và êm-dềm, linh-dộng, uyển-chuyển, đặc-biệt của nó. Cũng đừng nên so-sánh quá gò-bó khi so-sánh hai tác-phẩm có hai dụng ý không giống như nhau. . .

(Trình-bày đến đây thì đôi mắt của tiên-sinh tươi-sáng hẳn lên, đầy vẻ tin-tưởng và hăm-hở vô cùng)...

IV. — TRONG KHOÉ MẮT ĐÓ ĐÔI KHI VẠN CÒN THẤY ÍT NHIỀU BI-QUAN (!)

Về sau, tôi có nhận được tin Trương vĩnh Kỳ trải qua nhiều cơn khủng-hoảng tinh-thần vì có nhiều kẻ dèm-pha, ghét-bỏ mình.

Tôi cũng có tiên đoán điều này, vì hoàn-cảnh một quốc-gia nhược-tiểu thường xảy ra như vậy.

Ấu đó cũng là tâm-trạng chung của những con người đem tất cả tâm-hồn, chí-khí, năng-lực vào việc bảo-lồn cơ-sở tinh-thần của nước nhà nhưng không được mấy ai

(1) Cơ-tri là một lối văn u-mặc (humour) rất sắc bén, gây-gọn, cốt để nêu rõ đường ngay, lối thẳng cho mọi người theo (dẫn theo sách *Lão Ngữ Phú Xa*).

PHỤ - LỤC

đoái-hoài đến ; đã vậy mà họ còn đứng ra tìm đủ cơ-mưu để chống đối nữa.

Như thế càng chứng-tỏ cho chúng ta điều quan-trọng sau này :

Con người chuyên về văn-học khó lòng mà bước sang địa-hạt chính-trị được, dù rằng chỉ coi đó là một phương-tiện (un moyen), một giai-doạn lâm thời mà thời cũng vậy.

Những năm về sau, tiên-sinh trao-dồi thư-từ với các nhà văn-hóa Pháp càng thừa-thót dần, và chỉ toàn những lời bi-quan, yếm-thế, hay nói cho đúng hơn, chỉ là những lời thanh-minh, bày-tỏ ần-khuất, bất mãn của mình mà thôi. Theo như dư-luận của các nhà cầm-quyền cho hay thì trong giai-doạn sau này, Trương tiên-sinh gặp nhiều trở-ngại về đường chính-trị của mình. Có nhiều người dèm-pha, muốn tranh-giành địa-vị của tiên-sinh (khi được sung vào Cơ-mật-vụ giúp cho nhà vua An-nam — đây có ý nói vua Đồng-khánh đã hết sức tin dùng Trương vĩnh Ký). Hoặc giả cũng có kẻ cho rằng Trương tiên-sinh không trung-thành với nước nhà (có lẽ là chủ-trương: « Trung thần bất sự nhị quân » của một số nhà nho thủ-cự và cầu nhân-hạ).

V. — BÀN VỀ CUỘC GẶP-GỠ VÀ TRAO - ĐỔI TƯ - TƯỚNG, QUAN - NIỆM VĂN - HÓA GIỮA ÔNG TRƯƠNG SĨ TÀI VÀ CÁC NHÀ TRÍ - THỨC, BÁC - HỌC TÂY - PHƯƠNG

Có lẽ vì ôm cái mộng bước ra ngoài để tìm học sáu-xa và phóng tầm mắt quang-dãng để so-sánh, nhận-thức các vấn-đề cho nên khi bước chân lên đất Pháp cùng với phái-bộ Phan Thanh Giản (chỗ này nguyên-văn chép không

PHỤ - LỤC

được rõ-ràng cho lắm) là ông tìm cách giao-tiếp thân-ái với các nhà văn-hóa về mọi ngành, mọi tổ-chức. Cái sở-đắc học-vấn của tiên-sinh về mọi vấn-đề văn-chương cũng như khoa-học, đạo-đức, siêu-hình cũng như luân-lý, tâm-lý, vật-lý-học, đã khiến cho những văn-hữu và tôi càng khâm-phục hơn nữa. Những vấn-đề đó, theo lời của tiên-sinh mách lại cho chúng tôi hay thì một phần là nhờ các đức Giám-mục ra công chỉ-dẫn cho, một phần lớn cũng là nhờ tinh-thần tự học, tham-bác của tiên-sinh hay là chiêm-nghiệm ngay ở trong đời sống hằng ngày của mình (ví-dụ như vấn-đề sản-đục, vấn-đề thuộc sinh-lý, bệnh-lý, vật-lý-học về nhân-thể chẳng hạn). Đáng qui hơn là tiên-sinh đã biết áp-dụng những điều đã học vào đời sống hằng ngày và những điều sinh-hoạt hằng ngày để bổ-túc lại lý-thuyết của mình. Nhờ vậy mà các nhà khoa-học yêu-chuộng, kính-nể tiên-sinh hơn nữa.

Bất cứ ở đâu đâu, Trương-quân vẫn giữ đúng thái-độ, tác-phong của con nhà nho Đông-phương : kính-cẩn, tín-nhiệm và lễ-độ với tất cả mọi người. Tiên-sinh đã gây được nhiều cảm-mến với các văn-sĩ, bác-học, danh nhân của Pháp cũng như các anh-tài thế-giới đến trú-ngụ hay viếng thăm kinh-đô Ba-lê lúc bấy giờ. Nhờ vậy mà tiên-sinh gây được nhiều tình thân-hữu đằm-thắm, nồng-nhiệt, có ảnh-hưởng đến con đường tiến-thủ của mình trong mọi địa-vực.

Một hôm, nhân bàn đến tư-tưởng luân-lý, đạo-đức của La Rochefoucauld, Trương vĩnh Ký đã phân-tích cùng tôi như vầy :

— La Rochefoucauld quá yếm thế. Cứ dùng một nhãn-quan khắc-kỷ và duy-lý như thế thì làm sao mà bảo-vệ được giá-trị thiêng-liêng về nhân-sinh-quan mà đức chúa Trời đã bang lòng nhân-ái vô biên cho chúng ta nữa. Nhân-ái cần-thiết vô cùng.

VI. — QUAN-ĐIỂM CỦA ÔNG
TRƯƠNG VĨNH KÝ ĐỐI
VỚI TRÀO LƯU CHÍNH-
TRỊ TÂY-PHƯƠNG

Một hôm khác, trong một buổi tiếp chuyện ở nơi trú-quán của phái-bộ An-nam (Việt-nam) về chuyện bâng quơ rồi cuối cùng cũng đi sâu vào lãnh-vực học-hỏi, tôi lần-la câu chuyện một hồi về văn-chương, tư-tưởng, một lát rồi lại quay sang hỏi ý-kiến tiên-sinh về vấn-đề chính-trị.

— Ngài nhận định chính-trị nơi đây như thế nào ?

Lúc đó tiên-sinh đã chân-thành trình bày cho chúng tôi được hiểu rõ ràng :

— Tiến-bộ về sinh-hoạt chính-trị của Tây-phương thật quá rõ-rệt và mạnh-mẽ về đường thực-dụng.

Công-trình của các nhà văn-hóa có công trong cuộc cách-mạng tư-sản dân quyền ở Pháp 1789 — có thể bảo là của châu Âu — như là

— Montesquieu (1689-1755)

— Jean Jacques Rousseau (1712-1778)

— Diderot (1713-1784)

— Voltaire (1694-1778)

thật tiến-bộ và đáng nêu gương sáng.

Tôi cũng đã từng đọc những bộ sách qui như là :

— Vạn pháp tinh lý (Esprit des trois) — tác-phẩm của Montesquieu in vào năm 1748

— Dân ước (Contrat social) — tác-phẩm của ông Jean Jacques Rousseau, in năm 1762

— Thư Ba-tư (Lettres persanes) — tác-phẩm của Montesquieu, xuất bản vào năm 1721

— Thư triết-học (Lettres philosophiques) — tác-phẩm của Voltaire năm 1733

PHỤ-LỤC

hay một vài chương ở bộ tự-diễn Diderot (soạn trong 21 năm trời từ 1751 đến 1772). Chẳng những họ đã sống một cuộc đời gian-khổ, cực-nhọc, vào tù ra tội, dày ải hiểm-nghèo, mà điều đáng cho chúng ta khám phục hơn là trình bày thẳng-thắn giá-trị tự-do, bình-dẳng của con người, của người dân, của kẻ dưới được có một địa-vị rõ-rệt. Chính-trị của thầy Mạnh-tử cũng có nhiều điểm rất tiến-bộ như thế, xin trình-bày một vài đoạn điển-hình ra sau đây để các ông được rõ-ràng hơn :

« Dân vi quý,
Xã-tắc thứ chi,
Quân vi khinh ! »

Có nghĩa là :

Dân thật đáng quý,
Rồi mới đến nước nhà thứ nhì,
Vua chỉ nên coi nhẹ mà thôi.

Hoặc là những đoạn như sau đây :

— « Chưa thấy kẻ có lòng nhân mà bỏ cha mẹ mình bao giờ !

— « Chưa thấy kẻ có nghĩa mà lại trễ-nãi công-việc của nhà vua bao giờ cả !

— « Vua chỉ nên nói đến việc nhân-nghĩa mà thôi, hà tất phải nói đến lợi-lộc gì (1) ! »

Nói đến đây thì tiên-sinh xoa đôi tay với nhau, cười mà rằng :

« Công-việc khai-hóa dân-tộc cũng phải nhắm vào việc nâng cao dân-trí mới được ».

(1) Đoạn này, Trương Vĩnh Ký dẫn ở tập sách Mạnh-tử thuộc về thiên Lương huệ Vương, quyền thượng, chương thứ nhất — Xem thêm: *Nho Giáo* của Trần Trọng Kim — Tân Việt xuất-bản)

PHỤ - LỤC

VII. — ÔNG TRƯỞNG VĨNH KỶ
PHÂN-TÁCH TINH-THẦN
VÀ PHƯƠNG - PHÁP
KHOA-HỌC CỦA TÂY -
PHƯƠNG TRONG NHỮNG
THẾ - KỸ GẦN ĐÂY

Theo sự nhận-xét của tôi trong những lúc đàm-đạo về những lý-lẽ khoa-học với tiên-sinh thì có lẽ tiên-sinh đã huân-tập được tinh-thần và phương-pháp khoa-học từ trước, tuy rằng còn ít.

Tiên-sinh thường bảo cùng những anh em bạn thâm giao câu này :

— « Thế-kỹ này là thế-kỹ của văn-minh khoa-học và thực-nghiệm (scientifique et empirique). Luật đào-thải tự nhiên khuyên chúng ta phải đi cho kịp đà tiến-hóa nhịp-nhàng của xứ-sở. Lạc-lỡng là bị... đào-thải ngay. Cũng vì thế cho nên tôi phải tiếp, phải học mãi... »

Trước khi về nước, tiên-sinh có hứa sẽ đem những điều sở-dắc của mình để xây-dựng chút-ít cho văn-hóa nước nhà của tiên-sinh.

Một hôm, tôi có nhận được một bức thư, lời-lẽ cặn-kẽ và chân-thành của tiên-sinh gửi từ An-nam (Việt-nam) qua. Đây là một bức cuối cùng, vì sau này dọn nhà đi chỗ khác, tôi không còn bắt được liên-lạc nữa.

Nguyên văn như sau đây :

Ngày..... tháng 7 năm 1882
Hiền-huynh đáng kính của tôi,

Tiếp theo bức thư trước tôi đã gửi cho hiền-huynh những tác-phẩm của tôi vừa cho ấn-hành xong là 5 cuốn :

1° Rertoire pour les nouveaux étudiants en caractères chinois (1877)

2° Retraite et apothéose de Trương Lương (tức là Trương Lương hầu phú) (1881).

PHỤ - LỤC

3. Kim Vân Kiều. Poèmes transcrit pour la première fois en Quốc-ngữ avec des notes (bản tay).

4. Sử-ký Trung-hoa (1876).

5. Sử-ký Nam-Việt (1876).

Tôi đã cố gắng dùng những lối biên-soạn tài-liệu giáo-khoa rõ-ràng, chi ly, có hệ-thống để cho mọi người dễ-dàng tìm hiểu và những nhà tân-học mới bắt đầu biên-soạn có được một vài khái-niệm khoa-học nào chăng?

Biết bao nhiêu tư-tưởng tiến-bộ của phương-pháp khoa-học làm cho tôi lại cần phải thận-trọng, kỹ-lưỡng, dò xét ngọn-nguồn sâu-xa hơn nữa mới được, vì làm việc này thật khó và thật cần-thiết quá nhiều.

Kính hiền hữu,

Hiền hữu gửi tiếp cho tôi những bản in mới ấn-hành ở Ba-lê, bằng tiếng La-tinh cũng được. Bao nhiêu công-việc quá rộn-ràng, nhưng dù sao bề học mệnh-mông mà mình thì tài hèn, sức kém, hiền huynh chú-trọng đến việc đó cho. Những bản phê-bình (critique) về văn-học và lịch-sử thật cần-thiết! Mỗi ngày, những nhà bác-học mỗi sáng-tạo ra phương-pháp, đào-tìm ra tài-liệu mới lạ (2).

Kính chúc hiền-huynh gặp được nhiều may-mắn và gia-đình được vạn an. Có dịp chúng ta sẽ cùng nhau đoàn tụ để hàn-huyên nhiều hơn nữa.

Gửi hiền-huynh tất cả tấm lòng qui-mến và biết ơn nồng-nhiệt của tôi.

J. B. P. TRƯƠNG VĨNH KÝ.

(1) Xin các bạn đọc những bức thư của Trương Vĩnh Ký gửi cho bác-sĩ Chavanne thì sẽ rõ thêm sự mến-chuộng văn-học, khoa-học ngoại-quốc biết là dường nào (bức thư đề ngày mồng 8 tháng 4 năm 1887, gửi về Ba-lê. Nguyên-văn bức thư này bằng tiếng La-tinh).

(2) Vào khoảng thời-gian này, nền khoa-học của Tây-phương phát-triển mạnh-mẽ, nhất là về ngành vật-lý-học (đồng thời các khoa khảo-cổ-học, xã-hội-học bắt đầu manh-nha) vừa lên cao độ.

PHỤ - LỤC

Bức thư tuy rằng ngắn-ngủi, nhưng là một bằng-chứng cụ-thể cá-tính của tiên-sinh, dù ở đâu !

VIII. — ÔNG TRƯƠNG VĨNH KÝ
BÀN VỀ SỰ GIAO-TIẾP
CỦA HAI NỀN VĂN-HÓA
ĐÔNG - PHƯƠNG
VÀ TÂY - PHƯƠNG

Chuyến đi sang Pháp là khai nguồn cho công-trình tham cứu văn-hóa và biên-soạn tài-liệu văn-học, nhất là đã xoay chuyển tư-tưởng của ông Sĩ Tải Trương vĩnh Ký.

Suốt mấy chục năm trời, say-sưa với công-việc biên-soạn, vui thân vào việc học-tập tư-tưởng Tây-phương, ánh sáng mới càng làm cho người ông thích-thú hơn.

Nhưng dù sao đi nữa, họ Trương vẫn không quên giá-trị văn-hóa cổ truyền của Đông-phương, không « theo mới, nới cũ », không « bỏ hình bắt bóng » mà quên căn-bản của mình. Chính những áng văn-chương đạo-lý của Khổng Mạnh như những cuốn sau đây :

- Trung-dụng
- Đại-học
- Luận-ngữ
- Mạnh-tử
- Minh-đạo gia-huấn

đều được tiên-sinh dịch-thuật, chú-thích rất cặn-kẽ. Mỗi cuốn lại còn có những bài thơ vịnh, lời-lẽ uyển-chuyển, tài-hoa (tiếc rằng tôi không đọc đủ 118 cuốn của tiên-sinh viết phần thì tài-liệu phát hành sang đây thật hiếm-hoi, phần thì tôi cũng không thông Việt-ngữ và Pháp-ngữ cho lắm)

Chỉ một điều này cũng đủ chứng-tỏ thiện chí, thiện tâm của tiên-sinh đối với những tinh-hoa *Khổng Mạnh* sâu-đậm như thế nào rồi.

PHỤ - LỤC

Về văn-hóa Tây-phương cũng vậy.

Ở tại trường Thông-ngôn, luôn luôn tiên-sinh đóng vai trò giới-thiệu và phát-triển tinh-hoa của hai nền văn-minh Đông và Tây để cho họ dễ-dàng gặp-gỡ nhau hơn nữa. Trong những công-việc thuần-túy giáo-dục và văn-hóa như vậy, sao tiên-sinh lại đam mê (passion) hào-húng, tỉ-mỉ đến như thế. Có lẽ đó là một bồn-phận : bồn-phận chân-chánh và vô cùng thiêng-liêng của mình ! (1)

Phổ-biến bằng sách-vở, phổ-biến bằng đường-lối giáo-dục, xây-dựng tư-tưởng, liệt tiên-sinh vào hàng-ngũ các chiến-sĩ văn-hóa tiền-phong của nước An-nam (Việt-nam) trong thời-kỳ cận-đại này, đâu có phải là một lời tâng-bốc, đâu có phải là lời nói ngoa ! Chỉ đứng vào hoàn-cảnh của một nước nhược-tiểu để đánh giá-trị của tiên-sinh, điều này cũng đủ cho ta thấy vai trò kia càng vững chắc, kiên-cố lắm rồi !

= CHUNG =

(1) Đọc đoạn văn này của Léon Gautier khiến cho chúng ta liên-tưởng đến quan-niệm văn-hóa của *Thái Thượng Lão-quân* :

- Làm thầy thuốc mà sai-nhầm thì giết chết một người !
- Làm thầy địa-lý mà sai-nhầm thì giết chết một họ !
- Làm chính-trị mà sai-nhầm thì giết chết một nước !
- Làm văn-hóa mà sai-nhầm thì giết chết muôn đời !

(Dẫn theo *Cổ-văn*)

SÁCH THAM-KHẢO

- Pétrus Ký — Erudit Cochinchinois.*
par Jean Bouchot 1925 (97 trang)
- Lettre de Đồng-khánh à Trương vĩnh Ký.*
Texte traduit par M. Nicolas Trương vĩnh Tống et mis
en vers français par Raphael Barquissau.
- Trương vĩnh Ký*
của Lê Thanh — Phổ-thông bản nguyệt san. Tháng Sep-
tembre 1943.
- Thi-sĩ Trung Nam (biên-khảo).*
của Vũ ngọc Phan — Phổ-thông bản nguyệt san.
Tháng Novembre 1943
- Trương-công thiết lỵ.*
của Đặng thúc Liên
- Correspondance inédite en latin de Pétrus Trương vĩnh Ký.*
của Raphael Barquissau
- Đồng-nai (Số 23-24 ra ngày 15-1 — 1-2-1933).*
Bài của Huyền Mặc đạo-nhân
- Nam-kỳ tuần báo (Số 50 ra ngày 2-9-1943)*
(Đặc biệt về Trương vĩnh Ký)
- Nhà văn hiện-đại (tập I)*
của Vũ ngọc Phan
- Tri Tân số 4.*
bài của Lê Thanh
- Đại-Việt văn-học-sử.*
của Nguyễn sĩ Đạo (Tân Hóa xuất bản) In lần thứ
nhất. 1941.

Việt-nam Văn-học sử yếu.

của Dương quang Hàm. (Bộ Q. G. G. D xuất-bản)

Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises.

Sách ở Tổng-thư-viện Quốc-gia. — Tome III. 1928.

Le Tam-tự kinh

(transcrit et traduit en prose et en vers annamites

Saigon. Imprimerie C. Guillaud et Martinon — 1884

Quatre livres classiques en caractères chinois et en annamite

No 1 — Grande Etude. Texte en caractères avec
transcription en Quốc-ngữ

Edité par Imprimerie de l'Union Nguyễn văn Cúa—1925

Việt-nam sử-lược

của Lê Thần Trần trọng Kim (Tân Việt xuất-bản).

Một gương hiếu học : Trương vĩnh Ký

Bài của Kiêm Đạt (Nguyệt san Hiếu Học. Lasan xuất-
bản).

Palmarès 1929-1930 du Lycée Pétrus Ký

Discours prononcé par M. Rousset.

Phan Thanh Giản

của Nam xuân Thọ (Tân Việt xuất-bản)

M U C L U C

	<i>Trang</i>
1. — Khai-từ	VII
2. — Niên-biểu	XI
3. — Sự học-vấn dở-dang của thời thơ-ấu	11
4. — Bắt đầu xuất dương.	13
5. — Học ở Pinang	15
6. — Trương vĩnh Ký lập gia-dinh	18
7. — Sự phản-tính của các nhà nho.	23
8. — Tinh-thần cấp-tiến của giới trí-thức du-học	27
9. — Bước chân vào đường chính-trị	30
10. — Tiếp-xúc với giới trí-thức Tây-phương	32
11. — Tờ báo đầu tiên trên đất Việt	35
12. — Việc cấm đạo và giết giáo-sĩ	38
13. — Phong-trào cần-vương khắp toàn quốc	42
14. — Một bức thư quan-yếu của P. Ký gửi vua Đồng-khánh	45
15. — Thư của vua Đồng-khánh gửi cho P. Ký	47
16. — Thống-dốc Paul Bert sang Việt-nam	56
17. — Chấn-nã chính-trị về hưởng nhàn	59
18. — Sự-nghiệp trước-thuật của Trương vĩnh Ký	63
19. — Sách chưa in của Trương vĩnh Ký	69
20. — Ghi ơn Trương vĩnh Ký	71
21. — Viếng hương-hồn Trương vĩnh Ký	75
22. — Ý-kiến phê-bình Trương vĩnh Ký	77
23. — Thi-văn diên-hình của Trương vĩnh Ký.	85
24. — Phụ-lục	
Những bức tâm thư	103
Quan-niệm của P. Ký về vấn-đề văn-hóa Đông-phương và Tây-phương	131
25. — Sách tham-khảo	147
M U C L U C.	149

T Ò S Á C H
« NHỮNG MẢNH GƯƠNG » TÀN VIỆT

Tủ sách mà mọi
Tủ sách gia-đình
cần phải có

ĐÃ CÓ BÁN

- | | |
|--|-------------|
| 1. — Nguyễn Thái Học | giá 40đ. |
| 2. — Phan Chu Trinh | giá 42đ. |
| 3. — Phan Văn Trị | giá 20đ. |
| 4. — Huỳnh Mẫn Đạt | giá 18đ. |
| 5. — Phan Bội Châu | giá 52đ. |
| 6. — Nguyễn Đình Chiểu | giá 48đ. |
| 7. — Phan Đình Phùng | giá 67đ. |
| 8. — Lương Ngọc Quyến | giá 25đ. |
| 9. — Trông giòng sông Vị (<i>Trần Tế Xương</i>) | giá 25đ. |
| 10. — Hàn Mặc Tử | giá 50đ. |
| 11. — Tôn Thọ Tường | giá 28đ. |
| 12. — Phan Thanh Giản | giá 25đ. |
| 13. — Võ Trường Toản | giá 20đ. |
| 14. — Sương Nguyệt Anh (<i>nữ-sĩ tiền-phong</i>) | giá 18đ. |
| 15. — Nguyễn Văn Vĩnh | giá 20đ. |
| 16. — Nguyễn Khuyến | giá 20đ. |
| 17. — Ngô Vương Quyên | } (đang in) |
| 18. — Nguyễn Trường Tộ | |
| 19. — Hoàng Diệu | |
| 20. — Trần Quý Cáp | |
| 21. — Trương Vĩnh Ký | |
| 22. — Huỳnh Thúc Kháng | |

Nhà xuất-bản TÀN VIỆT

235, Phan Thanh Giản — Saigon

TRƯƠNG VINH KÝ
của Khổng xuân Thu lần
thứ nhất do nhà TÂN
VIỆT xuất-bản và giữ
bản quyền in xong
ngày 1-3-1958 tại nhà in
riêng của nhà xuất-bản
